

NGƯỜI PHẬT TỬ CẦN BIẾT
(NHỮNG ĐIỀU PHI PHẬT PHÁP)
TẬP II

Sách này chỉ kính biếu, không bán! Quý Phật tử hay bạn đọc nào có nhu cầu thỉnh sách, xin vui lòng liên hệ ban kinh sách của tu viện Chơn Như:

ĐT: (066) 389.2911 (Tu viện Chơn Như)
098.809.4445 (Hà Nội)

Email: chonnhu.info@gmail.com

Trưởng Lão THÍCH THÔNG LẠC

**NGƯỜI PHẬT TỬ
CẦN BIẾT
TẬP II**

**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
PL: 2555 - DL: 2011**



LỜI NÓI ĐẦU

Kính thưa các bạn thân mến! Sau khi đọc xong tập sách Người Phật Tử Cần Biết Tập II (Những kinh sách không phải Phật thuyết) do các bạn nhóm Nguyên Thủy Khánh Hòa sưu tập từ trong những tập sách của tu viện Chơn Như, để nối tiếp tập sách Người Phật Tử Cần Biết Tập I (Những điều phi Phật pháp) do nhóm Phật tử ở Mỹ sưu tập và ấn hành năm rồi. Vậy, hôm nay chúng ta đã có hai tập sách Người Phật Tử Cần Biết, và tiếp tục những tập III, IV, v.v... sẽ ra đời để chỉ những cái sai và những cái không đúng của Phật giáo quá nhiều trong ba tạng kinh sách như rừng, như núi.

Những tập sách này được ra đời là để chấn chỉnh lại kinh sách Phật giáo và cũng để nói lên cho mọi người biết rõ những kinh sách nào do Phật thuyết và những kinh sách nào không phải Phật thuyết, đó là mục đích để loại trừ những kinh sách tà giáo, ngoại đạo đang pha trộn trong giáo lý của đức Phật.

Kính thưa các bạn! Trong khi Diệu Quang viết lời giới thiệu tập sách này thì được đọc một tập sách tựa đề “Giặc Thầy Chùa” ở hải ngoại gửi về. Khi đọc xong tập sách, Diệu Quang cứ nghĩ rằng quý thầy tu sai pháp, nên không làm chủ sanh, già, bệnh, chết mà thôi, chứ đâu ngờ quý Thầy toàn là những bậc tiền bối, chức sắc, lãnh đạo mà lại tệ hại đến mức này, để lại một vết nhơ cho Phật giáo muôn đời không bao giờ rửa sạch. Ai đọc tập sách Giặc Thầy Chùa mà không đau lòng khi thấy Phật giáo đã, đang bị các bậc tôn túc, Hòa thượng, Thượng tọa ra tay tận diệt Phật giáo bằng những hành động phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới, sống phi Phạm hạnh.

Kính thưa các bạn! Giáo pháp kiến giải, tưởng giải của các tổ sư Trung Quốc để lại thật là một tai hại to lớn, chính nó đã biến tu sĩ Phật giáo trở thành những cây chùm

gởi ăn bám vào mồ hôi nước mắt của phật tử, tu hành chẳng ra gì mà lại còn làm những việc tồi tệ, chôn vùi và đánh mất giá trị Phật giáo, đến nỗi người ta gọi tăng, ni là “Giặc Thầy Chùa”. Đau lòng lắm các bạn ạ!

Kính thưa các bạn! Trước cảnh suy đồi của tu sĩ Phật giáo như vậy, các bạn đã biết do nguyên nhân nào sinh ra không? Đó là những kinh sách không do đức Phật thuyết, mà là các tổ sư Trung Quốc tự thuyết, rồi gán cho Phật thuyết để lừa bịp phật tử. Các bạn có thấy không?

Những tập sách Người Phật Tử Cần Biết ra đời, làm sáng tỏ và loại trừ những giáo lý mê tín, ảo tưởng của tà giáo, ngoại đạo ra khỏi kinh sách Phật, để khởi xướng cho chương trình giáo dục, đào tạo đạo đức nhân bản - nhân quả không làm khổ mình, khổ người và khổ muôn loài chúng sanh; để biến cảnh sống thế gian thành cảnh giới Thiên Đàng, Cực Lạc; để đào tạo những bậc A La Hán tâm vô lậu hoàn toàn.

Những tập sách Người Phật Tử Cần Biết sẽ vạch trần bộ mặt giả dối, lừa đảo của kinh sách phát triển, làm sống lại con đường tu tập đạo đức giải thoát của Phật giáo.

*Bộ sách này có lợi ích như vậy, Diệu
Quang xin giới thiệu cùng quý bạn, chúc các
bạn dồi dào sức khỏe và tu tập xả tâm tốt.*

Ngày 12-01-2005

Kính ghi

Tu Viện Chơn Như



SỰ SAI BIỆT GIỮA GIÁO PHÁP CỦA PHẬT VỚI ĐẠI THỪA (THIỆN, TỊNH, MẬT) VÀ BÀ LA MÔN

Hỏi: Kính thưa Thầy! Sự sai biệt giữa Bà La Môn giáo và Phật giáo như thế nào?

Đáp: Giữa Bà La Môn giáo và Phật giáo có rất nhiều sự sai khác mà ít người để ý đến như:

1- Phật giáo bình đẳng, không chấp nhận giai cấp, nên giai cấp nào đến với Phật giáo đều được hướng dẫn tu tập như nhau, và đều được chứng quả A La Hán không khác nhau. Trong xã hội Phật giáo không có giai cấp nào cả, chỉ toàn là những người giới luật nghiêm chỉnh gọi là Hiền giả, đó là những bậc chưa chứng quả A La Hán, còn những bậc vô lậu chứng quả A La Hán gọi là Thánh giả, còn gọi là Trưởng Lão.

Ông Ca Chiên Diên là người sanh ra trong giai cấp cùng đinh, được Phật tiếp độ tu tập chứng quả A La Hán. Đó là đã phá giai cấp trong xã hội lúc bấy giờ. Cho giới nữ xuất gia chứng quả Thánh A La Hán, đó cũng là đập phá tư tưởng trọng nam, khinh nữ của xã hội lúc bấy giờ.

Bà La Môn chấp chặt bốn giai cấp trong xã hội, cho giai cấp mình là trên hết. Chấp nhận với tinh thần trọng nam, khinh nữ của xã hội. Đó là sự khác biệt giữa Phật giáo và Bà La Môn giáo.

2- Phật giáo không chấp nhận có thể giới siêu hình, thế giới siêu hình chẳng qua chỉ là hình bóng của thế giới hữu hình của con người mà thôi.

Cái nhìn của Phật giáo thiết thực, cụ thể hơn, nên khẳng định thế giới siêu hình là thế giới của tưởng tri, chứ không phải là thế giới của liễu tri.

Bà La Môn chấp nhận có thể giới siêu hình, nên không giống đạo Phật phi thế giới siêu hình, nên đạo Phật thực tế hơn.

3- Đạo Phật không chấp nhận tụng niệm, Bà La Môn chấp nhận tụng niệm. Đức Phật dạy: *“Này Bà La Môn, một người tụng niệm chú thuật giỏi mà phạm giới, còn tham lam, trộm cắp, còn vọng ngữ, tà dâm, thì người ấy có xứng đáng là Bà La Môn không?”*. Xin các bạn trả lời.

Một người không tụng niệm, không vi phạm giới luật, không giết hại, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, thì người ấy là người có xứng đáng là Bà La Môn không? Do sự so sánh này giữa tụng niệm và không tụng niệm, giữa trì giới và không trì giới, mà chúng ta biết rất rõ đức Phật không chấp nhận tụng niệm. Thế mà đạo Phật bây giờ đi ngược lại đạo Phật ngày xưa. Đạo Phật ngày xưa có tiến bộ hơn đạo Phật bây giờ, còn đạo Phật bây giờ lùi lại hơn cả những thế kỷ lạc hậu ngày xưa.

Như vậy, đạo Phật có sự sai khác với đạo Bà La Môn. Nhưng hiện nay, các chùa tuy mang danh là Phật giáo, mà thật sự là chùa Bà La

Môn. Vì tứ thời tụng niệm ê a, tiếng chuông, tiếng mõ vang rền. Còn chùa Phật giáo không tụng niệm, chỉ ngày đêm chuyên cần tu tập ngăn ác, diệt ác pháp, đó mới chính là sự công phu tu tập của Phật giáo. Đó là sự sai khác giữa Bà La Môn và Phật giáo.

4- Bà La Môn chấp nhận có tướng tốt mới thành một Bà La Môn, còn Phật giáo thì không chấp nhận tướng tốt, nên đức Phật dạy: *“Người có tướng tốt mà còn tham lam, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, còn ăn uống phi thời, còn cất giữ tiền bạc thì chưa thành một Bà La Môn”*. Kinh sách phát triển thường ca ngợi 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp của đức Phật, nhưng đức Phật không chấp nhận, mà bài bác tướng tốt của Bà La Môn. Như vậy các bạn nghĩ sao? Ba mươi hai tướng tốt, 80 vẻ đẹp có phải là của Phật giáo không? Đó là sự khác biệt giữa Bà La Môn và Phật giáo...

5- Phật giáo nương vào tự lực của mình, Bà La Môn giáo nương vào tha lực của thần quyền. Có rất nhiều kinh sách tự nhận là của đạo Phật như kinh Pháp Hoa (phẩm Phổ Môn), kinh Quy Ngươn, kinh Vô Lượng Quang, kinh Di Đà... nhưng lại dạy nương tựa vào tha lực giống kinh sách Bà La Môn giáo.

6- Phật giáo không khổ hạnh, chỉ tu tập xả tâm, Bà La Môn khổ hạnh như: đứng một chân, ngồi kiết già nhiều giờ khiến cho thân mỗi mệt và đau nhức, ăn quá ít, mùa Đông nằm trong nước lạnh, làm cho thân chịu nhiều khổ đau...

Phật giáo không làm khổ mình như vậy, những pháp môn của Phật giáo thường tu tập pháp xả tâm. Sống một đời sống thanh thản, an lạc và vô sự. Đó là sự sai khác giữa Phật giáo và Bà La Môn giáo.

7- Thiên Phật giáo tu tập chế ngự và xả tâm, nên có bảy năng lực Giác Chi xuất hiện, giúp cho hành giả nhập các định và thực hiện Tam Minh. Ngược lại, thiên Bà La Môn tu tập ức chế, không xả tâm, không ly dục, ly ác pháp, nên rơi vào thiên định tưởng. Đó là sự sai khác giữa đạo Phật và Bà La Môn.

8- Bà La Môn chấp có đấng Giáo Chủ, Phật giáo không chấp có đấng Giáo chủ. Người ta tôn xưng đức Phật lên làm đấng Giáo chủ, nhưng đức Phật chỉ xem mình là một Sa môn sống đúng phạm hạnh, chứ không phải như những Bà La Môn phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới, chuyên cúng tế, cầu siêu, cầu an, v.v...

Xin quý vị nên đọc lại kinh Pháp Cú, sẽ thấy đức Phật xác định Bà La Môn đúng và Bà La Môn sai, rồi suy ngẫm ra mới thấy đạo Phật được mọi người suy tôn thành đạo Phật, chứ không phải tự đức Phật thành lập ra đạo Phật như các tôn giáo khác.

Đức Phật khi tu xong, Ngài chỉ mong đem giáo pháp chân thiện mỹ của mình, làm lợi ích cho mọi người, khiến cho mọi người sống biết thương nhau, đem lại hạnh phúc cho nhau, không còn làm khổ mình, khổ người nữa, đấy là ước nguyện

của Phật cũng đủ lắm rồi, chứ Ngài đâu có nghĩ rằng ngày nay Phật giáo một tôn giáo thật sự như vậy. Một tôn giáo ngoài sự ước muốn của đức Phật.

Những điều chúng tôi nói trên đây là một sự thật, hãy nghe lời dạy cuối cùng của đức Phật trước khi nhập Niết Bàn: *“Sau khi Ta nhập diệt các thầy Tỳ kheo hãy lấy giới luật và giáo pháp của Ta làm thầy”*. Lời dạy này rõ ràng đạo Phật không phải là một tôn giáo, mà là một môn học về đạo đức nhân bản - nhân quả, có phương pháp học tập và rèn luyện hẳn hoi. Như vậy, đạo Phật và Đạo Bà La Môn không giống nhau, khác xa nhau mọi mặt.

9- Bà La Môn với Phật giáo khác nhau một trời một vực. Bà La Môn xây dựng có tiểu ngã và đại ngã. Đại ngã là bản thể của vạn hữu ví như nước biển; tiểu ngã là thể tánh của mỗi sinh vật ví như giọt nước. Khi một chúng sinh chết thì thể tánh ấy giống như giọt nước rơi vào biển cả thì chỉ còn là một khối nước.

Ngược lại, Phật giáo cho thế giới hữu sắc và vô sắc đều là thế giới tướng, không có một vật gì thường hằng, vĩnh viễn, luôn luôn vô thường thay đổi từng sát na. Vạn vật sinh ra trong vũ trụ do các duyên hợp thành, nên khi tan hoại thì không còn một vật gì tồn tại. Thân, tâm con người đã là không thật thì không còn có một vật gì, một thế giới vô hình ảo ảnh nào là chân thật cả. Vì thế đạo Phật là đạo vô ngã chứ không hữu ngã. Mà

cũng không phải vô ngã theo kiểu Đại thừa và Thiền tông (vô ngã mà còn có Phật tánh, còn có cõi Niết Bàn, Cực Lạc Tây Phương, vô ngã mà còn có Ngọc Hoàng, Thượng đế), vô ngã thì không có Đại ngã và Tiểu ngã, v.v... Đó là những sự khác biệt giữa Phật giáo và Bà La môn.



KINH SÁCH ĐẠI THỪA KHÔNG PHẢI PHẬT THUYẾT

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Con có mấy quyển kinh như Lương Hoàng Sám, kinh Phương Quảng, kinh Địa Tạng Vương, kinh Dược Sư, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, v.v... Những quyển kinh này chùa nào cũng có lịch tụng niệm hàng năm theo khoá lễ. Vậy những quyển kinh này có phải là kinh của đức Phật hay không? Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ.*

Đáp: Những kinh sách mà con đã hỏi không phải do Phật thuyết, mà do các Tổ soạn viết ra sau này, theo kiến giải của từng bộ phái. Mỗi bộ phái khi được thành lập và trọn quyền nắm giữ bộ phái của mình, thì các Tổ biên soạn viết kinh sách theo sự vay mượn của giáo pháp ngoại đạo. Trong lúc đức Phật còn tại thế thì Ngài đã rồng lên tiếng rồng con sư tử, dẹp sạch các hệ tư tưởng

lượng gạt người bằng sáu mươi hai lý luận, làm chấn động cả đất trời (Ấn Độ thời ấy).

Sau khi đức Phật tịch, không ai còn nắm được giềng mối và quyền lãnh đạo tăng đoàn, thì đã bị các tổ sư ngoại đạo vì danh, vì lợi nên phân chia Phật giáo làm 20 bộ phái. Mỗi người chiếm lĩnh một nơi, rồi soạn viết kinh sách theo sáu mươi hai lập luận của ngoại đạo. Vì thế, kinh sách phát triển mà con đã kể ở trên không phải là kinh sách của Phật, mà là kinh sách phát triển bị Bà La Môn ngoại đạo hóa. Kinh sách ngoại đạo hóa ngày nay không còn mang tánh chất Phật giáo Nguyên Thủy, chỉ còn một số danh từ do đức Phật dạy mà thôi, nội dung toàn là của ngoại đạo.

Cho nên, từ khi Phật giáo chia ra làm nhiều bộ phái thì sự tu tập và đời sống đức hạnh của người tu sĩ không còn thấy nữa. Chỉ toàn là tu sĩ danh lợi, chạy theo thế giới siêu hình, cúng bái, tụng niệm, như trong các chùa có lịch tụng niệm các kinh này hằng năm, tháng để cầu an, cầu siêu cho tai qua, nạn khỏi... Đó là kinh sách của ngoại đạo Đại Thừa đã dạy mê tín, không đúng đạo đức nhân quả, dạy những điều phi đạo đức. Các con nếu muốn thì giữ lại để làm kỷ niệm một thời vàng son của loại kinh sách này. Nó đã dẫn dắt bao nhiêu thế hệ người tu hành đi trên lộ trình mê tín, và kết quả chỉ uổng một đời tu mà thôi, chẳng giải thoát được gì. Phật giáo chỉ còn là cái tên, thực chất chẳng có gì là của Phật giáo cả.

TƯỢNG PHẬT QUÁ NHIỀU

Hỏi: *Kính bạch thầy! Chùa nào cũng có rất nhiều tượng Phật, phía trước là thờ Tam thế chư Phật, Di Đà, Quan Âm, Thế Chí, kể là Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu, hai bên là ông thiện và ông ác.*

Đối diện trước chánh điện là tượng hộ pháp, phía bên tả chùa thờ Quan Thánh Đế Quân, năm vị vua Diêm Vương, Quan Âm Thị Kính, bên hữu thờ Bà Lê Sơn Thánh Mẫu, hay bà Chúa Tiên, Chúa Xứ, kể đó là năm vị vua Diêm Vương, tức là Thập Điện Diêm Vương, trước chánh điện là bàn thờ Phật Mẫu Chuẩn Đề 18 tay, Tiềm Diện Đại Sĩ, phía sau chùa thờ cô hồn, các đảng và còn có chùa thờ bộ xương đầu ông cọp.

Đáp: Một ngôi chùa đúng đắn của Phật giáo thì chỉ có thờ một đức Phật duy nhất. Đó là đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni, vì Ngài là người đầu tiên đã khai sinh ra Phật giáo, còn tất cả những vị Phật khác đang được thờ cúng trong chùa là do các Tổ tưởng tượng ra để truyền bá đạo Phật. Nói cho đúng hơn, trên đường truyền bá, các Tổ đã bị ảnh hưởng của ngoại đạo và đã lợm những đức Phật, thần thánh này của dân gian, lôi lên bàn thờ để làm vui lòng những người dân địa phương, nhờ thế mà họ mới cúng dường.

Các Tổ truyền đạo vì danh, vì lợi, nên các Ngài tiếp nhận tất cả mọi sự mê tín dân gian và

các tôn giáo khác. Thế là Phật giáo chân chánh trở thành Phật giáo hỗn tạp đa thần, đa pháp môn, bỏ mất nguồn gốc Phật giáo chân chánh. Còn Phật giáo chân chánh thì xả bỏ danh, lợi và bỏ tất cả, chỉ còn ba y một bát, đời sống xin ăn bữa đói, bữa no thật là vất vả. Các Tổ theo Phật giáo chân chánh không chịu nổi, cho nên các Ngài bẻ vụn giới để mà sống, phạm giới để hòa hợp với dân gian, với mọi sự mê tín, cúng bái, tế lễ, cầu siêu, cầu an, v.v... (giết chúng sanh tế lễ) như các tín ngưỡng khác để dễ bề lừa đảo mọi người và lường gạt tín đồ.

Cho nên, sau khi đức Phật tịch, những người đệ tử tu chứng thì vào núi rừng ẩn bóng rồi tịch mất, còn lại những đệ tử tu hành chưa chứng thì tâm danh lợi tham đắm còn nhiều, nên phân làm nhiều bộ phái như chúng tôi đã nói ở trên, chiếm lãnh một giáo đoàn rồi tự do phát triển mọi thủ thuật điều ngoa, xảo trá, lừa đảo bằng lối lý luận theo kiểu 62 luận chấp của ngoại đạo, để tạo danh, tạo lợi. Từ đó, kinh sách phát triển viết ra rất nhiều cuốn, cuốn nào cũng lý luận trên mây xanh mà tu hành chẳng ra gì; chỉ có xây dựng chùa to, Phật lớn, những ngôi tháp vĩ đại. Tu sĩ ăn uống, ngủ nghỉ, sống như một ông quan to, đi ra thì có tiền hô, hậu ủng, xe cộ rầm rộ.

Tu sĩ hiện giờ thì giàu có hàng tỷ bạc, trong lúc dân chúng tín đồ quá nghèo, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc; dành dụm đồng nào thì đi đem cúng chùa để được phước, để được siêu thoát,

chỉ nuôi hy vọng như vậy mà bị kẻ khác lừa đảo một cách rất đáng thương.

“Cúng dường xây chùa, đúc chuông, tạc tượng Phật, xây tháp và cúng dường chư Tăng sẽ được phước báo vô lượng”. Nhờ lời phỉnh gạt này mà chùa nào chùa nấy đều xây dựng hàng tỷ bạc, biến cảnh tu hành thành nơi thắng cảnh du ngoạn của mọi người.

Chùa thờ càng nhiều Phật thì thu lợi càng to: mỗi tượng Phật cúng một đồng, 10 tượng cúng 10 đồng, 100 tượng cúng 100 đồng. Vì tư lợi như vậy nên chùa nào cũng đua nhau thờ nhiều Phật, đó là hình thức làm tiền. Người dân mê tín, cứ nghĩ rằng mình cúng và lạy nhiều tượng Phật, nhờ nhiều ông Phật phò hộ thì tai qua, nạn khỏi dễ dàng hơn, cho nên thấy tượng nào cũng thấp hương, lễ bái. Còn cúng và lạy có một ông thì được sự phò hộ ít và có thể tai nạn đến. Lợi dụng sự mê tín mà các chùa để thật nhiều hình tượng, nhất là chùa có ống thẻ xin xăm xóc quẻ, cúng sao, giải hạn thì Phật tử lại cúng càng nhiều.

Nói một cách khác, chùa thờ nhiều tượng Phật là có mục đích tạo sự mê tín để lừa đảo lường gạt tín đồ cúng bái nhiều. Nhưng chính sự thờ phượng này, quý thầy trong các chùa cũng không hiểu đó là sự mê tín, sự lừa đảo, mà chỉ biết xưa bày nay làm, tổ tổ tương truyền. Quý thầy chỉ biết làm theo các tổ, chứ quý thầy không ý thức rằng việc làm của mình là mê tín, là lừa đảo tín đồ. Các thầy cũng tin tưởng mê tín như các Phật

tử; tin rằng có chư Phật, Bồ tát gia hộ; tin rằng có linh hồn, có Phật tánh, có thế giới siêu hình, có thần, thánh, tiên, Phật, chư Bồ tát, ma, quỷ; tin rằng có cõi Địa Ngục, Thiên Đàng, Cực Lạc, Niết Bàn và các cõi Phật, có 10 phương chư Phật, chư Bồ tát vô lượng vô biên, v.v... Tất cả mọi người, không riêng gì tín đồ Phật giáo, đều đang sống trong tưởng thức. Còn quý thầy là những người tu sĩ, đang giữ gìn giới luật mà vẫn phải sống trong tưởng thức như những người chưa biết giới luật. Thế là quý thầy truyền dạy lại sự mê tín của mình (được thầy tổ truyền thừa), chứ quý thầy không có tội lừa đảo lường gạt người khác. Thầy tổ dạy sao thì cứ dạy lại cho người khác như vậy.

Thật là một người mù dẫn đám người mù đi, rồi mỗi người mù trong đám người mù lại dẫn đám người mù khác đi. Cuối cùng, không có một người nào sáng mắt, toàn là mù, vì mù nên phải xóc thẻ làm thầy mù. (Trích ĐVXP 6 và 7)



TỆ NẠN MÊ TÍN, CẦU CÚNG, LỄ HỘI VÀ NHỮNG KINH SÁCH LỪA ĐẢO, MẠO DANH PHẬT THUYẾT

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Ở nước ta (VN) hiện nay, tệ nạn mê tín, dị đoan như cầu siêu, cầu an, xin xăm, bói quẻ, xem ngày giờ tốt xấu, cúng sao, giải hạn, lên đồng, nhập xác... đang là hiểm họa, tệ nạn xã hội là một gánh nặng của con người. Kính bạch Thầy, để đẩy lùi những tệ nạn này ra khỏi loài người và làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn, chúng con cần phải làm những gì?*

Đáp: Muốn đẩy lùi tệ nạn mê tín, dị đoan thì người cư sĩ đệ tử của đức Phật phải sáng suốt nhận định, thông suốt những gì mà đức Phật đã dạy, đừng quá vội tin vào những người khác, hãy nghe nói Phật thuyết bất cứ cái gì cũng vội vàng tin ngay liền, tin như vậy là tin mù quáng, dễ bị kẻ khác lừa đảo, đó là một bằng chứng thật sự, hiện giờ các tệ nạn mê tín xảy ra chung quanh trong các ngôi chùa là do Phật tử quá tin theo các thầy tổ của mình. Thầy tổ của mình đang chịu ảnh hưởng của tà giáo, ngoại đạo, đã biến trở thành những người đang dối trá, mượn sắc áo của Phật giáo để kinh doanh tôn giáo, làm giàu trên mồ hôi nước mắt của tín đồ.

Bởi vậy, người tín đồ Phật giáo phải tin vào đạo đức nhân quả làm người, không làm khổ mình khổ người, là một điều lợi ích rất lớn, hãy dẹp bỏ lòng tham vọng, ích kỷ nhỏ mọn của mình, những mơ ước thiếu thực tế, hãy tự lực sống đúng đạo đức nhân quả là đã thấy hạnh phúc ngay liền, bỏ những sự cầu cạnh tha lực, nương tựa vào thần quyền, đó là những hy vọng mơ tưởng hão huyền, đừng tin và làm theo những điều phi đạo đức nhân quả mà trong thế giới siêu hình tưởng thường bày vẽ ra, thì tệ nạn mê tín trong xã hội sẽ được đẩy lui ngay tức khắc.

Giáo lý của đạo Phật có những tiêu chuẩn đã được xác định:

1- Đạo đức nhân bản.

2- Không có thế giới siêu hình.

3- Người chết thì năm uẩn tan hoại tất cả, chỉ còn lại nghiệp lực thiện, ác nhân quả tiếp tục tái sanh.

4- Pháp môn tu tập của đạo Phật duy nhất chỉ có Giới, Định, Tuệ.

5- Ngoài Giới, Định, Tuệ thì không phải giáo pháp của đức Phật nữa.

6- Giới, Định, Tuệ là chỉ cho một tâm duy nhất của ba trạng thái kết hợp tạo thành một nguồn sống giải thoát, chứ không phải ba pháp:

- Giới là đạo đức nhân bản - nhân quả.

- Định là tỉnh giác.

- Tuệ là sự hiểu biết.

Ba vấn đề này gom chung vào một tâm, **nếu tâm có hiểu biết tỉnh giác trong đạo đức nhân bản - nhân quả, thì tâm liền có giải thoát.**

Đó là một vấn đề (giới, định, tuệ) duy nhất của đạo Phật, giúp cho con người vượt qua khổ đau của kiếp làm người, ngoài vấn đề này thì không có giáo pháp nào của đức Phật dạy cầu tha lực cả. Nếu có giáo pháp cầu tha lực là giáo pháp của ngoại đạo, đó là một sự xác định nghiêm túc của đạo Phật.

Đạo Phật cấm kỵ nhất là thần thông và thế giới siêu hình, thần thông đạo Phật cho là huyền hóa, thế giới siêu hình đạo Phật cho là thế giới ảo tưởng.

Thần thông và thế giới siêu hình là hai phương tiện dùng để lừa đảo, gây sự mê tín, dị đoan trong lòng người, khiến cho người ta đi vào tội lỗi. Bởi vậy, những người hiểu biết cần phải triệt tiêu và quét sạch nó trên hành tinh này.

Người ta gán cho đạo Phật có nhiều pháp môn từ thấp đến cao, để tùy theo căn cơ của mỗi chúng sanh mà tu tập, đó là lối biện luận lừa đảo của những người mạo danh Phật giáo.

Ngoài Bát Chánh Đạo để thực hiện giới, định, tuệ thì không còn pháp môn nào được gọi là của đạo Phật nữa, đừng đem những tà pháp mê tín dị đoan mà gán cho đạo Phật, đó là một việc làm tội lỗi đối với con người trên hành tinh này.

Khi quý vị đã rõ thấu giáo pháp của đức Phật là giới, định, tuệ, thì bất cứ một ngôi chùa nào mà dạy khác pháp môn giới, định, tuệ thì quý vị không chấp nhận, không nghe theo, không cúng dường, không đến chùa đó nữa, không thọ nhận hoặc tu tập theo giáo pháp ngoại lai đó.

Từ khi đức Phật tịch, giáo đoàn Phật giáo bị phân hóa chia thành nhiều bộ phái do những vị tu sĩ lãnh đạo tham danh đắm lợi. Các Ngài đưa vào những giáo pháp của ngoại đạo để lừa đảo tín đồ Phật giáo. Do đó mới có những kinh sách dạy cầu siêu, cầu an, xin xăm, bói quẻ, xem ngày giờ tốt, xấu, cúng sao, giải hạn, lên đồng, nhập xác... làm đủ mọi điều mê tín, dị đoan, nó được xem là một hiểm họa rất lớn, một tệ nạn xã hội. Các chùa đang hành những nghề nghiệp này là đã tạo một gánh nặng cho xã hội loài người.

Muốn đẩy lùi những tệ nạn này, thì trong các chùa quý Thầy trụ trì phải đình chỉ ngay liền những nghề nghiệp lừa đảo, phi đạo đức này thì tệ nạn mê tín, dị đoan sẽ được chấm dứt. Đó là dứt trừ tận gốc phát sanh ra nó.

Muốn đẩy lùi tệ nạn này thì quý vị cư sĩ không nên tin và không làm theo những giáo pháp mê tín, phi đạo đức này thì tệ nạn mê tín, dị đoan sẽ được chấm dứt, bằng cách không đến những ngôi chùa có hành nghề như vậy và cũng không cúng dường cho các vị Tăng ở đây. Có như vậy mới có thể đẩy lùi và dẹp sạch những tà giáo

phi nhân quả này, giúp loài người thoát khỏi một gánh nặng khổ đau.



Hỏi: *Kính bạch Thầy! Câu chuyện Mục Liên, Thanh Đề có phải là sự báo hiếu của đạo Phật hay không? Báo hiếu như vậy có đúng hay không? Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ.*

Đáp: Kinh Vu Lan Bồn là kinh sách phát triển của Đại thừa, xây dựng đạo lý của mình trên hình thức cứu độ. Kinh khéo léo dùng tập thể cứu độ để đánh lừa người khác, mạo nhận là Phật dạy để không ai truy tìm sự lừa đảo này được.

Như chúng ta đã biết, đức Phật đã từng dạy chúng ta: ***“Các con tự thấp đước lên mà đi”***. Giáo pháp của ngài được xây dựng trên nền tảng Đạo Đức Nhân Quả thì không có lý nào đức Phật lại dạy một điều phi đạo đức, phi nhân quả như vậy sao?

Chúng ta phải xem xét, coi lại những loại kinh sách phát triển này, chứ đừng vội tin.

Đạo đức nhân quả là một thứ đạo đức được xây dựng trên sự công bằng, công lý và bình đẳng với một trí tuệ vô hạn, thấu suốt được mỗi hành động của con người làm thiện hay làm ác.

Vì xây dựng tôn giáo của mình trên một nền đạo đức công lý, công bằng và bình đẳng cho mọi người như vậy, nên trên đầu Ngài chẳng có ai là Thầy của mình, chẳng có ai cứu độ cho mình

được, chỉ có sức tự lực và trí tuệ của mình mới cứu mình thoát ra cảnh đau khổ của kiếp làm người, đang bị luân lưu trong vòng nhân quả luân hồi.

Ngài đã tự cứu mình bằng những giáo pháp mà ngài tự tìm ra được. Giáo pháp đó là một thứ giáo pháp rất thực tế và cụ thể, mà mỗi pháp môn đều có cách thức tu tập trực tiếp đối trị lại từng tâm niệm ác và sự đau khổ của con người trong cuộc sống, để vượt thoát ra khỏi.

Một giáo pháp không có những hình ảnh và lý sự mơ hồ, trừu tượng, không có những sự cầu khẩn, van xin cứu độ; không có cúng bái, tụng niệm và chú thuật, v.v...

Một giáo pháp không có thế giới siêu hình, không có linh hồn người chết, không có đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế, không có đấng Tạo Hóa, không có thần linh và cũng không có ma, quỷ, v.v...

Một giáo pháp chỉ dạy cho chúng ta những gì cần dứt bỏ thì phải dứt bỏ, những gì cần tu tập thì phải tu tập, những gì cần trau dồi thì phải trau dồi, và những gì cần thông hiểu thì phải thông hiểu.

Người nghiên cứu và có thực hành giáo pháp của đức Phật thì không thể nào bị người khác lừa đảo bằng những pháp tà giáo, ngoại đạo. Chỉ có những người chưa từng nghe đến giáo pháp của đức Phật thì dễ bị kẻ khác mạo nhận pháp môn tà giáo là của Phật.

Vì giáo pháp của đạo Phật không có một giáo pháp nào của ngoại đạo tương đồng được. Giáo pháp của Ngài là Giáo pháp “xả, ly”, với một pháp hướng tâm Như Lý Tác Ý tuyệt vời, với mục đích khiến cho tâm con người bất động trước các pháp và các cảm thọ.

Giáo pháp của Phật chỉ có tự lực cứu mình, còn giáo pháp của ngoại đạo thì nhờ đến tha lực cứu mình. Do thế ta nhận ra giáo pháp của Phật một cách rất dễ dàng không có khó khăn, vì một bên là tự lực và một bên là tha lực.

Vì thế, câu chuyện Mục Kiền Liên và bà Thanh Đề, ta thấy rõ đó là giáo pháp của ngoại đạo đang lồng trong giáo pháp của đạo Phật, mượn danh đức Phật để lừa gạt tín đồ Phật giáo theo đạo của mình mà không nghi ngờ, đó là cái khéo léo của Phật giáo phát triển.

Kinh sách Phật giáo phát triển, người ta đọc rất hấp dẫn do sự diễn đạt qua hình thức cấu kết giống như tiểu thuyết, giàu sức tưởng tượng theo kiểu thiền Đông Độ.

Mục Liên đi theo Phật tu hành chứng quả giải thoát, đắc lục thông. Mẹ là Thanh Đề, trước kia sùng kính Phật pháp, cúng dường trai tăng tứ sự đầy đủ, sau khi Mục Liên bỏ nhà đi tu, bà tức giận làm bánh nhân thịt chó để thử thách chúng tăng, nên bị tội đọa địa ngục ngạ quỷ.

Mục Liên chứng đắc thần thông, dùng thiên nhãn thấy mẹ mình đang đọa địa ngục ngạ quỷ, đói khát vô tận. Thương mẹ, Ngài dùng thần

thông xuống địa ngục thăm và mang theo một bát cơm cho mẹ. Thanh Đề đang đói khát, thấy cơm bà đón nhận và bốc ăn liền, nhưng không thể ăn được, vì cơm đã cháy thành than.

Mục Liên thấy mẹ thọ lãnh quả khổ đói khát như vậy, muốn ăn mà ăn chẳng được, chẳng biết làm cách nào cứu mẹ được, nên Ngài trở về bạch với đức Phật và mong nhờ đức Phật chỉ giáo cứu mẹ mình.

Đức Phật bày vẽ: “Trong mùa an cư kiết hạ, chúng tăng đang tu học thân, tâm thanh tịnh, ngày rằm tháng bảy là ngày giải hạ, nên cung thỉnh chư tăng cúng dường trai phạn tứ sự, nhờ công đức tu hành của các Ngài hợp lại thành một sức mạnh to lớn, với công đức này có thể mới cứu mẹ Ngài thoát cảnh địa ngục”.

Mục Liên vâng lệnh Phật làm y như lời dạy, mẹ Ngài thoát cảnh địa ngục.

Qua sự tích này đã biến ngày rằm tháng bảy trở thành một phong tục trong dân gian, ngày báo hiếu, ngày xá tội vong nhân, v.v...

Câu chuyện Mục Liên Thanh Đề là một câu chuyện phi đạo đức trong Phật giáo phát triển. Câu chuyện được dựng lên trong thời đại phong kiến, lúc vua quan chuyên ăn hối lộ, mua quan bán chức, làm những điều bất công, không công bằng, công lý.

Đạo Phật Nguyên Thủy chủ trương tự độ, không cầu tha lực độ mình. Cầu tha lực độ mình là giáo pháp của ngoại đạo, là của Phật

giáo phát triển như trên chúng tôi đã nói. Đó là một thứ giáo pháp phi đạo đức, phi nhân quả, không công bằng và công lý.

Đọc chuyện Mục Liên, Thanh Đề chúng ta thấy đạo Phật tổ chức giống như chế độ phong kiến không khác chút nào. Ăn lo hối lộ với những danh từ rất cao thượng: “Độ chúng sanh”.

Cha mẹ làm tội ác bị nhà vua bắt giam cầm, tù tội, con thi cử làm quan, không cứu cha mẹ được vì quá nặng, nên phải nhờ những vị quan lớn khác bằng cách phải lo lót hối lộ (Trai tăng cúng dường tứ sự). Nhờ có lo lót như vậy, bà Thanh Đề mới thoát cảnh tù tội A Tỳ Địa Ngục...

Đối với một tôn giáo lớn như Phật giáo phát triển mà còn có hình thức ăn lo, hối lộ như vậy, thì trên đời này còn có nghĩa lý gì là đạo đức công bằng và công lý; còn có nghĩa lý gì gọi là đạo đức nhân quả không làm khổ mình, khổ người; còn có nghĩa lý gì là mang danh là tôn giáo khi dạy tín đồ làm điều phi đạo đức như vậy.

Nếu trên thế gian này không có một đạo luật nhân quả thì loài người đừng nói đến hai chữ công bằng và công lý. Vì không bao giờ có công bằng và công lý khi mà không có luật nhân quả. Không có một đấng Vạn Năng hay một đấng Tạo Hóa hoặc một đức Chúa Trời hoặc một Ngọc Hoàng Thượng Đế nào cầm cán cân công bằng và công lý cho loài người này được, chỉ có luật nhân quả mới giữ vai trò công bằng và công lý này mà thôi. Vì nhân quả là do hành động của mọi người

tự làm, tội hay vô tội đều chính nơi họ, **cho nên, luật nhân quả chính là con người tạo ra để xử phạt hay ban thưởng chính lại họ, chứ không có một kẻ thứ hai nào khác thưởng phạt.** Vì thế nó rất công bằng và công lý, không ai lo lót và hối lộ nó được. Kẻ nào làm ác thì phải thọ lấy quả khổ, kẻ nào làm thiện thì hưởng được phước báo.

Sau khi tu hành chứng đạo, đức Phật dẫn tâm đến Lưu Tận Minh, Ngài đã thấy luật nhân quả rất rõ ràng, công bằng và công lý vô cùng. Cũng vì luật nhân quả có công bằng công lý như vậy, nên con người phải chịu trôi lăn trong sáu nẻo luân hồi thọ biết bao nhiêu sự đau khổ từ kiếp này đến kiếp khác, đều do chính hành động nhân quả của họ.

Ở trên đời người ta có tiền, có thế lực thì người ta có thể mua chuộc được tội lỗi, nhưng với luật nhân quả thì không thể mua tội được. Trải qua một thời gian dài từ chế độ bộ lạc mãi nôm đến chế độ phong kiến đã chứng minh điều này, “đa kim ngân phá luật lệ”. Và mãi sau này dù cho bất cứ một chế độ nào thì sự công bằng và công lý sẽ chẳng được thực thi trọn vẹn.

Dưới chế độ phong kiến, con cháu của vua quan có làm tội giết người, cướp của vẫn ung dung phe phẩy tự do mà không ai làm tội, làm tình được, pháp luật đối với những hạng người này như bắt cóc bỏ đĩa.

Cho nên Đại thừa giáo là một tôn giáo bị “thế lực phong kiến hóa”, với sự lý luận vụng về để lộ chơn tướng thế tục: *“Khi chư tăng chấp nhận thọ dụng Trai tăng và Tứ sự cúng dường thì hợp lại công đức tu hành của mình thành một khối công đức vô lượng, công đức đó sáng chói như ngọn đuốc trí tuệ khiến cho tâm bà Thành Đề giác ngộ nên bà mới thoát khỏi địa ngục”*. Đó là cách lý giải không chân thật của các nhà Đại thừa, khéo che đậy, lừa đảo những tín đồ mê tín, vô minh, chứ không thể nào che đậy với những người đệ tử của Phật đã được trang bị đạo đức nhân quả.

Vì giáo pháp của đức Phật dạy quá rõ ràng và cụ thể, người tu sĩ phải lấy đức hạnh (giới luật) làm đầu. Chỉ có đạo đức nhân quả thì mới có công bằng, công lý và từ bi đối với mọi người, mọi loài chúng sanh. Và vì thế, không thể nào có sự gian xảo lừa đảo, dối trá theo kiểu dạy của kinh sách Đại thừa như kinh Vu Lan Bồn nói trên.

Bài kinh Vu Lan Bồn chỉ gạt những người chưa hiểu giáo lý chân chánh và đạo đức nhân quả của đạo Phật. Bài kinh Vu Lan hôm nay đã trở thành một sự lừa đảo có sách vở và đã trở thành một truyền thống báo hiếu vô đạo đức trong lòng tín đồ Phật giáo Việt Nam, hơn cả nghìn năm mà không ai phát giác ra được.

Mùa Vu Lan! Mùa báo hiếu! Những danh từ này đã lặp đi lặp lại trong lòng người Phật tử hiếu hạnh Việt Nam, nhưng mấy ai đã biết sự hiếu hạnh này là phi hiếu hạnh. Vì sự “Hiếu

Tâm” mà bị lừa đảo! Hằng năm người phật tử đã tốn biết bao nhiêu tiền của trong mùa Vu Lan!! Mùa Báo hiếu!!!... Một việc làm chẳng ích lợi gì cho những người thân thương quá cố của mình, chỉ có làm lợi ích cho các chùa mà thôi.

Nếu mọi người ai cũng đều thông hiểu Đạo Đức Nhân Quả của đạo Phật, thì những kinh sách phi đạo đức của Đại thừa không thể lường gạt họ được như: kinh Vu Lan Bồn, kinh Dược Sư, kinh Địa Tạng, kinh Bát Dương, kinh Duy Ma Cật, kinh Viên Giác, v.v... Đó là những loại kinh sách phi đạo đức, phi chân thật, phi Phật pháp. Nó không triển khai tri kiến giải thoát và tri kiến đạo đức nhân quả. Nó khiến cho trí tuệ con người u mê, vô minh, đen tối, thường sống với sự hiểu biết mơ hồ, trừu tượng, mê tín của thế giới siêu hình tưởng. Nó dạy người làm những việc thiếu đạo đức và thiếu chân thật, thường cúng tế, cầu cạnh, van xin gia hộ, độ trì, v.v...

Với lòng đại từ, đại bi của chư Phật và chúng Thánh tăng, theo như trong kinh Vu Lan Bồn đã dạy ngài Mục Kiền Liên cứu mẹ. Giả thuyết, nếu làm được như vậy thì tất cả chúng tăng và đức Phật tập trung công đức tu hành giải thoát của mình lại thành một công đức vô lượng, vô biên, như một ngọn đuốc khổng lồ cháy sáng rực, và hướng đến chúng sanh... khiến cho chúng sanh ngộ được đạo lý giải thoát, để mọi người ly dục, ly ác pháp, thoát ra cảnh địa ngục tại tâm, thì đâu cần gì chúng sanh phải tu hành vất vả khổ nhọc, mà cũng vẫn được giải thoát như thường, cũng

giống như chư tăng hợp công đức tu hành của mình lại thành một trí tuệ lớn, khiến cho tâm bà Thanh Đề ngộ được đạo lý giải thoát, liền thoát ra cảnh địa ngục A Tỳ. Nếu chư Phật và chư Thánh Tăng làm được những điều này thì thế gian lại có thêm một tôn giáo phi đạo đức, thì chúng tôi là những phật tử chân chánh sẽ không chấp nhận điều này.

Nếu chư Thánh tăng trong thời đức Phật đã cứu độ bà Thanh Đề thoát cảnh địa ngục như vậy, thì với tâm đại từ, đại bi của Phật và chư thánh Tăng không lẽ không làm điều này để chúng sanh thoát khổ sao? Có lý đâu vì một cá nhân nhỏ mọn như bà Thanh Đề mà chư Thánh tăng làm, hướng hồ là với tất cả chúng sanh trên hành tinh này đang đau khổ mà Phật và chư Thánh tăng đều biết rõ, mà lại làm ngơ sao? Hay phải đợi cúng dường tứ sự?

Bởi vậy, kinh điển Phật giáo phát triển phi đạo đức một cách cụ thể rõ ràng, thế mà mọi người vì quá vô minh, u tối nên không thấy, nên bị lừa đảo, bị lường gạt một cách đau đớn.

Công đức tu hành của Phật vô lượng, vô biên mà Ngài từ chối không cứu độ ai hết, Ngài chỉ là một hướng đạo viên mà thôi. Ngài đã rõ thấu đạo lý nhân quả tường tận, mà không ai hiểu đạo lý nhân quả hơn Ngài. Do hiểu đạo lý nhân quả tường tận, dù biết rằng mình có đủ thần lực, có vô lượng, vô biên công đức, nhưng Ngài vẫn từ chối không cứu độ ai hết, vì cứu độ là một việc

làm phi đạo đức, nên Ngài dạy: ***“Các con hãy tự thấp đức lên mà đi, Ta chỉ là một người chỉ đường mà thôi”***.

Theo đạo lý nhân quả, ai làm ác thì phải chịu nhận lấy quả khổ, không ai cứu khổ cho kẻ làm ác được, chỉ có các nhà sư Phật giáo phát triển mới có một đức Bồ tát Quan Thế Âm dám làm điều phi đạo đức này (phẩm Phổ Môn kinh Pháp Hoa), rồi đến chư Thánh tăng và đức Phật trong kinh Vu Lan Bồn mới dám cả gan làm điều phi đạo đức, phi giáo lý của Phật để cứu bà Thanh Đề thoát cảnh địa ngục, bằng cách ăn lo tứ sự cúng dường.

Xưa, thời đức Phật còn tại thế, Ngài còn phải xin ăn để gieo duyên nợ với chúng sanh, nhờ có gieo duyên nhân quả thiện như vậy, Ngài mới đủ duyên để thuyết giáo pháp của mình, khiến cho chúng sanh ngộ được chân lý giải thoát, rồi mới lần lần tu tập dứt bỏ và xả ly mới thoát khỏi cảnh địa ngục trần gian đầy đau khổ của kiếp làm người.

Các nhà sư Phật giáo phát triển xây dựng sự cứu độ một cách vô lý, thiếu công bằng và công lý, thế mà mọi người vẫn tin theo, làm theo với sự thiếu suy nghĩ. Dem công đức tu hành giải thoát của mình, hợp lại làm một ngọn đèn sáng, khiến cho người đang mê gặp ngọn đèn này thì trí tuệ bừng sáng, thoát cảnh địa ngục (nếu được như vậy thì đâu cần gì phải tu). Đó là một thứ vọng ngữ của các nhà sư phát triển để lừa đảo

những người tín đồ thiếu trí tuệ. Nó khiến cho những người có trí tuệ và những người nghi ngờ Phật giáo và xem thường đạo Phật, cho rằng Phật giáo là một tôn giáo mê tín, một tôn giáo không có đạo đức.

Nếu thật sự những loại kinh sách này là của Phật giáo, thì Phật giáo không còn đất đứng trên hành tinh này nữa. Một khi thời đại dân trí càng đi lên và càng khoa học thì người ta càng rõ sự gian xảo này. Trên hành tinh này duy chỉ cần phải có một nền đạo đức nhân quả, và đạo đức ấy phải được phát triển đúng mức để quân bình vật chất và tinh thần của con người được cân bằng, thì xã hội loài người mới có sự an vui, hạnh phúc. Do thế, các tôn giáo nào thiếu đạo đức, gây mê tín, tạo thế giới siêu hình trừu tượng, viển vông, dạy mọi người điều phi đạo đức, thường lừa đảo tín đồ, thì phải bị khoa học chỉ mặt, vạch tên, và sẽ bị nhân loại đào thải khỏi cuộc sống của họ.

Bởi vậy, câu chuyện Mục Liên, Thanh Đề là câu chuyện phi đạo đức, phi công lý, phi công bằng, phản lại đạo đức nhân quả của Phật giáo. Sự báo hiếu của đạo Phật như trong kinh sách là không phải của đạo Phật, **kinh sách này đã bị dân gian thế tục hoá Phật giáo theo thời đại phong kiến của nó.**

Người tu sĩ đạo Phật muốn báo hiếu cha mẹ thì phải tu hành, sống đúng giới hạnh, không hề vi phạm một lỗi nhỏ, sống thiếu dục tri túc, ăn, ngủ, mặc đúng cách, tâm thường thanh thản,

an lạc, ly dục, ly ác pháp và nhập sâu Bốn Thánh Định, thực hiện Tam Minh làm chủ sự sống chết và luân hồi, thì mới báo hiếu trọn vẹn. Còn người tín đồ muốn báo hiếu thì phải giữ gìn năm giới nghiêm túc, thường khuyên cha mẹ giữ gìn làm điều thiện, đừng làm điều ác. Đó là sự báo hiếu của Phật giáo.

Thực hiện được những điều này qua đời sống gương hạnh cao quý, khiến cho cha mẹ nhiều đời nhiều kiếp vì có nhân duyên nhân quả nên quy tụ gặp lại nhau, để nhận lấy gương hạnh đạo đức giải thoát và giáo pháp của Phật, hướng dẫn cho những người thân thương của mình từ vô lượng kiếp để thoát ra cảnh đời đầy đau khổ. Đó là báo hiếu cha mẹ, chứ không phải làm lễ trai tăng cúng dường tứ sự để nhờ công đức của chư tăng cứu độ cha mẹ là báo hiếu.

Báo hiếu kiểu đó là báo hiếu không thực tế, thua xa các nhà Nho giáo, đạo Khổng “quạt nồng, ấm lạnh”, không làm cho cha mẹ buồn rầu, thường làm vui lòng cha mẹ.

Sống chửi cha, mắng mẹ, làm cho cha mẹ buồn khổ, đến khi chết rước chư tăng cúng dường Tam Bảo để báo hiếu, thì thật là buồn cười. Bày đặt chuyện báo hiếu vậy không đạo nghĩa và thực tế, đó là lối lương gạt người “tiền mất, tật mang”, chẳng làm ích lợi gì cho ai cả?

(Trích ĐVXP tập 6 /tr169-181)

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Kinh Di Đà, Di Lạc, Địa Tạng, Pháp Hoa, Kim Cang, Lăng Nghiêm và mật chú, v.v... có phải chánh pháp của Phật nói hay không?*

Đáp: Tất cả mọi kinh sách đã kể ra và nêu tên ở trên, toàn là kinh sách chịu ảnh hưởng của giáo lý Bà La Môn. Từ pháp hành, cúng bái, tụng niệm cho đến pháp thiền đều có vẻ mơ hồ, trừu tượng, mê tín. Trong các kinh này luôn luôn tạo cách tin tưởng và sợ hãi như: “*Dù cho tạo tội hơn núi ca, Diệu Pháp Liên Hoa tụng mấy hàng*”, hoặc: “*Ai không tin kinh này đầu sẽ bể bảy miếng*”. Và cuối cùng, kinh nào cũng tự đề cao mình là đệ nhất pháp.

Đọc qua những kinh sách này, nếu người nào có trí thì nhận ngay ra liền những kinh này không phải Phật thuyết. Vì thế, chúng không phải chánh pháp của Phật.



Hỏi: *Những kinh sách nào đáng được tin cậy để tu được giải thoát, xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ?*

Đáp: Kinh sách Nguyên Thủy là kinh sách đáng được tin cậy. Vì đó là lời dạy của đức Phật, tuy rằng trong các tổ bên Nguyên Thủy cũng có thêm bớt rất nhiều, nhưng những lời dạy của Phật còn rõ ràng nguyên gốc hơn nhiều. Còn kinh sách phát triển không đáng tin tưởng, vì các tổ tự viết bằng kiến giải theo tư tưởng của giáo lý Bà

La Môn mà viết ra phát triển. Nên đường lối và cách thức tu tập đều quá sai, từ cúng bái, tụng niệm, chú thuật đều chịu ảnh hưởng của Bà La Môn. Cho đến pháp tu về thiền định cũng đều thuộc về thiền tưởng của ngoại đạo. Cho nên thầy tổ sau này tu hành chẳng có kết quả giải thoát.



Hỏi: *Kính bạch Thầy! Những điều trong luật Tứ Phần có đầy đủ và có đúng lời Phật dạy không?*

Đáp: Luật Tứ Phần là do các tổ biên soạn dựa theo giới kinh, nhưng có thêm bớt rất nhiều cho phù hợp với hoàn cảnh, phong tục của mỗi dân tộc trên bước đường hành hóa truyền đạo. Do sự tùy thuận vào mỗi nước, mỗi phong tục của dân tộc nên các tổ đã làm lệch ý Phật qua bộ giới luật Tứ Phần.

Muốn rõ được điều này, xin quý vị đọc Giới Đức Thánh Sa Di và Tỳ Kheo Tăng, Tỳ Kheo Ni thì sẽ rõ. (Bộ Giới Thánh Đức này do Tu Viện Chơn Như biên tập).

Bộ luật Tứ Phần này chưa được xem là đầy đủ, vì trong kinh Nikaya đức Phật dạy nhiều bài kinh nói về thiện pháp, tức là giới, mà trong Tứ Phần Luật không có. Sau này có điều kiện phải được chấn chỉnh để chỉ rõ cho mọi người biết Thánh hạnh của Sa di và Tỳ kheo tăng, Tỳ kheo ni.

Hỏi: *Kính Bạch Thầy! Kính Phạm Võng Bồ Tát Giới có phải chánh pháp của Phật chăng? Xin Thầy từ bi chỉ dạy cho con được rõ.*

Đáp: Kính Phạm Võng Bồ Tát Giới không phải là chánh pháp của Phật, mà là của Bà La Môn có thâm ý muốn diệt Phật giáo nên mới chế ra Bồ Tát Giới.

Mục đích của Bồ Tát Giới là bộ sách có hình thức tổ chức người cư sĩ thành một tổ chức, để phục vụ cho Phật giáo Đại thừa Bà La Môn.

Phần thứ nhất là khuyên dụ người cư sĩ thọ Bồ Tát Giới để góp công, góp của xây dựng đạo pháp của Bà La Môn, nhưng sự thật là phục vụ cho quý thầy Đại thừa:

1- Cúng bái tế lễ để cho phật tử bỏ tiền ra đóng góp.

2- Làm từ thiện cũng do phật tử đóng góp.

3- Xây cất chùa to, Phật lớn cũng do phật tử đóng góp.

4- Cấm phật tử không được tu theo Phật giáo Nguyên Thủy (Tiểu Thừa).

5- Làm tất cả mọi công việc trong chùa, từ chuyện lớn, chuyện nhỏ hoặc chuyện nặng nề khó khăn, đều do phật tử đóng góp công sức gọi là làm công quả.

Bồ Tát Giới là một bộ sách khuyến dụ phật tử, để lừa công sức và lừa của cải, tiền bạc của cư sĩ!...

Bồ Tát Giới là một loại kinh sách với thâm ý diệt Phật giáo. Quý vị đọc cho kỹ lại bộ sách thì mới thấy rõ âm mưu thâm độc của Phật giáo phát triển Đại Thừa.



KINH TỬ THẬP NHỊ CHƯƠNG

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Sự thật bản thân con thấy, mặc dù còn những thử thách, tâm mình cũng có kết quả chút xíu là những thói hư tật xấu có giảm thiểu, từ đó cũng thấy được tường tận lẽ thật của một kiếp người ở trong muôn một chắc hẳn cũng do luật nhân quả chi phối. Sự nhiệt tâm tu hành thật sự cầu giải thoát, nên nhân duyên đã đưa con đến với ĐVXP của Thầy chỉ dạy về pháp môn tu Tứ Thánh Định, đi đến Tam Minh, con bừng tỉnh và nói: “À! có pháp hành đây rồi”. Như làm lại từ đầu, xong với con chỉ như nhắc lại cho rõ hơn và phải sắp xếp cái gì cần làm trước mà thôi.*

Dẫu sao thì nó cũng dấy lên trong con biết bao nhiêu là chướng ngại pháp trong tâm. Chính vì lẽ đó, hôm nay con mạo muội hỏi; xin Thầy từ bi hoan hỷ chỉ dạy và cũng là sách tấn cho con ngày một tinh tiến.

Kính bạch Hòa Thượng!

Kinh Tứ Thập Nhị Chương do cư sĩ Thiều Châu dịch, kinh này có phải Phật thuyết không?

Đáp: Kinh Tứ Thập Nhị Chương không phải Phật thuyết, mà do các tổ soạn viết dựa theo kinh sách Nguyên Thủy A Hàm. Cho nên kinh này có sự thêm bớt rất nhiều, có những bài kinh làm sai ý Phật. Quý phật tử hãy đề dặt, cẩn thận, đừng vội quá tin vào những loại kinh sách này, mà cần phải đề cao cảnh giác, kinh dạy thì có lý nhưng thực hành không có kết quả, còn làm quý vị mất thì giờ vô ích.



Hỏi: *Kính bạch Thầy! Chương I - Từ thân xuất gia tu hành bốn chân đế, chứng A La Hán, là bậc phi hành biến hóa (biến hóa tự tại), sống lâu vô cùng, bậc ấy ở đâu thì chuyển động cả trời đất ở đấy, như vậy có đúng không?*

Đáp: Đoạn kinh này xác định bậc A La Hán như vậy là rất đúng, vì khả năng tu chứng của bậc A La Hán là một siêu nhân, không thể lấy trí hữu hạn mà hiểu thấu năng lực siêu việt ấy được.

Vậy mà các Tổ dám dựng lên câu chuyện ông Ca Diếp và ông Phú Lâu Na tranh chấp về sự việc bỏ những giới nhỏ nhặt để hạ bệ các bậc A La Hán đại đệ tử của đức Phật.

Đối với bậc A La Hán, về việc bỏ những giới nhỏ nhặt mà ông A Nan quên hỏi Phật là bỏ những giới luật nào thì quá dễ. Chỉ cần hai vị A La Hán này nhập vào Niết Bàn hỏi Phật thì rõ

ràng, có đâu mà lại tranh chấp hơn thiệt để mang tiếng là bậc A La Hán mà tư tưởng vẫn bất đồng nhau. Theo chúng tôi thiết nghĩ, vấn đề bỏ những giới nhỏ nhất, điều đó không khó đối với ông Ca Diếp và ông Phú Lâu Na, chỉ có người sau không hiểu mới có câu chuyện vô lý này.

Như chúng đã biết, từ giới luật mà sanh ra chư Phật và A La Hán, ngoài giới luật ra thì không có Phật và A La Hán. Vậy mà giới luật nào lại bỏ được? **Giới luật là hành động đạo đức của chư Phật và A La Hán, dù là giới luật nhỏ nhất nhất nó cũng là hành động đạo đức làm người, làm Thánh.** Chỉ có những người không hiểu giới luật, để chạy theo dục vọng thế gian bày trò bỏ những giới nhỏ nhất không hợp thời, để tự tung, tự tác, phá giới, phạm giới, bẻ vụn giới mà không ai dám chỉ trích, chê trách, phê phán họ.

Người muốn tu chứng quả A La Hán thì phải sống đúng giới luật, tức là phạm hạnh của một vị Thánh tăng, ngoài phạm hạnh của một vị Thánh tăng ra thì không thể nào chứng quả A La Hán được.

Tóm lại, bậc A La Hán là bậc siêu nhân như trong kinh đã dạy, điều đó là đúng sự thật chứ không phải như các tổ hiểu theo trí hữu hạn, cho rằng bậc A La Hán còn tranh chấp, chỉ có Phật mới là hết tranh chấp.

PHẬT VÀ A LA HÁN

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Trong sách Thầy giảng: “Phật và A La Hán chứng quả như nhau (không có cao thấp)”. Thế sao về danh từ không chung là một lại còn tách bạch ra?*

Đáp: Phật và A La Hán đều chứng quả như nhau, nhưng Phật là người sáng lập ra đạo Phật nên gọi được là Phật, còn A La Hán là những người tu chứng giải thoát như Phật nhưng phải theo giáo pháp của đức Phật, vì thế nên không được gọi là Phật, chỉ được gọi là A La Hán mà thôi.

Vì nếu gọi tất cả A La Hán là Phật thì cũng không sao, nhưng lòng người muốn phân biệt danh từ A La Hán và Phật như vậy là vì họ muốn tỏ lòng tôn kính đức Phật Thích Ca Mâu Ni hơn. Là vì đức Phật là người đã dày công tu tập mới sáng lập ra đạo Phật và để lại cho loài người một giáo pháp đạo đức tuyệt vời, công ơn ấy rất lớn.

Phật và A La Hán khác nhau là ở những chỗ mà chúng tôi đã nêu ở trên, vì thế mà danh từ gọi Phật và A La Hán phải khác nhau. Cho nên Phật có thể gọi mình A La Hán, nhưng A La Hán không thể gọi mình là Phật được.

Đạo Phật duy nhất chỉ có đức Phật Thích Ca Mâu Ni là đấng giáo chủ, ngoài đức Phật Thích Ca Mâu Ni ra thì không có một đấng giáo chủ nào khác cả, nếu có một đấng giáo chủ nào

khác là do con người sau bịa đặt ra. Vì thế, trước và sau Phật thích Ca Mâu Ni thì không có một vị giáo chủ nào cả.

Những vị Phật độc giác là phải tự mình tìm lấy pháp tu hành, không theo một giáo pháp nào cả, nhưng tu chứng giải thoát như Phật Thích Ca Mâu Ni có nghĩa là phải làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi thì mới được gọi là Độc Giác Phật.



NGŨ NHÂN CÒN QUÁ ÍT

Hỏi: Vả lại, tu Tứ Thánh Định - chứng Tam Minh là quả vị A La Hán. Sao chỉ nói có Thiên Nhân Minh mà không nói ngũ nhân như trong kinh Kim Cang (Nhục nhân, tuệ nhân... Phật nhân)?

Đáp: Phật tử nên phân tích rõ những danh từ dùng trong kinh sách Phật, **nói Thiên Nhân mà không nói Minh tức là chỉ có Thiên Nhân mà thôi, nhưng nói Thiên Nhân Minh thì có nghĩa khác.** Trong Thiên Nhân Minh là một trí tuệ siêu không gian và thời gian, nên nó đầy đủ cả ngũ nhân và còn nhiều hơn nữa, mà kinh Kim Cang chỉ có nêu lên ngũ nhân thật là quá ít.

Trong Thiên Nhân Minh gồm có: giới nhân, định nhân, tuệ nhân, nhân quả nhân, vô lậu

nhân, nhục nhân, thiên nhân, Phật nhân tức là A La Hán nhân, tức mạng minh nhân, Thánh đức nhân, đại thần lực nhân, đại uy lực nhân, đại minh lực nhân v.v...



BỐ THÍ CỦA CẢI

Hỏi: *Từ bố thí cho một người hiền bằng bố thí cho 100 người ác, đến thiết lễ (cúng đường) 1000 ức vị Tam Thế Chư Phật không bằng cúng dường một vị vô niệm, vô trụ và vô chứng. Như vậy là như thế nào, xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ?*

Đáp: Đúng là kinh phát triển dạy bố thí phi đạo đức, chứ kinh sách Nguyên Thủy không có dạy như vậy. Quý Phật tử hãy suy nghĩ lời dạy này có đúng đạo lý không? Bố thí cho một trăm người ác, phước báo bằng bố thí cho một người thiện.

Kinh sách phát triển dám lấy một người thiện mà so với một trăm người ác. Theo thiên ý của chúng tôi, dù lấy một ngàn, một vạn, một triệu, mười triệu hay trăm triệu, vạn triệu cho đến vô lượng người ác cũng không thể so sánh với một người thiện, **vì thiện và ác như hai đường song song, không thể gặp nhau trên một điểm nào cả thì làm sao so sánh được, hề có**

cái thiện thì không có cái ác, có cái ác thì không có cái thiện. Thế sao các vị lại dùng thiện, ác mà so sánh như vậy, đây là cách tương giải để lừa đảo người không biết, chứ người biết thì kinh sách phát triển sẽ bị lật tẩy ra khỏi môi trường tôn giáo.

Đã bảo rằng Tam Thế Chư Phật, có nghĩa là ba đời chư Phật, Ba đời chư Phật là những người tu hành đã thành Phật trong quá khứ, hiện tại và vị lai, những người này đã giải thoát hoàn toàn, thế mà một ngàn vị Phật như vậy... không bằng một vị vô niệm, vô trụ, vô chứng.

Vậy chúng ta thử tìm hiểu một vị vô niệm, vô trụ, vô chứng như thế nào mà các nhà Đại thừa ca ngợi, tán thán như vậy.

Vô niệm như thế nào? Vô niệm là không có niệm thiện, niệm ác trong đầu (Chẳng niệm thiện, niệm ác, bản lai diện mục hiện tiền), công án Thiền tông và kinh Pháp Bảo Đàn.

Vô trụ như thế nào? Vô trụ là tâm không trụ bất cứ một nơi nào cả (Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm), kinh Kim Cang.

Vô chứng là gì? Vô chứng là không thấy mình chứng đắc, còn thấy mình chứng đắc là chưa chứng đắc (Vô sở đắc) kinh Kim Cang...

Theo các nghĩa trên đây, chúng ta xác định một người tu theo Đại thừa và Thiền tông khi thành tựu họ hoàn toàn vô niệm, vô trụ, vô chứng, là một người được cúng dường xứng đáng hơn 1000 ức vị Phật trong ba đời. Như vậy vị vô

niệm, vô trụ, vô chứng là một vị Phật tối thượng, phước báo hơn gấp 1000 lần Phật Thích Ca Mâu Ni. Bởi vì **đức Phật Thích Ca Mâu Ni sống còn niệm, còn trụ, còn tu chứng. Tại sao chúng ta biết như vậy?**

Tại vì đức Phật Thích Mâu Ni dạy: *“ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp”*, như vậy chúng ta đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn niệm thiện, không như Thiên tông chẳng niệm thiện, niệm ác.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn dạy chúng ta tăng thiện pháp, tức là còn trụ trong thiện pháp để tăng trưởng nó lớn lên, do đó chúng ta biết đức Phật Thích Ca còn trụ trong thiện pháp vì lợi ích cho chúng sanh. Còn chúng ta trụ trong thiện pháp là để không làm khổ mình khổ người.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tự xưng mình tu chứng: *“Ta thành chánh giác là nhờ tâm không phóng dật”*, hay khi chúng đạo đức Phật đã nói lên bài kệ này:

*“Thiên thượng thiên hạ
Duy ngã độc tôn,
Nhất thiết thế gian,
Sanh, lão, bệnh, tử”*

Đối với kinh sách Đại thừa và thiên Đông Độ, thì đức Phật Thích Ca Mâu Ni là người chưa vô niệm, vô trụ, vô chứng, tức là người chưa chứng đạo. Người chưa chứng đạo mà làm giáo chủ sáng lập ra Phật giáo, còn vô niệm, vô trụ, vô chứng lại không phải là giáo chủ.

Vậy Phật giáo Đại thừa và Thiên tông là Phật giáo gì?

Dù không có đối tượng ác pháp nhưng thiện pháp vẫn còn mãi mãi, vì thiện pháp là nền tảng đạo đức làm người, là nền móng giải thoát của đạo Phật, cho nên người tu sĩ đạo Phật nào cũng đều phải trụ vào đó để không làm khổ mình, khổ người tức là tu giải thoát, tức là làm lợi ích cho chúng sanh.



Hỏi: *Kính bạch Thầy! Phật lịch 2.546 năm và 2.626 năm (năm 2002 DL), vậy niên lịch nào đúng và niên lịch nào sai, xin Thầy dạy cho chúng con biết?*

Đáp: Tín đồ Phật giáo trong nước, cũng như ở khắp thế giới đều không biết rõ ngày tháng năm sinh của đức Phật, vì lịch sử của đức Phật không có ghi chép cụ thể. Hiện giờ, tín đồ Phật giáo đều dùng Phật lịch 2.546 năm theo hệ Nam tông, chứ ít ai dùng 2.626 năm theo hệ Bắc tông.

Niên lịch Phật giáo Bắc tông không đáng cho tín đồ Phật giáo tin tưởng, vì thế mà không dùng niên lịch Bắc truyền.

Mặc dù lịch sử chưa chứng minh được Phật lịch năm nào đúng, sai, là vì không có sử liệu ghi chép lại chính xác. Cho nên, năm 2.546 và năm 2.626 đều không đúng. Nhưng hiện giờ chúng ta dựa vào những cuộc họp Phật giáo thế giới, chấp nhận lấy năm 2.546 làm niên lịch Phật giáo. Bây

giờ phần đông tín đồ Phật giáo quen dùng niên lịch Phật giáo năm 2.546 là đúng hơn 2.626 năm.



Hỏi: Thưa Thầy! Sự sai biệt giữa Nam tông và Bắc tông về pháp của đức Phật: 45 năm theo Nam tông 49 năm theo Bắc tông. Thưa Thầy, bên nào đúng?

Đáp: Căn cứ theo kinh sách Nguyên Thủy là loại kinh sách gốc của Phật thuyết, nên 45 năm thuyết Pháp đúng hơn. Còn 49 năm theo Bắc tông là sai. Vì kinh sách theo Bắc tông do kiến giải của các tổ viết ra, nên có sự bóp méo sự thật, vì thế 49 năm thuyết pháp không đúng. Bởi vì Bắc tông cho bộ kinh Bát Nhã là quan trọng, là đệ nhất trong các kinh nên nói rằng đức Phật thuyết pháp cho hàng Bồ tát 20 năm mới xong bộ kinh này.

Vì thế, 49 năm thuyết pháp là không đúng theo lịch sử chân thật của Phật giáo.

Nếu chúng ta tính thời gian từ khi tu chứng và bắt đầu giảng đạo cho đến khi Phật nhập Niết Bàn thì sẽ rõ thời gian.



Hỏi: Kính bạch Thầy! Trong Giáo Án... tập 3, Thầy nói: Khi còn sống, mọi hoạt động của con người đều “lưu lại” ở từ trường trong không gian, và chỉ người nào có tưởng thức mạnh mới giao cảm được với tần số của từ trường ấy mà “thấy và

nghe được” những sự việc đã diễn ra của người chết. Như cô Khang bị rút móng tay... Tóm lại, vậy là “có” linh hồn người chết, nhưng người thấy, người không, chứ nói “không có” linh hồn, thì mọi người không ai chịu tin hết Thầy ạ! Rồi họ đưa ra việc cầu hồn, thấy ma...

Thưa Thầy, hay là Phật nói không có linh hồn vì nó có nhưng không thật; hay để con người không nhớ thương, không ý lại, nương tựa tha lực?

Đáp: Không phải vậy, không phải vì lý do nhớ thương, hay ý lại mà đức Phật nói không có thế giới siêu hình, mà thật sự hoàn toàn thế giới siêu hình không có. Trong vấn đề linh hồn người chết có hay không, điều này đã mang nặng một dấu ấn trong tâm của mọi người là có linh hồn người chết. Muốn xác định cho rõ ràng điều này, thì không có cách nào hay hơn bằng chính người ấy phải tự nhập Tứ Thánh Định, an trú trong ấy, rồi dùng Trạch Pháp Giác Chi hướng tâm đến Thiên Nhân Minh để quan sát thế giới siêu hình, thì chừng đó mới xác quyết chắc chắn, rằng người chết không còn có linh hồn tồn tại, hay là không có sự sống sau khi chết.

Ở đây, Thầy đã giải thích rất nhiều về vấn đề thế giới siêu hình, nhưng ai là người hiểu vấn đề này. Người tri âm khó gặp, tri kỷ khó tìm. Người nghe được tiếng đàn của Bá Nha chỉ có Tử Kỳ mà thôi. Nhưng Tử Kỳ chết, Bá Nha đập nát chiếc đàn. Vì trên đời này còn có ai nghe được tiếng

đàn của mình. Thầy cũng vậy, chỉ có người nào tu chứng quả A La Hán mới hiểu được tiếng nói của Thầy.

Thầy sẽ không phụ lòng những câu hỏi của các con, Thầy cố gắng trả lời cho các con hiểu.

Con nên hiểu, thế giới mà loài người đang sống là một thế giới sắc tướng, có sự sống, có vạn vật hiện hữu, thế mà đức Phật gọi nó thế giới tưởng thì chúng ta có tin không?

Thế giới của chúng ta đang sống không phải do “tưởng uẩn làm ra”, mà do duyên hợp lập thành. Vì thế, không có một vật gì thường hằng, luôn tan hoại theo thời gian năm tháng. Thế mà chúng ta điên đảo tâm, điên đảo tướng, điên đảo tình, điên đảo kiến, chấp thủ mọi vật là có thật, là ta, là của ta, v.v... Thế giới hiện hữu là không có thật, vì thế mọi vật thường vô thường. **Trên thế gian không có một vật gì là trường cửu, vậy mà mọi người cho nó là có thật thì không phải đó là điên đảo sao?** Do cho nó có thật, nên mọi người làm ra cho nhiều, cố làm ra cho nhiều nên làm ra nhiều điều ác. Do làm nhiều điều ác nên phải thọ chịu những quả khổ đau.

Với đôi mắt của Phật nhìn mọi vật trên thế gian này, như bong bóng nước, như hoa phù du sớm nở, tối tàn, đó là một bằng chứng thật sự. Vì thế, đức Phật cho rằng thế giới chúng ta đang sống là thế giới của tướng tri. Vậy mà có ai tin đâu.

Chúng ta lại một lần điên đảo nữa, cái hình bóng của thế giới hiện tượng hữu hình tưởng tri này lại cho là thế giới siêu hình.

Ví dụ: Một cuộn băng video thu những ảnh núi sông, nhà cửa, người và vạn vật đang sinh hoạt nhảy múa. Với những hình ảnh này chúng ta cho đó là thế giới siêu hình sao?

Những hình ảnh núi sông, đất đá, cây cỏ, người và thú vật trong băng video hiện ra và hoạt động được là nhờ dòng điện, đầu máy và màn hình.

Còn thế giới siêu hình cũng vậy, nó được hiện ra và hoạt động là nhờ tướng uẩn của chúng ta bắt gặp và lập thành, chứ nó không có thật.

Con cũng nên biết và phân biệt tướng cho rõ ràng. Tướng có hai phần cụ thể:

1- Ý thức tướng, là chúng ta dùng ý thức mà tướng tượng ra một vật mà vật đó không có ở trước mắt.

2- Tướng thức tướng, là do năng lực hoạt động của tướng uẩn, khiến cho những hình ảnh của thế giới sắc tướng hiện hữu của loài người đang sống, đã được lưu lại trong không gian trở thành sống động, khiến cho mọi người chưa đủ trí tuệ sáng suốt, đang sống trong điên đảo tâm, điên đảo kiến, điên đảo tướng, điên đảo tình, mới cho những hình ảnh ấy là có thật thế giới siêu hình thật. Vì thế mới có việc cầu cơ, cầu hồn, thấy ma, thấy quỷ, v.v...

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Phật giáo Đại thừa có phải là Phật giáo chánh thống không?*

Đáp: Phật giáo Đại thừa không phải Phật giáo chánh thống, mà là Phật giáo theo kiểu pháp kiến giải của Bà La Môn. Hay nói cách khác, Phật giáo Đại thừa là đạo Bà La Môn lấy tên Phật giáo để lừa đảo tín đồ Phật giáo. Cho nên, nghĩa lý của toàn bộ kinh sách Đại thừa là giáo pháp của Bà La Môn chính gốc.



Hỏi: *Kính bạch Thầy! Thiên Đông Độ có phải là Phật giáo hay không?*

Đáp: Thiên Đông Độ không phải là Phật giáo mà là Lão giáo Trung Hoa (Tiên đạo). Tư tưởng Lão Trang Trung Hoa phát triển, có những điểm tương đồng với tư tưởng kinh sách phát triển Đại thừa giáo Ấn Độ. Vì thế, sau này Phật giáo Đại thừa đồng hoá tư tưởng Lão giáo, lấy tên gọi là “Phật giáo Tối Thượng thừa”, hay còn gọi là “Thiên tông”. Chủ trương của Thiên tông kết hợp Lão giáo và Đại thừa, nên thường gọi là “Thiên Giáo đồng hành”.

Phật giáo Đại thừa là Phật giáo Bắc truyền, thuộc Bà La Môn giáo và Ấn Độ giáo kết hợp và phát triển theo tưởng giải tạo ra. Cho nên, những tư tưởng trong kinh sách là tư tưởng của hai giáo phái này. Tư tưởng của hai giáo phái này mang tính chất trừu tượng, mơ hồ, ảo giác và đầy dẫy

sự mê tín, v.v... lấy thế giới siêu hình làm nơi an trú cuối cùng.



Hỏi: *Kính bạch Thầy! Trong sách Thầy thường hay nói là người muốn tu hành giải thoát thì phải thực hiện không làm khổ mình, khổ người, cắt ái ly gia, ly dục, ly ác pháp, hướng thiện, tăng trưởng thiện, ly ác, diệt ác pháp, xả tâm, v.v... còn sách của thầy Thanh Từ thì coi “Bát Nhã Tâm Kinh” là cứu cánh, tức là lấy cái nhìn mọi sự đều “không” để tu. Theo con hiểu thì hai pháp đều có thể hỗ trợ cho nhau. Từ cái nhìn mọi sự đều không hướng tới ta không làm khổ mình, khổ người, ly dục, ly ác pháp... cũng đâu có mâu thuẫn gì? Vậy mà con thấy trong sách của Thầy có nói là Đại thừa hay Đông Độ là xuyên tạc giáo lý của Phật tổ, mong Thầy giải thích cho con hiểu!*

Đáp: Kinh sách Nguyên Thủy của đức Phật và Kinh sách Đại thừa tưởng giải về lý thì giống nhau, nhưng kinh sách Đại thừa không có pháp hành, không có lối sống đúng; thường sống phạm giới, phá giới luật Phật và sống trong ô nhiễm, nhưng khéo lý luận thấy mọi pháp đều không, thì đó là sự lừa đảo bằng ngôn ngữ để che mắt tín đồ. **Thấy các pháp đều “không”, sao quý thầy lại không sống “không”?** Vì thế, các thầy Đại thừa sống ô nhiễm, có chùa to Phật lớn, vật chất đầy đủ, ăn uống phi thời, mặc y áo sang đẹp, đất tiền giống như nhà giàu, đi ra thì như vua

chứa tiền hô, hậu ủng, thế mà nhìn mọi pháp đều không thì con có tin là không chăng? Nói “không” mà lại “có” và còn chạy theo cái có thì chúng ta có tin lời nói của họ không? Từ chỗ không có một chiếc xe đạp, khi làm trụ trì một thời gian thì cả xe hơi họ cũng có.

Còn kinh sách Nguyên Thủy dạy các vị tu sĩ phải sống đúng Phạm hạnh, không có chùa to Phật lớn, đời sống chỉ có ba y một bát, ăn ngày một bữa, mặc y áo thô xấu, mà còn phải luôn luôn cảnh giác phòng hộ sáu căn bằng Giới luật, để giữ gìn đức hạnh của một bậc Thánh tăng. Đối với tu sĩ Nguyên Thủy, như vậy chưa được gọi là ly dục, ly ác pháp, mà còn phải thực hành ngày đêm liên tục “ngăn ác, diệt ác pháp” để khắc phục tâm tham, sân, si, mạn, nghi của mình bằng các pháp định như: Định Niệm Hơi Thở, Định Chánh Niệm Tỉnh Giác, Định Sáng Suốt, Định Vô Lậu, v.v... **Có sống không ô nhiễm, có thực hiện các pháp định như vậy, thì mới có thể ly dục, ly ác pháp, mới không làm khổ mình, khổ người.**

Nếu một người quyết tâm tu hành để cầu giải thoát, mà cứ nhìn các pháp định như vậy, đều thấy nó là không, thì đó là một lối ức chế tâm, một lối chịu đựng, không phải là giải thoát. Nếu bảo rằng các pháp đều không thì chúng ta thử lấy cây đánh vào thân ta thì có cảm giác đau không? Nếu không đau là không, còn có đau là có, còn có đau mà mà nói đau mặc kệ nó, đó là người vô

minh, người ngu si, người chai lỳ, v.v... Bởi vậy, tổ Sư Tử ngu si mà chết oan mạng, cũng do “không” của Đại thừa mà ra nông nổi này (Ngũ uẩn giai không).

Kinh sách của Đại thừa xuyên tạc giáo pháp của đạo Phật là Tiểu thừa, Thanh Văn, ngoại đạo, cấm không cho tín đồ Phật giáo tu tập, còn gọi những người tu theo giáo lý Nguyên thủy của Phật là “tiêu nha bại chủng, chồi khô mọng lép”.

Tứ Diệt Đế là một chân lý của đạo Phật bất di bất dịch, không ai thay được chân lý ấy, thế mà Đại thừa dạy: “Vô khổ, tập, diệt, đạo”. Tu mà thành cây, đá thì tu làm gì? Bởi vậy, từ khi có sự hý luận, chỉ biết các pháp cả thiện lẫn ác đều “không” là trở thành cây, đá. Đạo Phật dạy: “Ngăn ác diệt ác, sanh thiện tăng trưởng thiện”. Thiện là pháp không làm khổ mình, khổ người, pháp không làm khổ mình, khổ người là pháp giải thoát, là đạo đức nhân bản làm người; còn nếu thấy các pháp thiện cũng là “không” thì trở thành cây, đá, tu mà thành cây, thành đá thì tu làm gì?

Bởi vậy, từ khi có sự hý luận của ngài Long Thọ, “Trung Quán Luận” là một tai hại rất lớn cho tín đồ Phật giáo, từ thế hệ này đến thế hệ khác chỉ toàn là ăn thứ bánh vẽ. Cho nên, không một vị tu sĩ nào đạt được giải thoát, đến khi chết không có vị nào mà không đau khổ cả, họ đều lăn lộn, trăn trở trên giường bệnh một cách khổ đau không thua gì người thế tục.

KHI TU THIÊN CỦA PHẬT, NGHĨ GÌ VỀ LÝ BÁT NHÃ

*(Trích từ trang Web: nguyenthuychonnhu.net
Giáo án Tu Tập - Tập 1 năm 2000)*

Khi đức Phật tại thế, rất nhiều đệ tử của Ngài tu hành chứng đạt, từ khi Ngài nhập diệt cho đến ngày nay, số người viên mãn đạo quả giải thoát là hiếm thấy. Hỏi Các quý Thầy về vấn đề này, được các quý Thầy trả lời là phải tu nhiều đời, nhiều kiếp.

Phải chăng cứ phải tu như vậy mới thành tựu được đạo Phật?

Vậy thì đạo Phật ra đời có lợi ích gì cho con người, khi mà không giúp cho con người thoát ra khỏi những nỗi khổ đau sanh tử và luân hồi ngay trong hiện tại, mà phải chờ đến nhiều kiếp sau.

Có người bảo tại vì chưa thể nhập được vào trí tuệ Bát Nhã, nên người tu mới khó thành như vậy. Lý Bát Nhã ư?

Nghĩ lại hồi năm trước khi còn là tu sĩ Tịnh độ, Thiền tông, hàng ngày chăm chỉ tụng kinh, bái sám, cuối mỗi thời kinh A Di Đà, Phổ Môn, hay ngồi thiền xong lại đọc tụng Bát Nhã Tâm Kinh, đọc nhiều đến nỗi không cần giở sách cũng có thể đọc tụng vanh vách, rõ ràng không sai một chỗ. Thuộc nằm lòng như vậy, mà vẫn không hiểu

Bát Nhã Tâm Kinh ý nghĩa ra sao, và tu tập bằng cách nào để thể nhập được vào nó.

Hỏi các quý Thầy thì được trả lời đó là tính không của vạn hữu gọi là chân không diệu hữu, có nghĩa là từ tính “không” này sinh ra muôn vật muôn sự, để rồi muôn vật muôn sự lại trở về với tính không này. Bát Nhã Tâm Kinh chính là bài kinh chỉ về tính không của tâm, cũng chính là tính không của vạn hữu. Được hiểu như vậy, nhưng hỏi thế nào để thể nhập vào nó thì các quý thầy cũng không thể trả lời được. Chỉ biết giải thích ý nghĩa của bài kinh là như vậy thôi.

Ta thử đọc lại ý văn của bài kinh đó xem sao?
Bài kinh viết:

“Có một ngài Bồ tát (người đang tu, chưa thành Phật) khi ngồi tự tại quán một cách chuyên sâu bằng trí tuệ, soi vào năm uẩn, thì thấy năm uẩn đều mang tính không, liền thoát hết thấy mọi sự khổ ách.

Xá lợi tử ơi! (xá lợi là cốt Phật, xá lợi tử là chỉ về sự giác ngộ là Phật tính ở mọi người) Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy.

Xá lợi tử ơi! Cái tướng chân không của các pháp ấy không sinh, không diệt, không dơ, không sạch, không thêm, không bớt. Bởi thế cho nên, trong chân không ấy không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; cũng không có ý thức giới; không có vô minh;

cũng không có cái gọi hết vô minh; không khổ, tập, diệt, đạo; không chứng cũng không đắc, bởi chẳng có gì gọi là đắc cả.

Bồ tát ba đời nương vào trí tuệ Bát Nhã thời được đắc quả giải thoát. Vậy trí tuệ Bát Nhã là chú đại thần, là chú đại minh, là chú vô thượng, là chú vô đẳng đẳng, chân thực bất hư. Nên có bài chú ấy là: “Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, tát bà ha”.

Có người dịch tạm bài chú là: “Tiến lên, tiến lên, hãy cố gắng tiến lên đến bờ giác ngộ bằng trí tuệ lớn”.

Những ngày trước, khi đọc tụng Bát Nhã, tôi có một khao khát vô cùng, cái khao khát của một người mong được chứng ngộ lý Bát Nhã, cũng giống như một người đang bị cơn đói lả dầy vò, nhìn thấy chiếc bánh dành cho mình để ở trước mặt, vậy mà cố với tay để lấy mà không bao giờ lấy được.

Sau này, khi theo học với một vị đạo sư đã đắc quả giải thoát, tôi mới tự nhận ra chiếc bánh đó chỉ là một chiếc bánh vẽ ở trong mộng và muốn thể nhập vào tính không của vạn hữu cũng chỉ là ảo mộng mà thôi.

Chắc có người bảo rằng tôi dám khinh chê kinh Phật. Không dám đâu! Lời của Phật sao lại dám khinh chê. Ngài là hiện thân của trí tuệ vô thượng và của đức hạnh từ bi. Chỉ vì muốn cứu mình, cứu người ra khỏi bốn nỗi khổ lớn: sinh, già, bệnh, chết, mà Ngài từ bỏ giàu sang, danh

vọng, đi tìm đường giải thoát cho mình và cho mọi người. Vì thế, lời nói của Ngài là chân lý, là hiện thực, làm sao lại dám khinh chê. Lời dạy của Ngài đáng để cho chúng ta phải kính trọng, ngưỡng mộ, học hỏi và tu tập, để noi theo gương hạnh của Ngài. Có một câu chuyện làm tôi thấm thía đức hạnh từ bi của Phật. Câu chuyện đó như sau:

Có một vị đệ tử của Phật suy nghĩ: “Không biết thế giới là vô thường hay thế giới là thường còn? Như Lai có tồn tại hay không tồn tại sau khi chết?”

Người đó mang câu hỏi này đến để hỏi Phật, và nếu đức Phật không trả lời những câu hỏi đó làm cho vị ấy được thỏa mãn thì vị ấy sẽ không sống đời sống Phạm hạnh, trở về hoàn tục. Khi vị ấy đến gặp đức Phật, đức Phật nói: “Ta nào có nói với người thế giới là vô thường hay thế giới là thường còn, Như Lai có tồn tại hay không tồn tại sau khi chết thì người mới theo Ta sống đời sống Phạm hạnh. Nếu có ai có ý nghĩ ấy, thời này, người ấy sẽ chết vẫn không được Như Lai trả lời.

Ví như có một người bị mũi tên bắn, có tẩm thuốc độc. Bạn bè và bà con mời một thầy thuốc khoa mổ xẻ đến lấy mũi tên ra và săn sóc. Nhưng người ấy không cho rút mũi tên khi nào người ấy chưa biết được người bắn mũi tên là ai, cao hay thấp, béo hay gầy, thuộc giai cấp nào và ở đâu. Người ấy không cho rút mũi tên ra, khi người ấy chưa biết được cây cung được làm bằng loại gỗ gì,

mũi tên được làm bằng thứ gì. Người ấy sẽ chết mà vẫn không được biết gì.

Cũng vậy, dầu cho có quan điểm thế giới là vô thường hay thế giới là thường còn, Như Lai có tồn tại hay không tồn tại sau khi chết, thời vẫn có sinh, già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, não...”

Chính vì vậy mà đức Phật đã không trả lời câu hỏi của vị đệ tử kia, mà đức Phật chỉ giảng dạy sự đoạn tận ngay trong hiện tại những nỗi khổ ấy.

Qua câu chuyện trên, chúng ta thấy đức Phật rất thực tế, Ngài không nói lý luận, nếu lý luận ấy không nhằm vào mục đích giải thoát. Mọi người khi đến với Ngài, bằng những ví dụ, bằng những lời lẽ cụ thể, dễ hiểu. Ngài chỉ dạy thẳng vào vấn đề, để mọi người dễ nhận ra chân lý đâu là khổ, đâu là nguyên nhân gây ra khổ, và đâu là con đường diệt khổ, để bản thân có thể giải thoát ra khỏi những nỗi khổ đau.

Những năm trước, đọc tụng Bát Nhã thuộc nằm lòng như vậy, mà chẳng thấy nếm được mùi vị giải thoát. Nếu có ai dụng nhằm vào, làm trái ý nghịch lòng là nổi sân giận, hoặc gặp những chuyện bất toại nguyện trong cuộc đời là đau buồn khổ đau.

Quay trở lại bài Bát Nhã Tâm Kinh để xem xét bản kinh có đúng của Phật thuyết ra hay không? **Nếu đúng là của Phật thuyết, thì bao giờ đức Phật cũng chỉ dạy cách thức tu hành cho mọi người.**

Chúng ta thấy, bài kinh chỉ là một bài lý luận, giải quyết về mặt nhận thức giữa cái “không” và cái “có”. Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức đều cũng như vậy.

Mỗi quan hệ này chính là mối quan hệ nhân quả giữa cái “không” và cái “có”. Cái có được làm ra từ cái không nếu nó đủ nhân duyên. Cái có lại trở về cái không khi nhân duyên tan rã.

Sắc, thọ, tưởng, hành, thức (thân ngũ ấm) là con người cụ thể của chúng ta. Từ lúc chúng ta chưa có mặt ở cõi đời này, lúc còn là cái không, khi tinh cha huyết mẹ và nghiệp lực từ kiếp trước, gặp đủ nhân duyên để hội tụ, chúng ta được sinh ra và có mặt ở đời. Khi chúng ta từ giả cõi đời, các nhân duyên tứ đại tan rã, lúc đó chúng ta lại trở về với cái không.

Toàn bộ bài kinh chỉ giải thích được mối tương quan nhân quả của cái “có” và cái “không”, mà thiếu đi phần hướng dẫn tu tập. Cho nên, bài kinh không có ý nghĩa thực tiễn, giúp hành giả giải thoát ra khỏi những nỗi khổ đau và sinh tử luân hồi. **Chính người viết bài kinh này là ngài Long Thọ cũng cảm thấy lúng túng, cho nên chỉ còn biết kêu gọi: “Tiến lên, tiến lên, hãy cố gắng tiến lên, đến bờ giác ngộ bằng trí tuệ lớn”.**

Đó là những lời hô hào sông, hứa hẹn sông. Nếu chỉ nương vào mặt nhận thức hiểu biết mỗi

tương quan giữa cái “không” và cái “có”, cái “có” được sinh ra từ cái “không”, mà cho rằng đó là trí tuệ lớn: “Bồ tát ba đời nương vào trí tuệ Bát Nhã, thời được đắc quả giải thoát”, là một ngộ nhận tai hại và lầm lẫn rất lớn!!!

Vì dù có hiểu biết được mối tương quan nhân quả của cái “có” và cái “không” thì với sự hiểu biết ấy vẫn chỉ nằm trong trí hữu hạn nhờ suy tư, lý luận mà có, vẫn còn nằm trong cái ngăn che (thức ám).

Bát Nhã Tâm Kinh là kinh sách của phái Đại thừa phát triển viết ra, không phải là của Phật thuyết, cho nên nó không có ý nghĩa thiết thực cho người tu hành để đi đến sự giải thoát cứu cánh viên mãn như lời kinh hứa hẹn.

Với những người đã có kinh nghiệm tu chứng, thì Bát Nhã Tâm Kinh chỉ là một hý luận nói chơi cho vui tai mà thôi. Còn với người chưa có kinh nghiệm tu chứng; không được gặp thầy sáng hoặc những thiện hữu tri thức chỉ trình bày, thì Bát Nhã Tâm Kinh là một lý cao siêu khó thể nhập. Ví như người ốm đói ăn bánh vẽ mà không thể nào ăn được...

Sau khi đức Phật nhập diệt, sau thời kỳ những vị Thánh đệ tử cũng nhập diệt, trong Tăng đoàn lúc ấy không có người chứng đắc để lãnh đạo đồ chúng, vì những quyền lợi và kiến giải khác nhau, Tăng đoàn hình thành hai bộ phái:

1. Thượng tọa bộ
2. Đại chúng bộ

Thượng tọa bộ là phái của những vị Tỳ kheo thủ cựu, trung thành với những thuyết truyền thống và những giáo huấn của đức Phật để lại mà tu tập.

Đại chúng bộ là phái của vị Tỳ kheo trẻ, cho rằng khi đức Phật tại thế, thì đức Phật là hiện thân của Pháp bảo, và bản thân Ngài tùy lúc, tùy nơi mà thuyết pháp khác nhau, cho phù hợp với căn cơ của chúng sanh có nhiều sự sai biệt khác nhau. Khi đức Phật diệt thì Tăng chúng thanh tịnh là hiện thân của Pháp bảo. Tăng chúng nhất trí thành lập Pháp bảo, để giáo hóa chúng sinh, kinh sách cũng cần thay đổi cho phù hợp với thời đại để phù hợp với chúng sinh.

Vì thế, những vị Tỳ kheo trẻ này đòi thay đổi một số trong kinh sách của phái Thượng tọa bộ, nhưng phái này không nhất trí, nên trong Tăng đoàn có sự chia rẽ. Phái Thượng tọa bộ ôm kinh sách Phật để về phương Nam, hình thành phái Nam tông. Đại chúng bộ phát triển về phía bắc, hình thành phái Bắc tông hay còn gọi là phái Đại thừa phát triển. Phái này tự viết lấy kinh sách để truyền bá. Những kinh sách của phái này viết ra trừu tượng siêu hình, miễn cứ có lý, nghe xuôi tai là được. Còn ai tu hành ra sao thì không cần biết. Bát Nhã Tâm Kinh cũng là sản phẩm như vậy.

Chính vì kinh sách viết ra tùy tiện, lại do những người không có kinh nghiệm tu chứng soạn

thảo, cho nên nó rất nguy hại. Như người mù dẫn dắt người mù, cả lũ theo nhau chết chìm cả đám.

Lý Bát Nhã, nếu thực hiểu, chỉ là quan hệ tương quan nhân quả của cái “không” và cái “có”, cái “có” và cái “không”.

Nhưng ở đây, Ngài Long Thọ đưa ra một chân lý mới, đó là chân lý “Chân Không” và để tránh hiểu lầm cái “không” đối đãi với cái “có” nên gọi là “chân không diệu hữu”. Từ luận diệu chân không diệu hữu này, Ngài Long Thọ đã xóa bỏ đi chân lý của đức Phật, đó là chân lý Tứ Diệu Đế. Đức Phật đã dạy chân lý này trong suốt quá trình từ khi Ngài ngộ đạo đến khi Ngài nhập diệt. Nhờ đó mà các đệ tử của Ngài tu hành đắc đạo. Ở đây, Ngài Long Thọ đã thay thế bằng luận diệu “trong tướng chân không ấy, không có khổ, tập, diệt, đạo, không có chứng, không có đắc, bởi chẳng có gì gọi là đắc cả”.

Chúng ta đã biết, do tư tưởng tự do phóng túng, phái Đại chúng bỏ từ bỏ những giáo pháp cơ bản của Như Lai, ra đi để thành lập phái Đại thừa phát triển. Họ tự do suy tưởng, tự do viết lấy kinh sách, tự do nghĩ ra pháp hành.

Bằng tướng luận, họ cho rằng “có” và “không” là hai mặt đối lập của thế giới nhị nguyên. Hai mặt đối lập này cũng xuất phát từ “chân không” mà thành. Nếu còn bị kẹt trong thế giới nhị nguyên là con người không được giải thoát.

Cho nên, bằng suy luận, các nhà Đại thừa đã xây dựng Pháp môn “bất nhị” tức là không hai, có nghĩa là việc phân biệt các pháp vốn không hai.

Không có Phật, không có chúng sinh, không có sinh tử, không có Niết bàn, không có mê, không có ngộ, không có phá giới, không có giữ giới. Bởi vì “*sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc*”.

Quan điểm này chúng ta có thể thấy rất nhiều qua các kinh sách, qua các phương pháp tu tập của các nhà Đại thừa soạn ra. Ngài Long Thọ khi viết Trung Quán Luận là để xóa bỏ những quan niệm “có” và “không”, để xây dựng cái “không quán”, thực chất là để xây dựng cái chân lý “chân không” thay thế chân lý Tứ Diệu Đế của Phật thuyết ra. Vì các nhà Đại thừa chủ trương còn phân biệt cố chấp tức là còn điên đảo vọng tưởng, chưa thể chứng nhập bản thể chân tâm mẫu nhiệm. Họ cho rằng càng lý luận, bần khoản, thắc mắc thì lại càng kẹt cứng vào lý luận khái niệm, và vì thế lẽ đạo vẫn mịt mờ, tăm tối, mông lung.

Bồ đề Đạt Ma, khi đến Trung Hoa để xây dựng phái thiền Đông Độ đã tuyên bố: “*Không lập văn tự, truyền ngoài giáo lý, chỉ thẳng vào tâm, thấy tính thành Phật*”. Ngài đã lấy tính nghe, tính thấy, tính biết làm Phật tính. Chỉ cần người tu ngộ được tính nghe, tính thấy của mình là giải thoát liền. Vì tính nghe tính thấy là vượt ra ngoài đối đãi.

Cũng đồng một tư tưởng với ngài Long Thọ, các nhà Thiền tông cho rằng: Nếu còn nghĩ tới vấn đề làm sao giải thoát thì người ta đã bị rơi vào thế giới ngăn cách giữa tội và phúc, giữa mê và ngộ, giữa sinh tử và Niết bàn, giữa phàm phu và Thánh trí. Bởi nếu có lý luận suy diễn, phải diệt trừ cái này chứng đắc cái nọ, là người ấy bị rơi vào quan điểm lưỡng nguyên, là đã xa rời Phật tính.

Có thể nêu ví dụ để minh chứng phương pháp tu tập của truyền thống Thiền tông qua các cuộc đối thoại như sau:

Một vị sư đến tham vấn Hòa thượng Đông Sơn:

- Phật là gì?

Hòa thượng đáp

- Ba cân mè.

Hoặc một vị sư đến hỏi Triệu Châu

- Ý Sư tổ từ Tây vực đến là gì?

Sư đáp:

Cây Tùng ở trước sân.

Hoặc có người đến hỏi Tuệ Trung Thượng sĩ:

- Thế nào là Pháp Thân thanh tịnh?

Sư đáp:

- Ra vào trong vũng nước đái trâu, chui rúc giữa đồng phân ngựa.

Những câu đối đáp như vậy khiến người nghe phải bạt vía, kinh hồn. Bằng những công án đó,

các nhà Thiền tông muốn làm dứt bật mọi thứ thắc mắc, suy luận của người hỏi, để đưa họ về với cái Phật tính của mình. Nếu họ nhận được và sống với nó là được giải thoát. Ta thấy từ tư tưởng tự do phóng túng trong nhận thức, đã dẫn các nhà Đại thừa đến tự do phóng túng trong hành động, trong lối sống. Với quan niệm các pháp vốn không hai, chỉ cần biết dừng lại quay về với chính mình, để chủ động tự tại trong cuộc sống. Có nghĩa là cuộc sống vốn thế nào, hãy tự nhiên đúng như thế là được giải thoát. Vì vậy, một số các nhà Đại thừa đã có những hành vi kỳ dị, khiến mọi người phải ngạc nhiên, chẳng hạn:

Khi Lâm Tế đến gặp Tháp Chủ, Tháp Chủ hỏi:

- *Lễ Phật trước hay lễ Tổ trước?*
- *Không lễ Phật cũng chẳng phải lễ Tổ.*
- *Phật, Tổ có oan nghiệt gì mà không lễ?*
- *Khi cười đầu cọp, chớ vuốt râu hùm.*

Nói xong, Sư cười khẩy, vẫy tay áo và ra đi.

Hoặc Tế Diên Hòa thượng uống rượu, ăn thịt chó tì lì, không sợ người đời cười chê.

Hoặc Ngài Tuệ Trung Thượng sĩ xuống nước tắm với mọi người bằng tấm thân trần truồng không sợ xấu hổ, vì có ý nghĩ: không phải không giữ lễ, mà chỉ vì tùy nghi.

Những hành động cuồng phóng đó, các nhà Đại thừa gọi là những hành động phá chấp.

Ngày trước, khi tu tập theo Đại thừa, bản thân tôi phải sử dụng khâm phục trước tài trí và những hành động phóng khoáng của những vị này, cho rằng các vị này đã đạt được Thánh trí và chứng ngộ giải thoát, nên tư tưởng và hành động mới kỳ đặc làm vậy.

Ngày nay, được gặp chánh pháp của Phật, tôi mới thấy những hành động đó vô lối làm sao. Những người có hiểu biết về đạo Phật không thể nào chấp nhận được. Sự giải thoát mà các nhà Đại thừa xây dựng chỉ là pháp tướng. Đó không phải là sự giải thoát thật sự, đưa con người thoát ra khỏi đau khổ và sinh tử luân hồi.

Theo lý duyên sinh duyên khởi của mười hai nhân duyên là thế giới quan của đạo Phật đã xác định: *“Vô minh duyên với hành, hành duyên với thức, thức duyên với danh sắc, danh sắc duyên với lục nhập, lục nhập duyên với xúc, xúc duyên với thọ, thọ duyên với ái, ái duyên với thủ, thủ duyên với hữu, hữu duyên với duyên sanh, duyên sanh duyên với già, bệnh, chết, sầu bi khổ não”*. Như vậy, 12 duyên này được hình thành là toàn bộ khổ uẩn được hình thành, là thế giới khổ đau hiện bày. Nếu vô minh diệt, dẫn đến thức diệt, hành diệt, dẫn đến già, chết, sầu bi khổ não diệt. Như vậy toàn bộ khổ uẩn này chấm dứt. Theo lý duyên sinh duyên khởi như trên, thì *“cái này có thì cái kia có, cái này diệt thì cái kia diệt”*. Vì vậy, nhà Phật chủ trương diệt trừ tham ái, vì tham ái là nguồn gốc, là động lực đưa con người đến khổ đau và tái sinh luân hồi. Đó là sự giải

thoát thật sự mà đạo Phật mang đến cho chúng ta và **phương pháp tu tập của đạo Phật chỉ nhằm vào một mục đích là diệt trừ tham ái mà thôi.**

Xét lại toàn bộ kinh sách và các phương pháp tu tập của các nhà Đại thừa lấy trí tuệ Bát Nhã làm nòng cốt, đến bây giờ chúng ta có thể nhận thấy rằng đó không phải là giáo pháp của đức Phật. Các giáo pháp của các nhà Đại thừa soạn viết ra là để bóp méo đạo Phật và dìm mất những giáo pháp chân chính của đạo Phật bằng những giải pháp do suy tưởng, khiến người tu dở sống, dở chết vì đời chẳng ra đời, đạo chẳng ra đạo. Nhưng người đời cứ ngỡ rằng đó là lời của Phật thuyết, cho nên bao đời nay, người tu chứng ngày một hiếm thấy.

Nếu muốn được giải thoát, đạt tới Niết bàn, không có con đường nào khác là chúng ta phải quay về nương tựa vào những lời dạy thật sự là những lời dạy nguyên thủy của đức Phật. Những lời dạy này nằm trong các bộ kinh sách nguyên thủy như Trung bộ kinh, Trường bộ kinh, được dịch từ tiếng Pali sang tiếng Việt do Hòa thượng Thích Minh Châu làm dịch giả.

Đạo sư của tôi cũng nương tựa vào những bộ kinh này tu tập mà thành đạo.

Trong những tập kinh sách đó, nhiều bài kinh hướng dẫn hành giả qua tu tập, phần đông được an trú chứng ngộ bằng thượng trí, chứng đắc cứu cánh viên mãn, đạt tới Niết bàn. Ví dụ như bài

MĀLUNKYĀPUTTA đại kinh (Trung bộ kinh tập 2 bài số 64) để dẫn chứng, xin được tóm tắt bài kinh đó như sau:

“Một thời, Thế Tôn trú tại tịnh xá của ông Cấp Cô Độc. Thế Tôn hỏi các chúng Tỳ kheo có thọ trì năm hạ phần kiết sử do Ngài giảng dạy hay không. Được hỏi như vậy, Tỳ kheo MĀLUNKYĀPUTTA nói: Con có thọ trì năm hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy (5 hạ phần kiết sử là: thân kiến, nghi hoặc, giới cấm thủ, tham dục, sân nhuế). Đức Thế Tôn hỏi MĀLUNKYĀPUTTA vì cớ gì, vì ai mà ông thọ trì năm hạ phần kiết sử? Có phải các tu sĩ ngoại đạo cắt vấn ông về ví dụ đứa con nít còn ngây thơ, trong trắng thì làm sao biết được thân kiến, nghi hoặc, giới cấm thủ, tham dục, sân nhuế? Thật sự các tùy miên này sống tiềm tàng trong nó?”.

Được nghe nói như vậy, ông Anan thỉnh Phật thuyết giảng năm hạ phần kiết sử cho các Tỳ kheo thọ trì. Đức Thế Tôn đã giảng cho các Tỳ kheo nguyên nhân dẫn đến năm hạ phần kiết sử và cách thức đoạn trừ năm hạ phần kiết sử.

Đức Thế tôn nói: “Và này Ananda, thế nào là lộ trình đưa đến sự đoạn tận năm hạ phần kiết sử?”

Ở đây A Nan Đa, vị tỳ kheo do viễn ly các sanh y trước, do đoạn trừ các bất thiện pháp, do làm cho an tịnh các thân ác hành một cách toàn diện, ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục

sinh, có tâm có tứ. Diệt tâm và tứ, chứng và trú thiền thứ hai, một một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm không tứ, nội tĩnh nhất tâm, chứng và trú thiền thứ ba. Chứng và trú thiền thứ tư, vị này chánh quán mọi sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp là vô thường, khổ, như bệnh, như cục bướu, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là vô ngã. Vị này giải thoát tâm khỏi các pháp ấy. Sau khi giải thoát tâm ra khỏi các pháp ấy, vị ấy hướng tâm vào các Bất tử giới (trạng thái thân tâm bất động), và nghĩ rằng đây là tịch tịnh, đây là vi diệu, tức là sự an chỉ tất cả hành, sự xả ly tất cả ý, sự ái diệt, vô tham, đoạn diệt, Niết bàn. Nếu an trú vững chắc ở đây, vị này đạt đến sự đoạn tận, thời do sự tham pháp, hỷ pháp của mình, do sự đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy được hóa sinh ở cảnh giới đoạn tận năm hạ phần kiết sử. Ở đây, vị ấy tiếp tục đoạn tận các lậu hoặc và nhập Niết bàn, không phải trở lui đời này nữa”.

Con đường đi đến sự giải thoát là con đường thực hiện tam vô lậu học Giới, Định, Tuệ mà trong bài kinh đã chỉ ra cho chúng ta rất rõ. Khi chúng ta thực hiện giữ giới, là để xa rời các nường tựa trước đây đã làm cho chúng ta tham đắm và chấp trước (viễn ly các sanh y trước).

Do giữ giới, chúng ta xa rời những ham muốn, xa rời được các pháp ác, chúng ta bắt đầu đã làm chủ tâm mình.

Do giữ giới, chúng ta đã sống một nếp sống có đạo đức hơn.

Do tu tập các loại thiền định của Phật (Tứ Thánh định) chúng ta đang tập làm chủ cái thân của mình để an tịnh các thân hành một cách toàn diện và liên tục.

Khi đã nhập được vào Tứ thiền, thân và tâm trở thành bất động trước các pháp, vì lúc đó đã an chỉ tất cả hành, viễn ly tất cả ý (lúc đó trạng thái của thân không còn thở ra thở vào, tai không còn nghe thấy âm thanh bên ngoài nữa). Nhập được vào trạng thái này, chúng ta không còn tham ái nữa (còn tham ái là còn động dục, dục sẽ tạo nghiệp làm nhân, làm duyên đưa chúng ta đi luân hồi tái sinh, chịu đau khổ).

An trú vững chắc trong Tứ thiền, hành giả hướng tâm tới sự đoạn tận các lậu hoặc, đoạn trừ các kiết sử trói buộc, hành giả hướng tâm đến Tam minh, thực hiện giai đoạn cuối cùng của Tam vô lậu học. Đó là tuệ chứng ngộ Vô thượng trí, chứng đắc cứu cánh viên mãn, thể nhập vào Niết bàn ngay trong cuộc sống.

Giáo pháp của Như Lai là để thực hành, chứ không phải là lý thuyết suông.

Nếu bằng con đường học vấn như các nhà Đại thừa hiện đang làm (mở những lớp đại học Phật giáo để học các kinh điển). Bằng con đường nhận thức đó, các vị chẳng bao giờ nếm được mùi vị giải thoát. Không những thế, các vị còn đang và

sẽ hại những người khác, khiến cho biết bao phật tử bị lầm lạc đường tu.

Từ khi có các trường đại học Phật giáo ra đời, thì những nơi này chỉ đào tạo các ông Tiến sĩ. Cho nên, những bậc Thánh tăng A La hán vắng bóng, không còn nữa. Vì thế mà các ông tăng Tiến sĩ sống bừa bãi, phạm giới, phá giới, sống một đời sống phi phạm hạnh.

Con đường tu chứng chân lý và giải thoát là con đường Thánh đạo tám ngành của đức Phật đã đề ra gồm có: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Trên các con đường đó, hành giả phải rèn luyện tu tập kiên trì thì sự chứng ngộ chân lý chắc chắn sẽ xảy ra.

Là một người trước đây bị nhiễm độc do kinh sách của Đại thừa đã làm tôi dở sống, dở chết, tụng kinh, niệm Phật, bái sám, ngồi thiền hoài hoài mà cuộc đời vẫn cứ khổ. Nay nhờ có nhân duyên gặp Thầy sáng, con đường tu của tôi đã rõ ràng, hiểu đúng hơn, hiểu rộng thêm về đạo Phật. Được Đại sư hướng dẫn, sự tu tập của tôi có được chút kết quả khiêm tốn.

Thấy rõ được cái đúng và lợi ích thiết thực của chánh pháp và cái nguy hại của tà pháp, tôi vô cùng thương những người còn bị kinh sách phát triển làm ảnh hưởng sai lệch đường tu.

Với những hiểu biết còn nông cạn, tôi viết những suy nghĩ này, mong rằng những ai đó có thiện duyên với tôi, đồng cảm với tôi thì những

suy nghĩ này, nhận thức này cũng giúp được một phần lợi ích bé nhỏ.

Mong rằng những bậc cao minh hơn tôi chỉ dạy cho tôi những chỗ còn thiếu hiểu biết, để tôi càng ngày được hoàn thiện hơn. Xin chân thành tri ân.

Kính ghi,
Tu Viện Chơn Như, ngày 12-7-2000
Thích Minh Đạo



BÁT NHÃ TÂM KINH

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Kinh Bát Nhã viết: Quán Tự Tại Bồ tát hành sâu Bát Nhã Ba La Mật, ngài soi thấy năm uẩn đều không, liền qua hết thấy khổ ách, hoặc đối cảnh vô tâm...*

Tất cả những câu pháp đó có đồng nhất với câu pháp hướng tâm như lý tác ý trong ĐVXP HT dạy: “Tâm như cục đất” không?

Đáp: Không, pháp hướng tâm “Tâm như cục đất” là một phương pháp tự kỷ ám thị để rèn luyện nội tâm của mình, chứ không phải một lời suông như trong Tâm Kinh Bát Nhã: “Quán Tự Tại Bồ tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách”. Câu kinh này là câu kinh nhập tụng

hằng ngày trong các chùa. Không có ngày nào mà tu sĩ Phật giáo không tụng niệm câu kinh này, thế mà những người tụng niệm câu kinh này có bao giờ hết khổ ách chưa? Từ các tổ xa xưa cho đến các thầy hiện giờ, không ngày nào là không tụng niệm, thế mà ngũ uẩn có không đâu, nó đang hành hạ các tổ và các thầy đủ thứ tai họa. **Như vậy là kinh này chỉ nói chứ không có hành được, vì nó không có pháp hành. Còn pháp hướng tâm tự kỷ ám thị là một pháp môn thực hành, nó đã mang đến kết quả chúng ta thấy rõ ràng, khi chúng ta giữ gìn giới luật nghiêm chỉnh.**

Vì thế, hai pháp môn này không có giống nhau chút nào cả, một pháp môn nói được mà không hành được, nó là một triết học tánh không, (hý luận của Long Thọ) còn một pháp nói được làm được, nó là một đạo đức nhân bản của loài người, nó không phải là Triết học, mà là Đạo đức học. Nó là một môn học, đưa ra những hành động sống hằng ngày để con người áp dụng vào đời sống mà không trái với quy luật tự nhiên của bản chất con người. Cho nên, càng áp dụng vào đời sống thì càng thích thú hơn nhiều, vì nó mang lại hạnh phúc và sự an vui cho cá nhân và tập thể.

Nói đến đạo đức là nói đến sự sống an lành của mỗi con người, vì thế nó phải là một pháp môn cụ thể thực tế, không lý luận quanh co,

không tưởng giải ra những điều trừu tượng, ảo giác không thật.

“Hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không”. **Hành thâm như thế nào? Chiếu kiến như thế nào? Tụng niệm hay là quán xét?** Tụng niệm thì các chùa đã từng tụng niệm hằng ngày, còn quán chiếu thì người ta đã quán chiếu quá nhiều, nhưng ai là người đã vượt thoát được khổ ách? Người ta đã thực hiện nằm lòng những câu kinh này, nhưng tìm thấy sự giải thoát trong tâm thì chưa có ai cả. Tại sao vậy? Tại vì nó là một triết học, một lý luận suông của những nhà học giả, không có kinh nghiệm tu hành.



VÔ KHỔ, TẬP, DIỆT, ĐẠO

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Không có ngã, không có ta và không có cái của ta, nếu quán chiếu được như thế thì mới có luận: vô khổ, tập, diệt, đạo.*

Đáp: Đúng, là cái hý luận của các nhà học giả Phật giáo phát triển, vì không có cái ngã, không có cái ta và không có cái của ta, nên mới có chỗ đập phá chân lý của Phật giáo là “vô khổ, tập, diệt, đạo”, nên mới có chỗ cấm tín đồ Phật giáo nếu ai tu theo Thanh Văn Nhị Thừa thì sẽ bị khinh cấu tội. Bởi vì con người không có cái ngã,

không có cái ta, không có cái của ta, nên chân lý khổ, tập, diệt, đạo làm sao có được. Không có cái ngã, không có cái ta, không có cái của ta thì con người là gốc cây là cục đá, nên chân lý khổ, tập, diệt, đạo của đạo Phật là chân lý của con người chứ không phải chân lý của cục đá, gốc cây. Khổ, tập, diệt, đạo để là chân lý của con người có cái ngã, có cái ta, có cái của ta. Con người tu hành trở thành cục đá, gốc cây mới sản xuất ra trí tuệ Bát Nhã Tâm Kinh, để trong các chùa hàng ngày tụng niệm “Vô khổ, tập, diệt, đạo”, để diệt mất cái chân lý này đi, diệt mất cái chân lý này để làm gì? Diệt mất cái chân lý này là là diệt mất Phật giáo.

Cho nên, sau khi đức Phật tịch thì Phật giáo ngay trên quê hương của Người đã bị quét ra khỏi. Cho đến bây giờ, cũng không thấy dấu vết gì đúng nghĩa của Phật giáo ở trên đất nước này.

Bây giờ, nếu chúng ta trở về thăm quê hương xứ Phật, chỉ thấy những nơi di tích được trùng tu để thu tiền khách tham quan vãng cảnh, chứ đâu có ý nghĩa làm cho Phật giáo sống lại với đất nước Ấn Độ nữa. Một cái gì cao quý và đẹp đẽ nhất của nước Ấn Độ đã bị lòng ganh tỵ nhỏ hẹp của các tôn giáo ích kỷ tại quê hương này diệt mất rồi, còn đâu nữa. Có còn thì cũng chỉ là hình thức kinh doanh tôn giáo mà thôi.

Đúng như cư sĩ đã nói: *“Không có ngã, không có ta, không có cái của ta, nếu quán chiếu như thế thì mới có luận vô khổ, tập, diệt, đạo”*. Vậy,

không cái ngã, cái ta, cái của ta thì lấy cái gì quán chiếu, nếu có cái quán chiếu được thì phải có cái ngã, có ta, có cái của ta, ngoài ra ba cái này thì không có cái quán chiếu. Vì thế, cái quán chiếu này là cái ảo giác trừu tượng, không phải của con người, không phải của con người thì cái này không phải của Phật giáo. Vì Phật giáo lấy con người làm nơi tu hành giải thoát cho con người, ngoài con người ra thì không có cái gì để tu hành cả, **vì con người khổ nên đạo Phật ra đời giải quyết sự đau khổ cho con người, mà con người thì phải có cái ngã, cái ta, cái của ta. Nhưng khi cái ngã, cái ta, cái của ta đều thiện thì có làm khổ mình, khổ người đâu mà chúng ta lại dẹp bỏ nó?!** Chúng ta chỉ dẹp cái ngã, cái ta, cái của ta trong ác pháp, vì cái ngã, cái ta, cái của ta trong các ác pháp là cái thường làm khổ mình, khổ người, nên đức Phật dạy: *“Ngăn ác diệt ác pháp sanh, thiện tăng trưởng thiện pháp”* thì chân lý khổ, tập, diệt, đạo mới thật là chân lý của loài người.

Bởi vậy, lý Bát Nhã chỉ áp dụng vào thế giới tưởng của Long Thọ, chứ không thể áp dụng cho loài người được. Vì nó là một ảo giác chân không diệu hữu.



Hỏi: *Kính bạch Thầy! Kính Kim Cương dạy: “Bất ưng trụ sắc sinh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sinh tâm. Ứng vô sở trụ nhi*

sanh kỳ tâm”. Vậy có giống định Bất Động Tâm hay định Vô Tướng, hay phòng hộ: mắt, tai, mũi, miệng, thân và ý không cho dính mắc sáu trần không?

Vậy thì vô tâm, những liễu liễu thường tri (rõ ràng thường biết) có giống các ý câu: “Tâm như cục đất không?”

Tâm như đất, có sợ rơi vào vô ký không?

Đáp: Kinh Kim Cang thuộc về hệ thống Bát Nhã, mà Bát Nhã là không. Câu kinh diễn tả vị trí chân không diệu hữu của triết học tánh không, thì không thể nào bất động. Bất Động Tâm định do ly dục, ly ác pháp, hay nói một cách khác hơn, Bất Động Tâm định là tâm không phóng dật, cho nên đức Phật dạy: *“Ta thành Chánh Giác là nhờ tâm không phóng dật”*.

Bất Động Tâm Định là một quá trình tu tập bằng một cuộc sống đúng giới luật, không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào cả. Trong khi giữ gìn giới luật, còn phải tu tập các pháp hành như: Tứ Bất Hoại Tịnh, Tứ Chánh Cần, Tứ Niệm Xứ... để làm cho thanh tịnh giới luật, nhờ giới luật thanh tịnh tâm mới ly dục, ly ác pháp hoàn toàn.

Các nhà sư Phật giáo phát triển chỉ biết lý luận bằng ngôn ngữ hay tuyệt, nhưng cuộc sống của các Ngài rất phàm phu (sống phá giới, phạm giới, bẻ vụn giới), nhưng lại khéo dùng những danh từ để che mắt tín đồ: *“Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh*

tâm. Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”. Đây là những danh từ suông, chứ sự sống của con người không thể thực hiện được như vậy. Cho nên, kinh sách thuộc hệ thống Bát Nhã này từ xưa cho đến nay đã lưu hành hơn hai nghìn năm mà có mấy ai đã tu tập đạt được.

Vô tâm nhưng thường liễu tri, nghĩa của nó cũng giống như chân không diệu hữu, chỉ nói được chứ không sống với cái đó được, là tại vì nó là cái bánh vẽ. Còn câu tác ý **“Tâm như cục đất” là câu pháp hướng huấn luyện tâm, để tâm huân thành thói quen như đất**, chứ không phải tâm là cục đất. Vì thế tâm làm sao rơi vào vô ký được.

Nghe hướng tâm như đất là người ta sợ tâm thành đất thật sự, đất là đất, tâm là tâm, có nghĩa là tâm không làm khổ mình, khổ người nữa, lúc là tâm không còn mang bản chất hoang dã của loài cầm thú nữa, chứ không phải tâm như cục đất vô tri, vô giác (vô ký) như cư sĩ hiểu.



Hỏi: Kính bạch Thầy! Ở Cẩm Nang Tu Phật, Thầy giảng về hành Thập Thiện:

- Thân hữu sắc (thân do duyên hợp giả có).
- Tâm là vô sắc (không có hình). Vậy gọi là pháp thân có được không?

Có giống như trong nước biển có muối, không một mà cũng chẳng phải hai, hay trong nước có

bọt nước. Vậy câu: “Sắc tức là không, không tức là sắc”. Câu này có hợp không?

Đáp: Không, pháp thân là một trạng thái vô dục của tâm chứ không phải tâm, vì tâm là một uẩn trong ngũ uẩn, khi sắc uẩn hoại diệt thì toàn cả ngũ uẩn đều hoại diệt, ngũ uẩn hoại diệt thì tâm đâu còn?

Trong năm uẩn chỉ có sắc uẩn là hữu sắc, còn bốn uẩn kia là vô sắc, cho nên không thể lấy một uẩn vô sắc mà gọi là pháp thân được. Vì lấy tâm uẩn cho là pháp thân thì thọ uẩn; hành uẩn và tưởng uẩn cũng cho là pháp thân được sao?

Trong thân nhân quả (thân ngũ uẩn) của chúng ta chỉ thuần có một vị khổ, không có vị giải thoát, nếu chúng ta không tu tập đúng chánh pháp thì không bao giờ có vị giải thoát.

Trong luật nhân quả có vị giải thoát, có thiện và ác, thiện là giải thoát, ác là khổ đau. Cho nên, đem thân ngũ uẩn ví như nước biển, cũng như nước và bọt nước thì e rằng không đúng, vì thân ngũ uẩn là một hợp chất của các duyên chứ không có thật, thì làm sao là nước và bọt nước được.

Vì thế câu kinh: “Sắc tức là không, không tức là sắc” thì không đúng với Phật giáo, cho nên đức Phật dạy: ***“Nếu còn có một chút xíu gì trong thân ngũ uẩn này thường hằng thì đạo Phật không ra đời”***. Tại sao vậy?

Tại vì không giải thoát khổ cho loài người.

Vài lời thăm và chúc cho cư sĩ thân tâm an lạc, kiên cố tu hành đến ngày viên mãn.

(Trích ĐVXP tập 10 trang 122)



Hỏi: *Quyển Đạo Đức Làm Người tập II, với đề mục Chân lý sống của loài người không phải là tôn giáo và triết lý, Thầy lý giải ba khái niệm: Tôn giáo, triết học, chân lý. Chúng con cũng thu nhận được về cơ bản. Nhưng từ đó lại nảy sinh suy tưởng mới. Vậy Phật giáo có nằm trong phạm trù tôn giáo không? đức Phật không chỉ dạy có bốn chân lý mà còn nhiều bài thuyết pháp khác nữa. Lời Người dạy: Một Đấng Giác Ngộ Toàn Năng được coi là chân lý được không?*

Đáp:

1- Phật giáo không nằm trong phạm trù tôn giáo, trên đầu không có Đấng Tối Thượng Toàn Năng, không có thế giới siêu hình.

Khi tu chứng đạo xong, đức Phật đã tuyên bố: “Thiên thượng, thiên hạ, duy ngã độc tôn”. Câu này có nghĩa là trên trời, dưới trời, con người là duy nhất.

2- Bốn chân lý của đạo Phật chỉ là bốn chân lý của loài người, chứ không phải là bốn chân lý của Phật giáo. Người nào hiểu bốn chân lý này của Phật giáo là hiểu sai. Vì con người có khổ, tập, diệt, đạo, chứ Phật giáo đâu có khổ, tập, diệt, đạo. Có đúng như vậy không các bạn?

Ngoài bốn chân lí Tứ Diệu Đế, các bài pháp khác không phải là chân lí, mà là trợ lí cho bốn chân lí này, nên kinh thường dạy các pháp khác là pháp trợ đạo (37 phẩm trợ đạo).

3- Đấng Giác Ngộ Toàn Năng không phải là chân lí, mà con người có thể giác ngộ Chân Lí Toàn Năng. Đây là lập trường cụ thể, xác thực của Phật giáo xin các bạn hiểu cho, chứ chúng tôi không có ý xuyên tạc các tôn giáo khác, vì mỗi tôn giáo đều có một nền tảng khác nhau. Do câu hỏi này buộc lòng chúng tôi xác định đúng nghĩa của Phật giáo.

(Trích Giáo án Tu Tập - tập 7)



Hỏi: *Kính bạch Thầy! Trên bình diện hữu sắc và vô sắc, về hữu sắc, thực tế trong nhân loại hiện nay không còn con đường nào khác là phải xây dựng cho mỗi người có một nền đạo đức nhân bản và nhân quả. Trên cơ sở bốn đế (khổ, tập, diệt, đạo), vậy pháp hành là Tứ Chánh Cần ly dục, ly ác pháp thật là tuyệt vời!.*

Bởi lẽ thế gian hiện nay, đã hầu hết làm mất đi nền đạo đức nhân bản này. Thế mới có chuyện người người ham mê theo một quả bóng tròn, hay khổ sở tranh giành làm Tổng thống, hoặc làm từ thiện thì bớt xén cả của những người khuyết tật, những người hoạn nạn do thiên tai...

Tất cả vì dục vọng mà nhiều người đã làm mất đi bản chất làm người để đi vào thú tính, xét

cho cùng ngay những con thú có khi họ cũng không bằng. Vì bản chất loài thú ăn no, nằm ngủ rồi thì thôi, nhưng con người hiện nay ăn no vẫn chưa đủ, mà còn phè phỡn tìm kiếm thật nhiều, để rồi vào tù còn giờ trò sám hối.

Thật là đau lòng cho những vị Thánh Minh muốn cứu đời trước thực tại này.

Bốn câu kệ trong kinh Kim Cang.

“Nhược dĩ sắc kiến ngã

Dĩ âm thanh cầu ngã.

Thị nhân hành tà đạo.

Bất năng kiến Như Lai”

Liều nghĩa được bốn câu này thì làm gì có kinh Phổ Môn, kinh Địa Tạng, kinh Di Đà, chuyện Bà Thanh Đề, (kinh Vu Lan Bồn) là một sự lừa dối phi đạo đức và phi nhân quả, mà HT đã phải dần giọng kêu lên. Một tiếng sét cho những ai còn mê muội...

Đáp: Tại sao kinh Kim Cang nằm trong hệ thống kinh sách phát triển mà lại mâu thuẫn, tự đập phá lại kinh sách phát triển? Bởi vậy, chúng ta mới thấy hệ thống kinh sách phát triển không nhất quán. Cuốn kinh nào cũng tự ca ngợi nó là đệ nhất hơn các cuốn kinh khác, kinh Kim Cang ca ngợi kinh Kim Cang là đệ nhất, kinh Pháp Hoa cũng ca ngợi kinh Pháp Hoa là đệ nhất, kinh Lăng Già, kinh Viên giác, kinh Thủ Lăng Nghiêm cũng vậy. Vì thế câu:

“Nhược dĩ sắc kiến ngã

Dĩ âm thanh cầu ngã

*Thị nhân hành tà đạo
Bất năng kiến Như Lai*

Bốn câu kệ này nó thể hiện qua trí tuệ Bát Nhã Ba La Mật tánh không cho một hành tinh chết trong vũ trụ này, chứ không phải áp dụng cho hành tinh sống của chúng ta. Vì nó là chân lý của Long Thọ sản xuất, nó đang áp dụng trên cung trăng, mặt trời và trên những hành tinh chết khác, còn ở địa cầu thì nó là chân lý ảo tưởng. Vì địa cầu là môi trường sống nên mọi vật ở đây không thể là cục đá, gốc cây được (không có ngã, không có ta, không có cái của ta).

Nếu bảo rằng lấy bốn câu kệ này làm pháp tu quán chiếu thì không đúng, vì bốn câu kệ này không phải là pháp hành, nó chỉ là một lý luận suông của Bát Nhã Đại thừa, mâu thuẫn lại chính bản thân của Đại thừa, tức là mâu thuẫn lại Tịnh Độ tông và Mật tông. Còn nếu lấy câu:

*“Nhất thiết hữu vi pháp
Như mộng, huyễn ảo, bào ảnh
Như lộ diệt, như điện
Ứng tác như thị quán”.*

Nếu dùng câu này tác ý tu tập để chúng ta trở thành cây, đá trong môi trường chết thì có thể được, chứ pháp môn này không có mang tánh chất ly tham, đoạn ác pháp để được giải thoát như kinh sách Nguyên Thủy.

Do biết các pháp hữu vi như giấc mộng, như huyễn ảo, như sương mù, như điện chớp, thì nó trở thành là pháp môn tránh né, pháp môn tránh

né là pháp môn ức chế tâm, pháp môn ức chế tâm thì không bao giờ ly dục, ly ác pháp được, không ly dục, ly ác pháp thì không bao giờ có giải thoát.



Hỏi: *Kính bạch Thầy! Thâm ý của Bà La Môn đối với Phật giáo như thế nào? Xin Thầy dạy rõ cho chúng con biết.*

Đáp: Thâm ý của Bà La Môn đối với Phật giáo là muốn diệt Phật giáo bằng nhiều thủ đoạn:

1- Chế Bò Tát giới, cấm cư sĩ và tu sĩ không được học và tu tập theo kinh sách Nguyên Thủy (Tiểu Thừa).

2- Dùng lý luận trí tuệ Bát Nhã đập phá chân lý của Phật giáo, “Vô khổ, tập, diệt, đạo”.

3- Luồn lách đưa giáo lý của mình để vào thay thế giáo lý của Phật giáo.

4- Đưa đức Phật Di Lặc ra để thay thế đức Phật Thích Ca làm giáo chủ Phật giáo trong thời vị lai.



Hỏi: *Kính bạch Thầy! Bà La Môn nào trong kinh Pháp Cú mà đức Phật ca ngợi và Bà La Môn nào mà đức Phật chê, bài bác? Xin Thầy dạy cho chúng con được rõ.*

Đáp: Bà La Môn được đức Phật khen ngợi là một Bà La Môn sống đúng giới luật và chánh pháp của Phật, còn sống không đúng giới luật và

chánh pháp của Phật thì đức Phật không chấp nhận. Vậy, chúng ta hãy đọc lại những bài kinh Pháp Cú thì sẽ biết rõ ràng hơn:

*“Với người thân, miệng, ý
Không làm các ác hạnh
Ba nghiệp được phòng hộ
Ta gọi Bà La Môn”*

Thân, miệng, ý không làm các ác hạnh tức là sống đời sống giới luật nghiêm chỉnh, thường tu tập các pháp ly dục, ly ác pháp, diệt ngã, xả tâm, tức là phòng hộ ba nghiệp.

*“Đoạn hết các kiết sử
Không còn gì lo sợ
Không đắm trước buộc ràng
Ta gọi Bà La Môn”*

Đoạn hết các kiết sử tức là dùng ngăn ác, diệt ác (Tứ Chánh cần), đó là Bà La Môn tu đúng pháp được đức Phật chấp nhận. Không đắm trước buộc ràng tức là hộ trì các căn mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý không cho dính mắc sáu trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

*“Bỏ điều ưa, điều ghét
Thanh lương, không nhiễm ô
Hùng dũng thắng mọi cõi
Ta gọi là Bà La Môn”*

Thân tâm được trong sạch, không cấu uế như vầng trăng sáng, tịnh lặng giữa đêm trường sâu thẳm, và tất cả những hữu ái đều được đoạn trừ. Nếu người nào giữ thân tâm được như vậy là tu

tập Tứ Niệm Xứ được viên mãn. Người ấy được đức Phật chấp nhận là một Bà La Môn:

*“Như trăng sạch không uế
Sáng trong và tịnh lặng
Hữu ái được đoạn tận
Ta gọi Bà La Môn”*

Tóm lại, người được đức Phật gọi là Bà La Môn là phải sống đúng giới luật, thường ngăn ác, diệt ác pháp: *“Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành”*. Một Bà La Môn tu tập và sống như vậy chính là tu sĩ Phật giáo, một bậc Sa Môn Phạm Hạnh, còn ngược lại là một Bà La Môn của đạo Bà La Môn; hay nói cách khác, một tu sĩ Phật giáo sống phạm giới, bẻ vụn giới, sống chạy theo danh lợi làm những điều mê tín, lừa đảo tín đồ... đó là Bà La Môn của Đạo Bà La Môn, chứ không phải một tu sĩ Phật giáo (một bậc Sa Môn Phạm Hạnh).

(Trích ĐVXP - 6 Trang 222-245)



ĐẠO PHẬT LÀ MỘT TÔN GIÁO TỰ LỰC

Người muốn đi theo con đường tu hành chân chánh của đạo Phật, thì phải thấu rõ đời sống của con người từ khi sinh ra cho đến khi chết toàn là một cuộc sống khổ, khổ như thật; khổ vì thân tâm của mình mang đầy ắp phiền não tham, sân, si; khổ vì mọi người sống chung quanh mình tư tưởng không đồng nhau; khổ vì hoàn cảnh trái ngang lúc thuận lúc nghịch; khổ vì cơm ăn áo mặc phải vất vả gian nan. **Khi chúng ta thấy đúng, biết đúng khổ như vậy, thì mới dám chọn con đường tu hành của đạo Phật.** Nếu không thấy đời sống khổ như thật, còn thấy nó có hạnh phúc, có an lạc, sung sướng thì đừng nên chọn con đường tu hành của đạo Phật.

Tại sao vậy?

Tại con đường tu hành của đạo Phật là con đường đi ngược lại với cuộc sống của đời người. Vả lại, con đường tu hành theo đạo Phật là một con đường phải tự lực dùng sức lực của mình, luôn luôn phải trau dồi thân tâm và rèn luyện tu tập, cố sức xả bỏ những tâm niệm đầy tham muốn và các ác pháp đang vây quanh. Khi muốn xả bỏ như vậy, thì chúng ta không những cần phải gan dạ, lắm lý, kiên trì, chịu đựng, kham nhẫn... mà còn phải đầy đủ nghị lực để mạnh dạn dứt bỏ những thói hư, tật xấu, chứ không phải vào diện Phật

cúng bái, cầu khẩn, van xin, nhờ tha lực chư Phật, chư Bồ Tát gia hộ, trợ lực cứu khổ cứu nạn, giải thoát các khổ đau, tai ương, bệnh tật, v.v... hay phóng hào quang tiếp độ những vong hồn người chết về cõi Cực Lạc Tây Phương.

Và cũng không phải tu hành bằng cách tụng kinh, niệm Phật, niệm chú, ngồi thiền, luyện bùa, luyện chú để có thần thông, pháp thuật, v.v... hoặc để cầu được sinh về Cực Lạc, Niết Bàn bằng những tha lực, oai lực của chư Phật, chư Bồ tát.

Muốn tu theo đạo Phật để thoát cảnh khổ đau của kiếp làm người, thì phải dùng sức tự lực của chính mình, chứ không phải bằng tha lực của người khác như trong các kinh sách phát triển dạy.

Đọc kinh sách Nguyên Thủy, chúng ta thấy đức Phật dạy tu hành bằng những pháp môn tự lực, hầu hết không có một bài pháp nào dạy tu tập cầu tha lực. Chỉ có kinh sách phát triển Đại thừa mới có dạy tu tha lực mà thôi (niệm Phật cầu vãng sanh).

Khi nghe giảng đến đây, có người lại hỏi chúng tôi: “Vậy, kinh sách Nguyên Thủy Phật có dạy Tứ Bất Hoại Tịnh, không phải pháp môn Tứ Bất Hoại Tịnh là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới sao?”.

Kính thưa quý phật tử! đức Phật dạy niệm Phật là sống như Phật, chứ không phải niệm danh hiệu Phật; niệm Pháp là sống đúng như pháp, tu tập đúng như pháp, chứ không phải tụng

kinh; niệm Tăng là sống hòa hợp như chúng tăng, không chống trái nhau, chứ không phải trai tăng cúng dường, lạy lễ các vị tăng để cầu phước báu; niệm Giới là sống đúng Phạm hạnh, không hề vi phạm giới luật và không phạm một lỗi nhỏ nhặt nào, chứ không phải hằng tháng vào ngày 30 và ngày rằm cùng nhau tụng giới. Nghe dạy niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới thì các nhà học giả kiến giải theo chữ nghĩa mà giải thích ra, niệm là đọc lầm thầm trong ý như câu: “Nam mô Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni” hay “Nam Mô Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn”. Niệm như vậy là niệm theo kiểu Phật giáo phát triển, không có nghĩa gì cả, không có sự giải thoát gì cả. Ở đây, đức Phật dạy niệm tức là sự tư duy Phật, Pháp, Tăng và Giới, để chúng ta thấu triệt Phật, Pháp, Tăng và Giới hàm nghĩa giải thoát như thế nào, để chúng ta noi theo đó mà thực hiện sống và tu tập đúng như Phật, như Pháp, như chúng Thánh tăng và như Giới luật đã dạy.

Có hiểu biết và tu tập như vậy thì mới có giải thoát thật sự, còn niệm danh hiệu Phật, tụng kinh, cúng dường trai tăng, đánh lễ chư tăng và tụng giới, dù có niệm Phật, Pháp, Tăng và Giới như vậy cho đến muôn kiếp, ngàn đời thì cũng chẳng có giải thoát được chút nào. Người ta đã lầm, niệm như vậy là để nhất tâm bất loạn, tức niệm không có vọng niệm xen vào, chỉ duy nhất

có câu niệm Phật mà thôi, thì sẽ được vãng sanh Tịnh Độ, đó là hiểu theo Tịnh Độ tông (Thất nhứt nhất tâm bất loạn chuyên trì danh hiệu A Di Đà Phật chư Thánh chúng hiện tại kỳ tiền...). Còn hiểu theo Thiền tông, thì nhất tâm bất loạn tức là chẳng niệm thiện niệm ác, chẳng niệm thiện niệm ác là Thiền định, là Phật tánh. Nhưng tất cả những sự tu tập như vậy đều sai hết quý vị ạ! Chỗ nhất tâm bất loạn của quý vị sẽ rơi vào thế giới tưởng của tưởng uẩn, nơi đây là nơi mê hồn trận của tà giáo ngoại đạo. Quý vị tu hành cần nên cảnh giác nơi hang hùm nguy hiểm này. Nếu tu tập đến đây quý vị coi chừng rối loạn thần kinh mà nguy hiểm tánh mạng, biến quý vị trở thành người điên khùng.

Người mới bước chân vào đạo Phật, ngỡ ngác trước đồng kinh sách khổng lồ của Phật giáo Đại thừa. Có những loại kinh sách, chúng ta đọc vào thấy toàn sự tu tập đều nhờ tha lực để trợ lực trên bước đường đi đến giải thoát, như kinh Vô Lượng Quang, kinh Di Đà, kinh Quy Ngươn, kinh Pháp Hoa...

Tất cả kinh này đã làm cho người tu sĩ nhứt chí, mất hết nghị lực, biến Phật giáo thành một tôn giáo tha lực, một tôn giáo mê tín, khiến người đời sau khi tu hành chỉ còn biết cầu cạnh vào kẻ khác. Do những tu hành sai này đạo Phật chẳng còn ai tu chứng.

Họ lý luận, người mới tu phải tụng kinh, bái sám, niệm Phật, lạy hồng danh chư Phật, phải

cầu tha lực, còn người tu lâu năm phải tự lực ngồi thiền quán niệm hơi thở. Người tu hành mà hiểu Phật giáo như vậy tức là chẳng hiểu Phật giáo gì cả. Hiểu như vậy là hiểu theo Phật giáo phát triển.

Người mới tu, như các cư sĩ bước chân vào đạo, đức Phật đã dạy bài học tu tập tự lực đầu tiên là phải dứt bỏ sáu nghề nghiệp ác đang sanh sống hàng ngày, nghĩa là chúng ta muốn theo đạo Phật tu hành thì phải đổi nghề ác làm nghề thiện.

Qua bài kinh dứt sáu nghề ác, chúng ta thấy rõ sự tự lực của đạo Phật ngay từ lúc ban đầu.

Khi bước chân vào đạo được nghe Phật dạy:

“Thông hiểu những gì cần phải thông hiểu, dứt bỏ những gì cần phải dứt bỏ, tu tập những gì cần tu tập, trau dồi những gì cần trau dồi”. Những việc làm này không thể cầu tha lực của người khác được.

Đạo Phật là một tôn giáo xây dựng trên nền tảng thiện pháp, mọi ác pháp đều phải được loại trừ dứt bỏ, nhờ có loại trừ ác pháp, tăng trưởng thiện pháp, thì cuộc sống mới có sự giải thoát an vui, hạnh phúc cho mình, cho người.

Loại trừ ác pháp thì chỉ có tự lực, không thể có tha lực. Những điều làm ác phải tự mình dứt bỏ, chứ không thể cầu cạnh người khác giúp mình được.

Ví như mình đi ăn cắp, ăn trộm, nhờ người khác giúp mình đừng ăn cắp, ăn trộm có được không? Không thể được! Phải tự mình biết đó là

một việc làm ác, không thể cầu chư Phật giúp mình dứt các nghề nghiệp ác đó được, chính phải tự mình tự lực dứt bỏ, không hành nghề ác đó nữa. Nhờ thế, chúng ta mới biết rõ đạo Phật là đạo tự lực. Kinh sách tha lực không phải kinh sách đạo Phật.

(Trích trong Đường Về Xứ Phật, tập I)



CÁI HAY CỦA ĐẠI THỪA LÀ CÁI TỬẾNG CỦA BỒ TÁT LONG THỌ

(Trích ở trang Web: nguyenthuychonnhu.net

Phần Giáo án Tu Tập, tập 3)

Hỏi: Trong một bài pháp, thầy Thông Huyền (Chơn Quang) nói Đại thừa cũng còn có những cái hay, cái hay đó là chỗ đức Phật chưa nói ra, sau này các Tổ triển khai trong kinh sách Đại thừa. Thầy Thông Huyền lấy câu đức Phật nói: **“Những pháp ta chứng như những lá cây trong rừng, còn những pháp Ta dạy cho các con biết như nắm lá trong tay”**. Như vậy, phải chăng những gì đức Phật thuyết chỉ có một phần nhỏ mà thôi, và còn rất nhiều pháp mà đức Phật chưa nói ra?

Đáp: Các nhà học giả tu hành chưa tới đâu, mà dám cả gan muốn hơn Phật, dám nói những gì đức Phật không cần nói. Trình độ tu chứng của các Tổ chỉ loanh quanh trong kiến giải, thiền định thì lọt vào thiền tưởng thì không thể nào hơn Phật được, mà dám nói những điều Phật đã không nói. Như vậy thì các Tổ sẽ nói sai hết phải không? Tại vì mình chưa chứng như Phật mà dám nói những điều Phật chứng, trong khi hính Phật còn chưa dám nói ra. Những điều Phật nói ra mà chúng ta chưa hiểu hết, chưa tu hết mà nói ra những điều Phật chưa nói thì thầy e rằng những người đó là Ma Ba Tuần. Nói ra những điều vô hạn đó có lợi ích gì cho con người. Trình độ kiến thức của con người hữu hạn, chưa hiểu được những điều vô hạn đó mà nói ra thì họ sẽ sống trong tưởng và như vậy là nói láo, nói không thật. Trong kinh Tương Ưng phật dạy: ***“Ta nói những điều mà chúng sanh chưa hiểu được, như vậy là Ta nói láo. Còn chúng sanh hiểu được điều Ta nói thì ta không có nói láo”***. Như vậy, các nhà Đại thừa triển khai những gì đức Phật chưa nói là sống trong tưởng, là nói láo mà thầy Thông Huyền lại cho là hay, như vậy rõ ràng trí tuệ của thầy Thông Huyền chỉ là trí tuệ học giả.

Phật nói không có thế giới siêu hình, các Tổ nói có thế giới siêu hình.

Phật nói thân ngũ uẩn hoại diệt không còn một uẩn nào cả, các Tổ nói thân ngũ uẩn hoại diệt nhưng vẫn còn có Phật tánh, thần thức.

Như vậy Phật nói lão hay Tổ nói lão?

Như vậy Phật lừa đảo chúng sanh hay Tổ lừa đảo chúng sanh?

Thầy Thông Huyền ở trong tướng giải lừa đảo của Phật giáo phát triển mà cho rằng hay, chứ nào có hay gì đâu, chỉ sống trong ảo tưởng không thực tế. Nếu bảo rằng hay thì phải có sự tu chứng, có sự làm chủ sanh tử luân hồi thì mới hay như đức Phật chứ. Tại sao lý luận hay mà không có người nào tu chứng làm chủ sanh, già, bệnh, chết. Chỉ nói lão mà thôi... Sống phá giới, phạm giới để rồi nói những điều ảo tưởng, phi đạo đức như vậy.

Các Tổ nói được mà không làm được thì điều này không hay ho gì đâu! Nói ra được mà làm được thì đó mới hay.

Các Tổ đưa ra lý Bát Nhã và hằng ngày tu sĩ đều tụng niệm Bát Nhã: “Hành tâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không...” Thử hỏi có ai tụng Bát Nhã Tâm Kinh mà ngũ uẩn đã không chưa?

Vì chưa có ai tụng Tâm Kinh Bát Nhã Ba La Mật mà ngũ uẩn đã không thì đó là trí tuệ Bát Nhã tưởng của Ngài Long Thọ. Trí tuệ này chỉ có thể áp dụng cho thế giới tưởng, còn áp dụng vào thế giới con người làm sao con người tu được. Ai cũng nói ngũ uẩn giai không chứ không ai làm

cho nó giai không được. Hằng ngày chùa nào cũng tụng Tâm Kinh Bát Nhã hết, nhưng chùa càng to, tháp càng lớn, xe honda, xe hơi, tủ lạnh đủ mọi thứ... Không thì chẳng thấy không, mà có thì có rất nhiều. Nếu nó không thì nó phải quét sạch hết, phải không? Lý luận của Tổ phải hay ở thế giới loài người. Chơn không diệu hữu là lý Bát Nhã của Long Thọ. Nhiều người cứ tu tập giữ không, tu mãi nó trở thành không ngơ như cây đá. Do cái tướng không này mà đưa đến cái chết rất oan uổng của tổ Sư Tử, bị Vua Kế Tân giết.

Đó là những chỗ các Tổ luận, còn thầy Thông Huyền (Chơn Quang) cũng bắt chước dựa theo đó mà luận ra, sợ người không tin nên bảo rằng chỗ Phật chứng mà chưa thuyết ra. Thầy Thông Huyền có ý muốn làm hơn Phật. Nhưng thử hỏi bây giờ thầy Thông Huyền sống có đúng đời sống như Phật chưa? Nhìn lại đời sống giới luật của mình không ra gì. Mười giới sa di chưa trọn vẹn mà dám nói những gì Phật chưa nói. Chúng ta không sống đồng thời với các Tổ, nên không biết các Ngài giới luật có nghiêm túc không, hay cũng như thầy Chơn Quang bây giờ. Dù không sống đồng thời với các Tổ, nhưng xét qua tướng giải của các Ngài là tướng giải phá giới, như vậy các Ngài đều sống phi Phạm hạnh.

Riêng Thầy không dám giải thích những gì Phật chưa nói, mà chỉ giải thích những gì đức Phật đã dạy, khiến cho nó rõ ràng dễ hiểu, dễ hành. Thầy không dám dạy hơn những

gì mà đức Phật đã dạy cho chúng ta. Đọc trong sách của Thầy, Thầy không bao giờ có thêm cái gì mới mẻ cả. Đức Phật nói hóa sanh, lời dạy này cô đọng quá chúng ta không hiểu hóa sanh như thế nào. Có người nói hoá sanh như một con tò vò. Sự thật đâu phải. Tò vò mẹ đẻ trứng, rồi bắt con sâu để vào tổ, cho con nó nở ra ăn thịt con sâu đó để sống lớn lên thành con tò vò. Chứ đâu phải con sâu hóa ra con tò vò. Các con không hiểu và hiểu như vậy không đúng sự thật, điều này có thể chứng minh bằng khoa học được. Nên giảng như vậy vô tình dẫn dắt người ta đã không hiểu lại càng không hiểu hơn.

Tóm lại, chỗ Phật tu chứng mà không dạy cho chúng ta tức là chỗ thừa, không ích lợi cho loài người, chỉ là hý luận suông của tưởng, nó không phải là chân lý của con người. Vì thế, trước khi nhập Niết Bàn, đức Phật đã nói: *“Ta tự biết trong đại chúng này, dù có một vị Tỳ kheo nhỏ nhất cũng thấy được dấu đạo, không còn đọa vào đường ác”*.

Lời nói này đức Phật đã xác định, Ngài dạy giáo pháp giải thoát vừa đủ, không thiếu, không thừa cho loài người. Với giáo pháp chân chánh này chúng ta tu tập còn chưa hết, sống còn phạm giới, phá giới. Thế mà các nhà học giả xưa và nay tưởng giải ra những pháp cao siêu trừu tượng ảo tưởng, khiến cho người tu hành đời sau lạc vào tà kiến, tà pháp.

ĐỨC PHẬT DẠY THẾ GIỚI SIÊU HÌNH KHÔNG CÓ

***Hỏi:** Kính bạch Thầy! Cũng có cái ý hướng đó, thầy Chơn Quang nói rằng, khi Thầy viết bộ Đường Về Xứ Phật là Thầy xiển dương chánh pháp của đức Phật. Nhưng nếu Thầy từ chối thế giới siêu hình mà trong khi ở kinh điển Nikaya có nói thế giới siêu hình, thì như vậy Thầy cũng không đi đúng với đường lối của đức Phật.*

Đáp: Trong kinh Trung Bộ, thuộc tạng kinh Nikaya, bài kinh Pháp Môn Căn Bản đức Phật đã xác định 33 cõi Trời là cõi Tưởng tri chứ không phải Liễu tri, và như vậy trọng tạng kinh Nikaya dù cho bài kinh nào đức Phật nói cõi Trời nào đi nữa, thì chúng ta cũng phải hiểu đó là cõi tưởng mà thôi. Do lời dạy của đức Phật và tự kinh nghiệm khi nhập định, vượt qua thế giới tưởng của Thầy, thì Thầy cũng không tìm thấy thế giới siêu hình ở đâu cả, nên Thầy xác định như Phật: **“Thế giới siêu hình không có, chỉ là một thế giới tưởng do năng lực của tưởng uẩn tạo thành”**. Còn nếu nhập vào định tưởng thì tất cả thế giới siêu hình đều ở đó.

Tóm lại, việc làm của Thầy hôm nay là việc làm của đức Phật ngày xưa. Vì đức Phật bác thế giới siêu hình để xây dựng nền đạo đức nhân quả. Thầy bác thế giới siêu hình để pháp vỡ những sự

mê tín lạc hậu, để làm sống lại nền đạo đức của Phật giáo không làm khổ mình, khổ người.

Còn thầy Chơn Quang hiểu như thế nào cũng được, nhưng đừng đem thế giới siêu hình gây điều mê tín cho loài người, làm mất nền đạo đức nhân bản - nhân quả. Bằng thầy Chơn Quang làm ngược lại, thì con người vẫn phải chịu nhiều khổ đau. Trên hành tinh này đã một lần bị giáo pháp Đại thừa và thiên Đông Độ chìm mất nền đạo đức này, nên hơn 25 thế kỷ qua, loài người chịu thiệt thòi quá lớn. Đến giờ này, đạo đức con người đang xuống dốc trầm trọng, thế mà nỗ tâm nào thầy Chơn Quang muốn làm sống lại thế giới siêu hình, để rồi sự khổ đau trên hành tinh này mãi mãi không bao giờ dứt.



ĐẠI THỪA CÓ Ý ĐỒ DIỆT PHẬT GIÁO

Hỏi: Điều thứ hai, thầy Chơn Quang dẫn chứng lại ngài Ca Diếp và Ngài Phú Lô Na tranh cãi nhau về những giới cần phải bỏ. Điều đó chứng tỏ rằng hai vị A La Hán chưa có thông suốt. Thầy Chơn Quang nói rằng trong khi hàng chư Thiên còn đồng ý với nhau được, quý vị A La Hán lại không đồng ý với nhau cho nên các vị đó

còn sai, còn lậu hoặc, còn đủ các thứ. Kính xin Thầy chỉ dạy.

Đáp: Trong kinh Đại thừa Duy Ma Cát, ngoại đạo viết kinh này đã có ý đồ diệt Phật giáo bằng cách hạ bệ các bậc A La Hán hàng đại đệ tử đức Phật, trong đó có ông Xá Lợi Phất được đức Phật xem là người đệ tử trí tuệ đệ nhất.

Bây giờ đến thầy Chơn Quang cũng đi theo lối mòn của các Tổ, muốn dùng lý luận học giả để hạ bệ hai vị đại đệ tử A La Hán của Phật, ông Ca Diếp và ông Phú Lô Na. Thầy Chơn Quang không hiểu đó là những bài kinh do các giáo sĩ Bà La Môn lồng vào trong kinh sách Phật để diệt Phật giáo.

Như chúng ta đã biết, hai vị A La Hán, ngài Ca Diếp và ngài Phú Lô Na là hai vị đại đệ tử của Phật, tu hành đã chứng quả A La Hán hẵn hoi. Giáo sĩ Bà La Môn bịa đặt ra câu chuyện bỏ những giới nhỏ nhặt, chứ giới luật là thiện pháp giúp người tu ly dục, ly ác pháp để tâm bất động trước các ác pháp, để được tâm giải thoát hoàn toàn, để tâm nhập Sơ Thiền. Và như vậy thì có giới nhỏ nhặt nào phải bỏ. Chỉ có một số tỳ kheo chạy theo dục lạc, mới a dua theo Bà La Môn mà tuyên bố bỏ những giới nhỏ nhặt.

Đối với hai vị A La Hán này, thì sự giải quyết bỏ những giới nhỏ nhặt đâu phải là việc khó, vì họ có đủ Tam Minh nên nhập vào Niết Bàn sẽ hỏi đức Phật bỏ những giới nào? Tại sao hai vị A La hán có đầy đủ thần

thông, mà không làm điều này, lại còn tranh cãi với nhau không khác gì phạm phu? Đại Thừa có thủ đoạn nhưng không khôn ngoan, khi họ lồng vào những loại kinh này để lừa đảo tín đồ Phật giáo. Trí tuệ học giả tưởng giải của thầy Chơn Quang lọt vào cạm bẫy của Bà La Môn nên đã vô tình nổi giáo cho Đại thừa hạ bệ những vị đại đệ tử của đức Phật một cách quá đáng. Hai vị đệ tử này đều từ giới luật mà đạt được quả A La Hán. Không do Giới thì làm sao các ông có được Thiên định, có được Tam minh, chứng quả A La Hán. Sao các ông lại bỏ những giới luật nhỏ nhặt?

Các bậc A La Hán đều do giới sanh ra, cho nên đức Phật nói: **“Ta nói giới luật là nói tâm ly dục, ly ác pháp”**. Nếu tâm không ly dục, ly ác pháp thì làm sao chứng quả A La Hán được, phải không? Cho nên các nhà Đại thừa đã đim Phật giáo xuống. Thầy Chơn Quang không hiểu biết, bắt chước ngoại đạo diệt Phật giáo một lần nữa, khi nói các bậc A La Hán Thánh tăng của Phật giáo như kẻ phạm phu, không bằng chư Thiên. Đó là một lời phỉ báng Phật giáo tận cùng, sau này thầy Chơn Quang không thể tránh khỏi quả báo này. Các bậc Hòa Thượng tôn túc chỉ có vô tình xưng mình Đại thừa mà còn chịu nghiệp quả khổ đau. Các vị A La Hán này sống một đời sống phạm hạnh, giới luật nghiêm chỉnh mà đến bây giờ không có một vị Hòa Thượng nào sống được bằng các vị đó, thế mà thầy Chơn Quang dám phỉ báng những bậc A La Hán.

Dám phỉ báng những bậc A La Hán như ngài Ca Diếp và ngài Phú Lô Na tức là phỉ báng Phật giáo. Đức hạnh của ngài Phú Lô Na khó có ai sánh kịp. Chúng ta hãy nghe đây:

Một hôm, Ngài Phú Lô Na xin Phật để đi độ chúng sanh ở xứ Độc Ác Sunaparanta, thì đức Phật hỏi Ngài:

- Nay Phú Lô Na, xứ Sunàparanta là xứ thô bạo, nếu người xứ đó chửi bới nhiếc mắng ông, ở đây ông nghĩ thế nào?

- Nếu người xứ đó chửi bới nhiếc mắng con, ở đây con sẽ nghĩ: “Thật là hiền thiện”, vì những người đó không lấy tay đánh đập con.

- Nếu như người xứ đó lấy tay đánh đập ông, thì ông nghĩ sao?

- Nếu người xứ đó lấy tay đánh đập con, thời con sẽ nghĩ: “Thật là hiền thiện”, vì những người xứ này không đánh đập con bằng cục đất.

- Nhưng nếu họ đánh đập ông bằng cục đất, thì ở đây ông nghĩ thế nào?

- Vậy con sẽ nghĩ: “Thật là khéo hiền thiện”, vì những người xứ này không đánh đập con bằng gậy.

- Nhưng nếu họ đánh đập ông bằng gậy, thời ông nghĩ thế nào?

- Vậy con sẽ nghĩ: “Thật là khéo hiền thiện”, vì những người xứ này không đánh đập con bằng kiếm.

- Nhưng nếu những người này đánh ông bằng kiếm, thì ông nghĩ như thế nào?

- Con sẽ nghĩ: “Thật là hiền thiện”, vì những người này không đoạn mạng con với cây kiếm sắc bén.

- Nếu họ đoạn mạng ông với cây kiếm sắc bén, thì ông nghĩ thế nào?

- Vậy con sẽ nghĩ: “Thật là hiền thiện”, vì người xử đó vẫn còn thương con.

Câu chuyện trên đã nói được đạo hạnh của một vị Thánh tăng không thể lường được.

Đến mức độ người ta giết ông, ông vẫn còn thương người ta. **Một người như vậy là người đã ly dục, ly ác pháp hoàn toàn, thì làm gì còn tranh chấp những việc nhỏ nhặt đó.** Phải không hỏi các con? Mà ly dục, ly ác pháp đâu phải ly bằng ngôn ngữ được, mà phải ly bằng giới luật.

Đọc lại một đoạn sử của ngài Phú Lô La, chúng ta thấy rõ ràng ông phú Lô Na là bậc Thánh tăng. Không lẽ một vị Thánh tăng mà lại tuyên bố bỏ những giới nhỏ nhặt như vậy thì thật là vô lý. Đúng là lý luận này của ngoại đạo diệt Phật giáo.

Tóm lại, việc phỉ báng bậc Thánh tăng A La Hán đại đệ tử của đức Phật là một việc làm tội lỗi rất lớn đối với Phật giáo, đối với loài người.

ĐỨC PHẬT VÀ CHÚNG THÁNH TẶNG ĐỀU ĂN NGÀY MỘT BỮA MÀ ĐÃ CHÚNG ĐẠO

Hỏi: *Thật tình chúng con rất mến mộ thầy Chơn Quang, chính chúng con đã kêu gọi bạn bè đóng góp tiền để in cuốn sách Luận Về Nhân Quả. Thậm chí những cuộn băng của thầy Chơn Quang chúng con rất quý, nhưng từ khi chúng con nghe được cuộn băng mà thầy Chơn Quang nói về thầy Thông Lạc, có những điểm mà trước đây chúng con nghe qua những cuốn sách, băng của Thầy giảng viết thì khác, ví dụ có những điểm như thế này:*

Thầy Chơn Quang nói rằng, Thầy không có đồng ý với Sư ông (Thầy Chơn Quang đang nói chuyện với các đệ tử của mình, cho nên gọi thầy Thông Lạc là Sư ông). Nói rằng sư ông Thông Lạc còn có những điểm mà Thầy không đồng ý, như là ăn uống không đủ chất bổ. Ăn uống không đủ chất bổ thì không thể nhiếp tâm được, thậm chí mình ăn no đi, ăn thật no nữa là khác, chỉ cần đi kinh hành một chút xíu thì bắt chân lên ngồi là nhiếp tâm được liền; còn ăn uống thiếu chất thì nó hại đến não, sẽ làm cho mình bệnh hoạn này kia.

Thầy ấy còn nói là Sư ông ở tu viện Chơn Như bệnh nặng lắm, việc này thực hư thế nào xin Thầy từ bi dạy cho.

Đáp: Để xác định điều này, quý cư sĩ về đây trực tiếp gặp Thầy, có thấy Thầy bệnh nặng không?

- Dạ không.

Thầy không có bệnh nặng, Thầy làm việc suốt đêm từ 7 đến 12 giờ đêm, rồi Thầy chỉ đi nghỉ chút xíu, khuya Thầy dậy tọa thiền phục hồi sức khỏe để ngày hôm sau làm việc nữa. Trong một thời gian ngắn chưa đầy 3 năm mà bộ sách Đường Về Xứ Phật nhiều tập và các tập sách khác trên 6000 trang giấy được Thầy soạn thảo ra. Một khả năng làm việc phi thường như vậy thì các con cũng đủ biết Thầy làm việc rất nhiều. Và Thầy còn tiếp tục soạn thảo bộ sách đạo đức làm người nhiều tập. Trong lúc ấy, Thầy vừa trả lời thư các cư sĩ bốn phương và cũng vừa làm việc trên máy vi tính để in thành sách với những trang sách có mỹ thuật như người chuyên nghiệp, nhằm để hoàn tất một cuốn sách đẹp, chứ không in bừa bãi thiếu mỹ thuật. Thầy làm việc như vậy quý phật tử phải thấy được sức khỏe của Thầy không kém thua những người còn trẻ. Trong lúc tuổi Thầy đã 74 (năm 2001). Nhất là Thầy chỉ ăn ngày một bữa. Ăn ngày một bữa không thiếu sức khỏe, không bị bệnh đau. Ăn ngày một bữa ít bệnh đau hơn người ăn nhiều bữa.

Đau bệnh phần lớn là do tâm phiền não, giận hờn, lo lắng, khổ đau, thương ghét, v.v... kể đó là do ăn uống không điều độ, ăn uống quá nhiều, ăn uống phi thời, ăn nhiều bữa, ăn uống không vệ

sinh, v.v... ăn uống nhiều sanh ra dục tâm liên hệ giữa nam nữ, phạm cấm giới làm hư hoại Phật pháp, còn ăn ngày một bữa đủ sống mà không sanh dục, không hôn trầm, dễ tu hành.

Trong giới luật, Phật đã cấm không cho tu sĩ ăn uống phi thời. Người mới vào tu như một Sa di tăng hay Sa di ni, thọ 10 giới thì giới thứ 9 cấm ăn phi thời, còn tỳ kheo thọ 250 giới thì giới thứ 37 cấm ăn phi thời, giới này thuộc giới đoạ Địa Ngục (Ba Dật Đề). Lý luận của thầy Chơn Quang ở trên là lý luận của người phá giới, để chạy theo tham dục về ăn uống. Những lý luận đó tức là thầy Chơn Quang không hiểu thiên của đạo Phật, đã giẫm lại lối mòn của các Tổ nên mới bảo: “Ăn thật no chỉ cần đi kinh hành một chút xíu thì bắt chân lên ngồi là nhiếp tâm được liền”. Như quý Phật tử đã biết, thiên của Phật là phải lìa tâm tham diệt ác pháp, chứ không phải ngồi bắt chân lên là nhiếp tâm không vọng tưởng. **Thiên của Phật là ngăn ác, diệt ác pháp, tức là ly dục, ly ác pháp. Cho nên, nếu còn tham ăn, tham dục mà gọi là Thiên định thì phải gọi đó là Tưởng thiên, thiên Đông độ, thiên Đại thừa, v.v...**

Tóm lại, ngày xưa đức Phật và chúng Thánh tăng ăn ngày một bữa mà tu hành chứng đạo làm chủ sự sống chết, chấm dứt luân hồi sanh tử. Còn bây giờ tu sĩ ăn uống phi thời cho bổ khỏe, phá giới luật Phật tận cùng, sống đời sống phi phạm hạnh. Vì thế, chẳng có vị tu sĩ nào chứng quả giải

thoát làm chủ sanh, già, bệnh, chết, chấm dứt luân hồi sanh tử được. Rất uổng phí một đời tu hành, đời chẳng ra đời mà đạo chẳng ra đạo.



THẦY CHƠN QUANG GIẤM LẠI KIẾN TƯỚNG ĐẠI THỪA

Hỏi: *Thầy Chơn Quang nói rằng, con đường đạo Phật trong tương lai thứ nhất là phải tôn kính Phật thật nhiều thì mới chứng đạo được. Thứ hai là phải có lòng vị tha vô hạn để cứu độ đời. Còn tu mà ăn ít, ngủ ít như vậy là không có chứng đạt được, còn có thể có tác hại nữa. Cho nên, cuối cùng Thầy dẫn chứng rằng con đường của thầy ấy đi là con đường được Phật chấp nhận. Sự dẫn chứng là thầy CQ có một người đệ tử ngồi thiền hai tiếng đồng hồ mà cảm thấy như mới ngồi 15 phút. Trong khi đó, vị sư này được nhập vào hội đức Phật đang thuyết pháp và nghe đức Phật thuyết pháp rất hay. Và vị sư đó kể rằng đức Phật thuyết pháp y như thầy Chơn Quang thuyết. Đó là kết luận của cuộn băng mà con được nghe. Kính xin Thầy chỉ dạy.*

Đáp: Thầy Chơn Quang nói tôn kính chư Phật thật nhiều, nhưng tôn kính như thế nào thì thầy Chơn Quang không nói rõ. Nếu Thầy lập lại ý của

kinh sách Đại thừa mà từ xưa những kinh sách này đã dạy như:

1- Kinh sách Đại thừa dạy là phải lạy hồng danh tam thiên chư Phật để tiêu tội nghiệp chướng (Lạy hồng danh sám hối). Lạy hồng danh sám hối tức là kinh sách Đại thừa cho đó là tôn kính chư Phật. Khi tôn kính chư Phật lạy hồng danh sám hối thì tiêu tội nghiệp chướng. Nếu dựa vào kinh sách này mà thầy Chơn Quang cho là chứng đạo thì e rằng không đúng. Vì từ xưa đến nay, **có biết bao nhiêu người cung kính tôn trọng Phật theo kiểu lạy sám hối tam thiên chư Phật, mà có thấy người nào tiêu tội và chứng đạo đâu?**

2- Phải có lòng vị tha vô hạn để cứu độ chúng sanh. Điều này kinh sách Đại thừa đã dạy “Hành Bồ Tát Đạo”, tức là thực hiện lòng vị tha vô hạn để cứu độ chúng sanh. Nhưng con người tu chưa chứng đạo thì làm sao có lòng vị tha vô hạn được. Phải không quý vị?

Tâm còn tham, sân, si chưa lìa, thì lòng vị tha vô hạn ở chỗ nào có được? Vì thế những người tu chưa chứng mà thực hiện Bồ Tát Đạo, cũng giống như người mù dắt một đám người mù mà đi.

Vì lòng vị tha vô hạn của người tu chưa chứng để độ chúng sanh, vì thế độ chúng sanh đâu không thấy, mà thấy độ danh, độ lợi, độ chùa to, Phật lớn, độ xe hơi, tivi, tủ lạnh, v.v...

Có lẽ thầy Chơn Quang nghĩ rằng người tu có chùa to, Phật lớn, tủ lạnh, tivi là chứng đạo.

3- Thầy Chơn Quang dạy: ăn ít, ngủ ít thì tu không chứng đạo. Thầy dạy như vậy có ngược lại với Phật giáo hay không?

Đức Phật và chúng Thánh tăng, Thánh ni ăn ngày một bữa, sao các Ngài lại chứng quả giải thoát, tự tại trong sinh tử, chấm dứt luân hồi, mà trong kinh sách Nguyên Thủy còn ghi rõ ràng. **Thời nay quý Thầy ăn uống phi thời, thân xác mập phì, đau bệnh liên tục, lúc nào cũng thuốc thang châm cứu. Vậy chứng đạo chỗ nào?**

Thầy Chơn Quang dám phỉ báng đức Phật và chúng Thánh tăng và Thánh ni như vậy mà không sợ tội đọa Địa Ngục sao?

Tại tu viện Chơn Như, Thầy đã tiếp nhận những tin tức từ chùa phật Quang loan báo: *“Thầy Thông Lạc chết; Thầy Thông Lạc bệnh nặng; thầy Thông lạc bại liệt; thầy Thông Lạc ói ra máu...”*. Những tin tức loại này đã làm cho một số phật tử hoang mang dao động. Nhờ những tin tức này mà Thầy mới được rảnh rang.

Làm một vị Thầy có trách nhiệm và bốn phận đối với đệ tử của mình thì rất vất vả, nhưng nếu chỉ cần có số lượng đệ tử đông thì để làm danh, làm lợi chứ họ tu hành đi đến đâu. Điều này đã chứng minh cụ thể, hiện giờ số lượng tu sĩ đông như kiến mà tu hành chẳng đi đến đâu cả. Ai chịu trách nhiệm này?

4- Một người nhập định thì không có thời gian và không gian, chứ làm sao có chuyện 2 tiếng đồng hồ mà cảm thấy như 15 phút? Như thế chứng tỏ vị này chưa phải nhập định, mà đã rơi vào trạng thái “lên đồng” của tướng ám. Sắc và thính tướng hiện ra, thầy ấy cảm thấy mình như đang dự hội Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết pháp giống như thầy Chơn Quang.

Vị sư ấy chưa chứng minh được đời sống phạm hạnh, giới luật còn vi phạm thì làm sao sư ly dục, ly ác pháp được để nhập đúng Chánh định. Chưa nhập đúng Chánh định thì làm sao có Tam Minh. Không có Tam Minh thì làm sao dự hội Phật thuyết pháp được. Như vậy, rõ ràng vị sư này nhập vào định tướng, bị sắc, thính tướng đánh lừa.

Tóm lại, vị sư này rơi vào định tướng, một loại thiền định đưa đến bệnh thần kinh. Hầu hết những người có nhiệt tâm tu hành thiền định đều bị bệnh thần kinh này mà chúng tôi đã gặp rất nhiều.



PHƯỚC CHÚNG SANH CHƯA ĐỦ, TÌM MỘT VỊ A LA HÁN RẤT KHÓ

Hỏi: Bạch Thầy! Thầy nói đợi cho có 10 vị A La Hán, mà bây giờ kiếm một vị cũng không ra. Nếu không có 9 vị như Thầy thì họ không chịu tin, mà đợi cho có đủ chín vị nữa, thì con coi bộ khó quá, đợi chừng nào mới có được thứ nhì?

Đáp: Một người tu chứng trong giai đoạn này làm Phật sự, thì khó có người tin được. Bởi vậy, cần phải có 10 người tu chứng để chinh đốn lại kinh sách Phật thì mọi người mới tin. Vì thế, một người không thể chinh đốn Phật giáo lại được.

Phước của chúng sanh chưa đủ, nên các vị A La Hán chưa xuất hiện, chứ không phải chúng ta tìm một vị A La Hán khó. **Chúng ta cứ sống đúng đức hạnh, giới luật của Phật thì các bậc A La Hán sẽ xuất hiện.** Chỉ vì chúng ta sống không đúng đức hạnh, giới luật của Phật nên chúng ta tìm một vị A La Hán rất khó.

Giới luật là mẹ sanh ra A La Hán. Cho nên tất cả tăng, ni giới luật nghiêm chỉnh thì không những 10 vị A La Hán, mà có hàng trăm vị A La Hán xuất hiện. Giới luật ở đâu là có bậc A La Hán ở đó; Bậc A La Hán ở đâu là giới luật ở đó. Như vậy, bậc A La Hán đâu phải khó tìm phải không quý vị?

Bậc A La Hán từ con người mà có, chứ không phải ngoài con người mà tìm được bậc A La Hán. Con người giữ giới nghiêm chỉnh, tu tập đúng pháp ngăn ác, diệt ác, sanh thiện, tăng trưởng thiện, sống không làm khổ mình, khổ người, đó là bậc A La Hán. Xưa đức Phật còn tại thế, Ngài đã xác định: **“Giới luật còn là Phật pháp còn, giới luật mất là Phật pháp mất”**. Câu nói này có nghĩa là: Giới luật còn là còn bậc A La Hán, Giới luật mất là bậc A La Hán mất.

Quý Phật tử đừng bảo rằng một vị A La Hán khó kiếm, chẳng qua chỉ vì tăng, ni không giữ gìn giới luật nghiêm chỉnh, nên bậc A La Hán khó kiếm.

Tóm lại, bậc A La Hán xuất hiện ra đời là vì chúng sanh có đủ phước báo thọ hưởng phước vô lậu.



PHÁP SAI CHÚ NGƯỜI KHÔNG SAI

Hỏi: Kính bạch Thầy! Con thấy có một số quý tăng, ni khi thuyết pháp với tấm lòng rất tốt. Nhưng vì pháp mà quý vị đó đọc được qua Thầy, Tổ ngày xưa như thế nào, thì học hỏi như thế đó.

Chưa hẳn là quý vị có tâm ác, lừa đảo phật tử đâu. Kính xin Thầy giảng.

Đáp: Pháp sai chứ người không sai; người không sai thì phải có trí tuệ; có trí tuệ thì mới nhận ra pháp sai. Pháp sai tức là pháp lừa đảo, dối gạt người. Nhận ra pháp sai mà cứ hành pháp sai tức là lừa đảo, lường gạt người. Vì thế, người mới vào tu là người tốt. Sau một thời gian tu học pháp sai biến họ trở thành người xấu. Hằng ngày phải làm nghề lừa đảo: cúng bái, tụng niệm, cầu siêu, cầu an, v.v... Cầu siêu, cầu an là một cái nghề làm giàu, có nhiều tiền một cách dễ dàng. Cho nên biết pháp sai nhưng các Thầy không bao giờ bỏ.

Người mới vào tu thì nghèo đến nỗi một đồng xu dính túi còn không có. Nhưng sau khi tu lâu có những kiến giải, họ đứng vào vị trí trụ trì, giảng sư, thì tiền bạc nhiều, danh vọng lớn, nên họ không thể bỏ những pháp sai, vì nhờ những pháp sai, pháp lừa đảo này mà họ sống trên nhung lụa. Thế nên làm sao họ bỏ được.

Chúng ta không thể lường được những tu sĩ mượn tôn giáo để kinh doanh buôn bán, có khi còn buôn đồ lậu thuế. Những người này là những người không những buôn bán tôn giáo, mà còn buôn bán đồ trái pháp luật. Chỉ có một thời gian năm, ba năm sau, là họ cất chùa rất đẹp; họ sắm xe hơi, nhà lầu hàng hoàng; tủ lạnh, tivi cái gì ngoài đời có là họ cũng có hết.

Tóm lại, pháp sai dẫn người ta đi vào chỗ sai. Pháp lừa đảo, dối gạt người sẽ dẫn người ta đi vào chỗ lừa đảo, dối gạt. Cho nên, kinh sách phát triển là kinh sách kiến giải của các nhà học giả xưa và nay, là những kinh sách mà mọi người cần phải được lưu ý. Vì đó là những kinh sách phi đạo đức, lừa đảo, dối gạt người. Biến người tốt thành người xấu, bằng chứng rõ ràng là những tu sĩ Phật giáo hiện giờ đang hành nghề phi pháp.



**KINH DUY MA CẬT LÀ MỘT
TRONG NHỮNG BỘ KINH
PHI ĐẠO ĐỨC, KHÔNG PHẢI
CỦA PHẬT THUYẾT;
NAM TÔNG, BẮC TÔNG
VÀ ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO**

Hỏi: Kính bạch Thầy! Trong kinh Duy Ma Cật dạy: “Bồ tát bệnh vì chúng sanh bệnh”. Câu kinh này dạy có đúng theo giáo lý của đạo Phật hay không? Kính xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ.

Đáp: Kinh Duy Ma Cật là kinh phát triển. Kinh giáo phát triển là kinh sách chịu ảnh hưởng của nhiều tôn giáo và những phong tục tập quán

khác nhau của con người trên hành tinh này mà thành lập ra giáo lý của mình, nó không có gì đặc biệt riêng của nó, chỉ khéo dùng những danh từ thật kêu và cũng giống như vẽ rắn thêm chân, thêm râu, khiến cho mọi người dễ bị lường gạt tưởng là rồng thật. Giáo lý phát triển và thiền Đông Độ cũng lường gạt tín đồ như vậy, tưởng là một chân lý siêu việt của đạo Phật, nào ngờ là một giáo lý chấp vá, như chiếc áo may nhiều loại vải thô xấu.

Câu: “Bồ tát bệnh vì chúng sanh bệnh” cũng giống như câu: “Chúa chịu đóng đinh trên thánh giá là vì Chúa chịu khổ thay cho con người”.

Trên bước đường hoằng hóa độ sanh của Phật giáo, sau Ngài A-Nan nhập diệt, các vị lãnh đạo Phật giáo lúc bấy giờ nguồn gốc là những giáo sĩ Bà La Môn và lục sư ngoại đạo. Vì thế, kinh sách phát triển do các vị này biên soạn và viết ra, nên các ngài cố tình dìm giáo lý của đức Phật xuống và lồng giáo lý của mình vào, để phát triển một Phật giáo mới mang tên là “Phật giáo Đại thừa”.

Trước khi nhập diệt, đức Phật đã nhìn thấy trong môn đồ của mình, chưa có ai là người có đủ khả năng lãnh đạo giáo hội và duy trì giáo pháp của mình. Ngài biết rất rõ, những kẻ có khả năng, có trí tuệ, có học thức đều xuất thân từ trong các gia đình của Bà La Môn và Lục sư ngoại đạo, họ còn mang đầy ắp những kiến chấp trong tôn giáo của họ. Do những kiến chấp này, họ không thực hiện theo giáo pháp của đức Phật.

Và cũng vì thế họ tu hành không giải thoát, không chứng đạt. Còn những đệ tử của đức Phật đã tu chứng thì hầu hết đã nhập diệt, chỉ còn lại một số ít. Khi đức Phật nhập diệt xong và giáo đoàn bị phân hóa chia làm nhiều bộ phái, do những người có trình độ kiến thức tranh danh, đoạt lợi với nhau. Đức Phật biết rất rõ những đệ tử này, nên không trao quyền thừa kế lãnh đạo Phật giáo cho ai cả, chỉ nhắc nhở các đệ tử của mình nên “lấy giới luật và giáo pháp làm Thầy, không nên nương tựa vào ai cả”. Ngài đã từng dạy con người có ba tướng:

1- Nhân tướng.

2- Hành tướng.

3- Đặc tướng.

Do ba đặc tướng ấy, nên con người không ai giống ai. Vì thế, đức Phật không trao quyền thừa kế cho người đệ tử nào hết. Bởi nếu được trao quyền, họ sẽ dạy đạo theo đặc tướng riêng của họ, thì Phật pháp sẽ bị lệch đi, không còn đúng chánh pháp, dù đó là những người đệ tử đã tu chứng, còn những hạng đệ tử tu không chứng, thì lại còn không được trao quyền thừa kế hơn nữa.

Vậy mà sau này, các vị giáo sĩ Bà La Môn còn bịa câu chuyện “Niêm Hoa Trên Núi Linh Thứu”, rằng đức Phật đã trao quyền cho Ngài Ca Diếp thừa kế làm tổ thứ nhất. Đó là một câu chuyện bịa đặt, thế mà mọi người vẫn tin và còn tiếp tục xây dựng thành 33 vị Tổ Sư Thiên Đông Độ. Tuy

không được trao quyền thừa kế, nhưng họ đã khéo léo biến Phật giáo thành Thần giáo. Giáo lý của Phật biến thành một giáo lý chấp ngã, thần quyền, mê tín, mơ hồ, trừu tượng, lạc hậu, phi đạo đức, đi ngược lại giáo lý chân chánh của đạo Phật.

Những vị giáo sĩ Bà La Môn và giáo sĩ của Lục Sư ngoại đạo theo Phật tu hành đạt được giải thoát thì lần lượt họ đã thị tịch trước hoặc sau Ngài không bao lâu, còn lại những người tu chưa chứng đắc, tâm danh lợi còn đầy dẫy. Những vị tỳ kheo này là những tỳ kheo phá giới, phạm giới, sống không đúng phạm hạnh, tu không đúng lời dạy của Ngài, họ là những người ngoại đạo, với những thâm ý sâu độc, mang lớp tu sĩ Phật giáo, ẩn núp chờ khi đức Phật thị tịch là sẽ biến giáo pháp của Phật thành giáo pháp Bà La Môn và Ấn Độ giáo.

Quý vị, nên đọc lại kinh Phạm Võng “Bồ tát giới”, cấm không cho tu sĩ và cư sĩ học và tu theo pháp môn Nguyên Thủy. “Bồ tát giới” cho giáo pháp Nguyên Thủy của Phật là ngoại đạo, là Thinh Văn thừa, là Nhị thừa, là phạm phu thiên...

Đọc Bồ tát giới, chúng ta mới thấy rõ thâm ý ác độc của ngoại đạo quyết tâm diệt Phật giáo, có thủ đoạn và sách lược rõ ràng, với ý đồ lật đổ đức Phật Thích Ca Mâu Ni thay vào bằng đức Phật Di Lặc, để dễ bề sử dụng toàn bộ giáo pháp Đại thừa mà không còn ai nghi ngờ.

Và sẽ cấm không cho tín đồ tu và học theo giáo pháp của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, kinh sách và giáo lý của đức Phật Thích Ca Mâu Ni sẽ bị đốt sạch.

Đúng vậy, sau khi đức Phật tịch, trong giáo hội chia làm hai bộ phái:

1- Thượng tọa bộ.

2- Đại chúng bộ.

Thượng tọa bộ là những tu sĩ già thủ cựu, cố giữ nguyên giáo lý căn bản Nguyên Thủy của đức Phật, không cho ai thêm bớt một chữ nào cả. Dem kinh sách này hoằng hóa và phát triển đi về phương Nam, nên người thời bấy giờ gọi là Phật giáo Nam tông.

Trên đường hoằng hóa độ sanh, Thượng tọa bộ tuy cố giữ gốc Nguyên Thủy, nhưng vì các vị tu hành chưa chứng đắc, nên có sự kiến giải trong giáo lý ấy bằng trí tuệ học giả, hoặc bằng những kinh nghiệm chưa đến nơi đến chốn, như thiền sư Mahàsi, thiền sư A-Chaan-chah. Hai Ngài có những bài kinh biên soạn theo kiến giải kinh nghiệm tu hành của mình như: Mặt Hồ Tĩnh Lặng, Thiền Minh Sát Tuệ, v.v.. Làm sai ý nghĩa và giáo pháp của đức Phật rất lớn.

Vì tu hành chưa tới nơi tới chốn, nên các Ngài biên soạn những loại kinh sách này, trong hiện tại và mai sau sẽ để lại cho loài người những tai hại rất lớn, làm hao tài, tổn của và phí cả cuộc đời của họ chẳng ích lợi gì, khi họ theo tu những pháp môn này.

Trong thế kỷ này, tín đồ Phật giáo khắp năm châu bốn biển đua nhau tu tập thiền Minh Sát Tuệ. Tu tập thiền này phải tập trung theo cơ bụng (phồng, xẹp) nhằm diệt “vọng tưởng”. Loại thiền ấy thuộc về thiền ức chế tâm, nó không phải là thiền của đạo Phật, thiền của Phật giáo là loại thiền xả tâm “ly dục, ly ác pháp”. Mục đích tu hành của đạo Phật là phải khắc phục cho bằng được tâm tham, ưu, tức là diệt ngã, xả tâm, ly dục, ly ác pháp, để đạt được tâm thanh tịnh bất động.

Theo kinh nghiệm tu hành của những người đã trải qua, thì tâm thanh tịnh bất động ấy là tâm không còn tham, sân, si. Khi tâm không còn tham, sân, si thì tâm có một năng lực (đạo lực) siêu việt, điều khiển làm chủ sanh, già, bệnh, chết.

Năng lực điều khiển làm chủ sự sống chết của kiếp người mà đức Phật gọi là “Bốn Như Ý Muốn” (Tứ Như Ý Túc), chứ không phải “Minh Sát” theo kiểu thiền sư Mahàsi dạy.

Cũng trong thế kỷ này, thiền sư A Chaan-Chah người Thái Lan đã kiến giải qua kinh nghiệm tu hành của mình sản xuất ra một loại thiền “Tĩnh Lặng”. Qua hồi ký tu hành của Ngài, do ức chế tâm hết vọng tưởng, Ngài đã rơi vào thiền tưởng, thay vì ngài tu đúng pháp “ly dục, ly ác pháp” thì tâm Ngài sẽ thanh tịnh. Khi tâm thanh tịnh thì Ngài sẽ nhập được Nhị thiền, Tam

thiền đến Tứ thiền và thực hiện Tam Minh, làm chủ sanh, già, bệnh, chết một cách dễ dàng, không có khó khăn mệt nhọc. Nhưng vì ức chế tâm để được tâm tĩnh lặng, nên thanh tướng phát ra tiếng nổ trong đầu Ngài. Ngài cảm thấy như cả vũ trụ đều tan biến (giống như thiền sư Đông Độ lúc ngộ đạo), rồi từ đó tướng giải phát ra. Ngài đối đáp vấn đạo giống như thiền sư Đông Độ không khác.

Cho nên, kinh sách Nguyên Thủy hiện giờ bên phái Nam tông chưa hẳn đã là nguyên thủy. Vì các nhà học giả mượn lời Phật dạy rồi thêm bớt rất nhiều theo tướng giải của mình, khiến cho người đời sau sâu tầm và nghiên cứu những lời Phật dạy, không biết đâu là đúng, đâu là sai. Thật khó cho những ai ở đời sau muốn tu theo đạo Phật, nếu không rõ sẽ lại rơi vào pháp ngoại đạo, rồi chấp nhận giáo pháp của ngoại đạo là giáo pháp của Phật, thật đau lòng!

Ở đây nói về kinh sách Nam tông, tức là kinh sách Nguyên Thủy, mà các sư còn dám thêm bớt và còn nghĩ tướng theo kiến giải của mình biên soạn và viết ra, thì làm sao đúng ý của Phật được. Bằng chứng chúng ta thấy rất rõ, thiền sư Mahàsi đã dám làm thì các vị trước kia làm sao không dám thêm bớt. Thế mà kinh sách này lại được phổ biến rộng rãi khắp các nước trên thế giới.

Còn kinh sách Bắc tông, với sự phát triển theo kiến giải phóng túng của các nhà học giả,

thì thử hỏi, sự sai biệt với lời Phật dạy có gấp trăm, ngàn lần không?

Vả lại, kinh sách Đại thừa bị thế tục mê tín, lạc hậu hóa rất nhiều. Ví dụ một sự mê tín trong dân gian, ngày hai ba tháng chạp, tất cả mọi gia đình đều làm lễ cúng đưa “ông Táo” châu trời, thì trong chùa cũng học theo điều đó mà làm lễ cúng bái, tiễn “chư Thiên” về trời.

Từ khi Tăng đoàn Phật giáo được chia làm hai nhóm (Thượng tọa bộ và Đại chúng bộ), thì Đại chúng bộ không còn bị sự kềm chế của Thượng tọa bộ, nên kinh sách tự do phát triển theo kiến giải học giả, không cần có kinh nghiệm tu hành, phần nhiều chịu ảnh hưởng của các tôn giáo khác và phong tục tập quán của dân gian.

Lợi dụng Phật giáo không có người tu chứng điều khiển, nên Đại chúng bộ mặc sức phát triển theo tâm danh lợi của họ. Do đó, kinh sách phát triển Đại thừa ra đời với một khối lượng vĩ đại. Những người có khả năng viết lách, ai muốn viết muốn luận như thế nào cứ mặc tình viết và lý luận, miễn sao có lý, nghe xuôi tai là được, đời sau tu được hay không được mặc kệ, chỉ bây giờ ngồi bút viết phóng túng cho thỏa thích mà thôi.

Muốn truyền bá loại kinh sách này, Đại thừa giáo không thể đi về phương Nam được, vì nơi đó đã có kinh sách Nguyên Thủy do Thượng tọa bộ truyền bá, nên tín đồ ở đó xem kinh sách này (kinh sách Đại thừa) là kinh sách Bà La Môn giáo, chẳng ai thêm theo và đọc.

Vì thế, kinh sách này truyền về phương Bắc, những người dân ở phương Bắc chưa hiểu gì về Phật giáo, nên kinh sách Đại thừa truyền đến đâu đều được họ chấp nhận ngay, là vì các nhà Đại thừa biết dựa theo phong tục mê tín lạc hậu của người dân địa phương triển khai thành kinh sách, và còn sử dụng thần thông, kỳ lạ, v.v... Do thế, kinh sách này đã phát triển về phương Bắc dễ dàng, nên gọi là Phật giáo Bắc tông.

Trên đường hoằng hóa độ sanh về phương Bắc, gặp tôn giáo nào thì Phật giáo Bắc tông thu thập tinh ba của tôn giáo ấy, rồi biến thành giáo lý của mình. Khi đến Trung Hoa, nó lấy tinh ba của Lão giáo biến thành giáo lý Tối Thượng thừa của mình, mà các nhà khoa học, tâm lý học gọi là “Thiền tông”, đó là Phật giáo bị thế tục hóa.

Đến Việt Nam thì không có tôn giáo nào đặc biệt, không có tinh ba triết lý nào vĩ đại, nên Đại thừa đã dung hợp ba tôn giáo lớn là Phật (Đại thừa), Lão (Tiên đạo), Khổng (Nho đạo) lại thành một Phật giáo Việt Nam, “Vạn Hạnh dung tam tế”.

Sinh hoạt của “Phật giáo mới” này tiếp tục triển khai kinh sách phát triển, bằng cách dựa theo phong tục tập quán dân gian biến dần thành kinh sách của mình, để đáp ứng nhu cầu mê tín dân gian. Cho nên, trong chùa thờ đủ loại thần, thánh, tiên, Phật, ma, quỷ, cô, cậu, các bà chúa, Quan Thánh Đế Quân, Thập Điện Minh Vương,

Ngọc Hoàng, Thượng Đế, Long Thần Hộ Pháp, Bát Bộ Kim Cang, cô hồn, các đấng, thập loại âm binh, Nam Tào, Bắc Đẩu, hài cốt và vong linh của những người chết, v.v...

Kinh sách phát triển dạy đầy ắp những điều mê tín, nào là cúng vong, tiền linh, thí thực cô hồn các đấng, nào là cúng sao, giải hạn, cúng yểm, thần trừ, quỷ dữ, nào là cầu siêu, cầu an, xin xăm, bói quẻ, xem ngày tốt xấu, trừ linh, trừ thần, v.v... Mỗi chiều ở các chùa cổ xưa đều cúng thí thực cô hồn, các đấng, quỷ chùa bằng gạo muối, v.v... Phung phí của đàn na thí chủ vô ích.

Hình thức cúng bái tạo ra có vẻ thật sự có thể giới siêu hình đang sống chung đụng với thế giới hữu hình của con người, mà mỗi tai ương, hoạn nạn, tật bệnh của loài người đều do con người của thế giới siêu hình tạo ra.

Kinh sách phát triển của Đại thừa đã lừa đảo con người bằng một thế giới siêu hình mang nhiều hình thức mê tín, lại còn gạt người khác bằng cách hy sinh to lớn với lòng đại từ, đại bi như Kinh Duy Ma Cật dạy: “Bồ tát bệnh vì chúng sanh bệnh”.

Có bao giờ Bồ tát “bệnh” để chia sẻ nỗi khổ đau của chúng sanh được chăng?

Đạo Phật đã dạy cho chúng ta biết rất rõ ràng, nhân nào quả nấy, ai đã tạo nhân ác thì phải gặt lấy quả khổ, không ai chịu thay quả khổ đó cho ai được. Đó là một đạo luật nhân quả công bằng và công lý của nhân loại. Vậy mà có Bồ tát

chịu khổ, chịu bệnh thay cho chúng sanh (như Chúa chịu đóng đinh trên Thập Tự Giá chịu tội thay cho Môn đồ). Hành động của Bồ tát như vậy có phi đạo đức chăng? Con người sanh ra trên thế gian này, như đức Phật đã xác định, từ nhân quả sanh ra, sống trong nhân quả, chết vì nhân quả. Xác định như vậy thì không có đấng tạo hóa nào sanh ra con người. Vì thế, không có kẻ nào ban phước giáng họa cho con người, mà cũng không có kẻ nào thay thế sự khổ đau của con người.

Cho nên câu: “Bồ Tát bệnh vì chúng sanh bệnh” là câu lừa đảo, gạt người của kinh sách phát triển, để chứng tỏ Bồ tát là kẻ vĩ đại, Bồ tát có lòng từ bi rộng lớn, thương xót đối với tất cả chúng sanh, nhưng không ngờ lời nói dối trá thành phi đạo đức. Đối với đạo Phật, câu nói này là câu nói gian xảo, lừa bịp người đệ nhất.

Vì kinh Pháp Cú, Phật dạy, ai đã tạo nhân ác thì phải gánh chịu quả khổ, không một ai chịu thay cho ai được, đó là luật nhân quả công bằng tuyệt đối.

Khi còn tại thế, đức Phật đã từ chối: ***“Các con tự thấp đuối lên mà đi, ta chỉ là một người hướng đạo chỉ đường mà thôi”***. Lời dạy này đức Phật đã khẳng định sự từ chối không cứu độ ai hết, mà mọi người phải tự cứu mình. Cho nên, những lời dạy của Ngài luôn luôn nhắc nhở chúng ta phải tự hành thiện, chỉ có hành thiện mới đem lại sự an vui cho mình, cho người và cho tất cả muôn loài sanh linh.

Vậy mà Phật giáo phát triển có một Duy Ma Cật dám bịnh thay cho chúng sanh, dám chia sẻ nỗi khổ đau của chúng sanh, thật là gan dạ, dám phá bỏ luật nhân quả. Nếu có một Duy Ma Cật làm được như vậy thì đạo đức trong thế gian này còn gì?

Chúng sanh do không hiểu (vô minh) mà làm điều ác, tạo tội lỗi rồi phải chịu nhiều thống khổ do hành động đó. Đạo Phật ra đời chỉ có mục đích cứu giúp con người thoát khổ bằng cách chỉ dạy cho họ thấu hiểu những điều họ làm là ác, là bất thiện và sẽ đem đến quả khổ đau cho họ, chứ không ai làm cho họ khổ mà chính họ. Để chứng minh lộ trình nhân quả cụ thể cho họ thấy và hiểu rõ hơn, thì từ đó họ không còn hành động làm ác, làm khổ mình, khổ người nữa, thì chừng đó họ sẽ không còn chịu sự khổ đau nữa, tâm hồn họ sẽ được thanh thản, an lạc và luôn sống tùy thuận hòa hợp với mọi người.

Đạo Phật cứu người là giúp con người vén sạch màn “vô minh”, để từ đó họ sáng suốt hiểu rõ không còn lầm lạc trong hành động ác, để không tự tạo khổ cho mình, cho người nữa. **Sự hiểu biết tránh làm điều ác và luôn thực hiện làm điều thiện, nên đạo Phật gọi sự hiểu biết đó là trí tuệ, hay gọi là tri kiến giải thoát.** Nhờ có tri kiến giải thoát, nên đạo Phật gọi là đạo giải thoát, tri kiến giải thoát đó không phải của ai khác, mà phải chính của mình mới giải thoát cho mình được.

Cho nên câu nói: “Bồ Tát bệnh vì chúng sanh bệnh” là câu nói nghe rất hay, nhưng ý nghĩa rất dở, vì phi đạo đức, thiếu công bằng và công lý.

Đối với luật nhân quả, không ai có thể đau bệnh hoặc chịu tai nạn thế cho ai được, và cũng không thể chia xẻ nỗi đau khổ với chúng sanh được.

Câu nói: “Bồ tát bệnh vì chúng sanh bệnh” là câu nói láo, lừa đảo thật sự. Nếu quả có một Bồ tát bệnh thay cho chúng sanh hoặc chia sẻ nỗi đau khổ này, thì chúng sanh phải hết khổ, và ít nhất cũng phải giảm thiểu được sự đau khổ. Nhưng con người trên hành tinh này có hết đau khổ đâu, vậy thì Bồ tát nói có đúng không? Nhưng luật nhân quả đã không chấp nhận điều này, nếu chấp nhận điều này thì thế gian này còn lấy đâu gọi là đạo đức, công bằng và công lý.

Một kẻ làm ác mà có người chịu thay tội khổ, thì nhà giàu có, người làm quan, kẻ làm vua chắc không bao giờ có khổ đau, bệnh tật và tai nạn, v.v...

Nhưng thật sự, nhìn cuộc sống con người trên thế gian này từ vua, chúa, quan, dân, người giàu có và đến những kẻ nghèo cùng, khốn khổ, mỗi giới, mỗi giai cấp đều có sự khổ đau, bệnh tật như nhau mà không có ai thoát khỏi, nhất là bốn sự khổ: sanh, già, bệnh, chết, và cũng chẳng ai thay thế cho ai được bốn sự khổ này chút nào.

Câu nói phi đạo đức nhân quả của Bồ tát Duy Ma Cật đã làm cho kinh sách phát triển mất giá trị, nhất là đạo đức của con người.

Nếu bảo rằng kinh sách phát triển chỉ là để dùng cho bậc Thánh, Hiền, Bồ tát, chư Phật, tâm không còn sống trong các pháp đối đãi (bất nhị), nên lời nói của Bồ tát Duy Ma Cật vượt thoát các pháp đối đãi. Nếu luận như vậy thì còn sai hơn nữa.

Thánh, Hiền, Bồ tát và chư Phật không còn biết đạo đức làm người nữa hay sao? Tức là không có pháp thiện và cũng không có pháp ác nữa (bất nhị).

Hàn Sơn, Thập Đắc, Tế Công Hòa thượng, Phật sống Cự Kim Sơn... ăn uống dơ bẩn, lại còn ăn thịt uống rượu, phạm giới tận cùng, đó là các Ngài sống tự tại vô ngại trong pháp môn bất nhị của Đại thừa. Vì thế, các Ngài không còn là con người, mà là loài ác quỷ từ pháp môn bất nhị đã sanh ra, và hiện giờ trong pháp môn bất nhị ấy còn sanh biết bao nhiêu loài ác quỷ nữa. Nếu chúng ta không chặn đứng được pháp môn bất nhị, thì một nguy cơ khiến cho con người không tiến bộ mà còn sống thụt lùi về thời lạc hậu, dã man hung ác.

Nếu bảo rằng: “Chấp giới” thì phạm hạnh, tức là đạo đức của người tu sĩ Phật giáo ở chỗ nào? Không lẽ đạo Phật không có đạo đức sao? Hay toàn là những thầy tu phạm giới phá giới, v.v...

Hai trăm năm chục giới tỳ kheo tăng và ba trăm bốn mươi tám giới tỳ kheo ni, không phải là đạo đức Phật giáo sao?

Người tu sĩ nào phạm giới, phá giới là người tu sĩ không có đạo đức và thiếu giáo dục đạo đức.

Đừng dùng những danh từ “chấp giới” và “tự tại vô ngại”, hoặc “thông tay vào chợ” để bưng bít hay bịt miệng thiên hạ, để được sống chạy theo dục lạc thế gian mà người ta vẫn tưởng đó là Phật sống. Nên các vị giáo sĩ Bà La Môn dựng lên những nhân vật phá giới, phạm giới, như Tế Điền tăng, Phật sống Cựu Kim Sơn, Hàn Sơn, Thập Đắc, để giúp cho quý thầy Đại thừa và các thiền sư Đông Độ tự do phá giới, sống phạm giới mà tín đồ không dám phê phán, đó là một tấm bình phong che dấy cho những người tu danh, tu lợi.

Kinh sách phát triển đã lắm, hay nói cách khác là không hiểu đạo đức của đạo Phật là gì? Nên thường nói giọng kiêu kỳ: “Đại thừa, Tối Thượng thừa”, tự xưng mình là giải thoát trên hết.

Vì Thánh hiền, chư Phật, chư Bồ Tát, tất cả phàm phu và chúng sanh đều từ nhân quả sanh ra. Mà đã từ nhân quả sanh ra thì không sống trong hành động thiện, ác sao?

Hành động thiện không phải là đạo đức sao? Và hành động ác không phải là phi đạo đức ư?

Toàn bộ “giới luật” của Phật đều dạy chúng ta phải sống và hành động với đạo đức làm Người, làm Thánh nhân, làm Phật. Có sao những người thiếu hành động đạo đức mà chúng ta lại xem họ như Phật. Họ chỉ có một vài thần thông tướng lõe bịp thiên hạ, chứ đức hạnh chẳng ra gì.

Sao mọi người vô minh điên đảo, hễ thấy ai có chút ít thần thông đều cho họ là Phật, Thánh, Tiên, rồi cung kính, lễ bái và cúng dường, trong khi những hành động đạo đức của họ chẳng ra gì, còn tệ hơn người phàm phu là khác nữa.

Phật và Thánh đều từ những con người phàm phu, tu tập trau dồi thân tâm xa lìa ác pháp, không còn xảo quyết, gian ngoa, lừa đảo, luôn luôn sống trong hành động đạo đức, thì mới gọi là Thánh nhân, Phật. Có đâu dùng những lời hoa mỹ cao thượng như: “Tự tại vô ngại; chấp giới; thông tay vào chợ; đói ăn, khát uống, mệt ngủ liền”, khiến cho những người chưa hiểu đạo đức nhân quả của Phật dễ bị lầm lạc. Họ tưởng những người này là bậc Thánh cao thượng dám hy sinh mình vì mọi người, chịu khổ đau vì nhân loại, vì loài người dẹp bỏ cá nhân mình thật là vĩ đại. Nhưng trong cái vĩ đại đó, là không vĩ đại gì hết. Vì ai đã làm ác thì người đó phải gánh chịu quả khổ, không thể ai gánh vác được cho ai, dù kẻ đó là Thánh, Thần, chư Phật, chư Bồ Tát cũng không thể gánh chịu cho ai được, thế mới gọi là công bằng, công lý. Còn có người chịu thay thế

được quả khổ đau cho kẻ khác, thì trên thế gian này con người làm sao có một đạo luật gọi là công bằng và công lý được?

Nếu có người chịu khổ cho kẻ khác thì thế gian này sẽ ra sao? Như trên chúng tôi đã nói, nếu trên thế gian này không có một đạo luật công bằng như đạo luật nhân, quả, thì con người chỉ còn là một ác thú mà thôi. Vì thế, những lời nói chịu khổ cho nhân loại là lời lừa đảo, bịp người, với những người còn đang sống trong giấc mơ “siêu hình”.

Chúng ta là những người còn phàm phu tục tử, còn sống trong cảnh đối đãi, nên chỉ biết ở trong cảnh đối đãi mà tu tập trau dồi đạo đức như thế nào để cùng sống chung nhau, đối xử với nhau mà tâm hồn thanh thản, an lạc, không làm khổ mình, khổ người. Thì đó là chân hạnh phúc của loài người, và đó cũng là sự giải thoát của đạo Phật, giải thoát chung cho loài người. Chứ không như kiểu giải thoát của kinh Duy Ma Cật, chỉ dành riêng cho những bậc Bồ tát, chư Phật và Thánh hiền với trí tuệ “Bất nhị”.

Đa số các tôn giáo hiện có mặt trên thế gian này đều xây dựng cho loài người một thế giới tuyệt vời “Bất nhị”. Cái thế giới ấy rất xa vời với loài người, vì con người không thể với tới, không thể có trí tuệ “Nhất nguyên” đó được, chỉ có những bậc Thánh, Hiền như Bồ tát Duy Ma Cật trong kinh sách phát triển mà thôi. Thậm chí như đức Phật, Ngài còn thua xa Bồ tát Duy Ma

Cật, chính đức Phật Thích Ca Mâu Ni Ngài cũng không dám sống trong pháp môn “Bất nhị”, vì đó là pháp môn phi đạo đức.

Những bậc Thánh “Bất nhị” này lý luận mơ hồ, trừu tượng, tưởng giải, chỉ là giấc mộng đẹp của Bà La Môn giáo mà thôi.

Nhìn chung, giáo lý của các tôn giáo đều xây dựng cho loài người một giấc mơ đẹp, để an ủi tinh thần con người trong cuộc sống lầm than và nhiều đau khổ, hơn là giải khổ ngay trên thực tế cho họ.

Ngoài những giáo lý ấy, có một thứ giáo lý khác được mang một cái tên nhỏ bé: “Tiểu thừa Phật giáo”.

Tiểu thừa Phật giáo chỉ mang một cái tên như vậy cũng đủ khiến cho người ta xem thường, coi rẻ, người ta tưởng tượng trong đầu: giáo pháp đó chẳng ra gì, chẳng bằng ai, không cao siêu vi diệu; nhỏ mọn, hạn hẹp, tầm thường, chẳng có gì để cho mọi người đáng quan tâm.

Chính chúng tôi trong những ngày đầu mới xuất gia tu học theo Phật, thấy kinh sách Tiểu thừa là chúng tôi cũng có tư tưởng không muốn đọc, và cũng không muốn tu theo nó nữa.

Các bậc thầy, tổ thường ca ngợi kinh sách Đại thừa, khuyên chúng tôi nên học, đọc và tu theo những bộ kinh Đại thừa như: Pháp Hoa kinh, Thủ Lăng Nghiêm kinh, Viên Giác kinh, Duy Ma Cật kinh, Đại Bửu Tích kinh, Hoa Nghiêm kinh, Pháp Bảo Đàn kinh, kinh Bát Nhã, v.v...

Khi học và đọc những bộ kinh này, chúng tôi thấy nó quá vĩ đại, lý luận tuyệt vời, chỉ rõ bản thể con người rất cụ thể, nếu không có kinh sách này dạy thì khó mà ai nhận ra được “Phật tánh”. Từ đó, chúng tôi tin kinh sách này như là của báu.

Các Tổ, các bậc Tôn túc và các Thầy, từ bao nhiêu thế kỷ nay đã bị kinh sách này lừa đảo, khiến tu hành lầm lạc, cứ tu theo các pháp môn đó mà tu chẳng đi đến đâu cả, kết quả cũng chẳng có gì, chỉ có cảm giác an lạc của dục tưởng xúc, và cuối cùng thì có một vài thần thông tưởng. Như vậy mà các thầy, tổ đã tự mãn nguyện, hoặc thấy sắc tướng, thanh tướng, phát hiện thấy trước mắt và tiếng nổ trong tai là tự cho mình tu chứng đạo.

Con đường tu như vậy thật là đau lòng, họ không biết chứng đạo là chứng cái gì? Hay chỉ cần nói: “Vô sở đắc” là đủ mãn nguyện tu hành.

Phật tánh, thần thông, các cảnh giới siêu hình như: xuất hồn, nhập định, hay là tự tại vô ngại, ngũ uẩn giai không, phản bổn hoàn nguyên, phủ trùm vạn hữu, v.v... đó chỉ là sống trong thế giới tưởng của tưởng tri.

Ngộ nhận những trạng thái tưởng này cho là chứng đạo, nên các Ngài truyền thừa với nhau về phương Bắc, nhưng vì danh lợi, nên mỗi Ngài hùng cứ một phương, chia ra làm năm tông bảy phái (Thiền tông Trung Quốc).

Đến Việt Nam, Thiền tông thành lập ra phái Thảo Đường, Trúc Lâm, Liễu Quán, v.v... Tên thì có khác, nhưng khuôn là thiền Đông Độ thì không có gì khác cả, đều nhai lại bã mía của Trung Quốc.

Đến thời đại chúng ta, Phật giáo Bắc tông vẫn phát triển đều đều, người tu thì đông vô số kể, mà đạt được thì chẳng có gì, chỉ là một trò lừa đảo bịp người mà thôi. Truyền thừa với nhau từ đời này sang đời khác lúc thịnh lúc suy, nhìn chung chẳng có ai tu đến đâu cả, chỉ là diễn xuất tuồng hát trên sân khấu, hết màn Tịnh Độ tông, đến màn Thiền tông; hết màn Thiền tông, đến màn Mật tông; hết màn Mật tông, đến màn Pháp Hoa tông, v.v... Cứ những tông này diễn tới diễn lui chẳng có gì mới mẻ cả.

Người truyền đạo thì cũng chẳng biết mình truyền đúng hay sai của đạo Phật, người tu thì lại nhầm lẫn tu đùa, chẳng cần suy nghĩ xem xét kỹ lưỡng, chỉ nghe Đại thừa, Tối Thượng thừa là ngon lành, là siêu việt, còn những loại kinh sách Tiểu thừa Nguyên Thủy thì xem chẳng ra gì, liệt kê những loại kinh sách này là ngoại đạo.

Lúc chúng tôi mới bước vào chùa tu hành, thích học được kinh sách Đại thừa và thích tu thiền Tối Thượng thừa, xem kinh sách Tiểu thừa A Hàm như đồ bỏ (ngoại đạo), mà trong kinh Phạm Võng Bồ Tát giới đã cấm không cho học và tu giáo lý này.

Tu như ông Xá Lợi Phất và ông Mục Kiền Liên, tiên nữ rắc hoa còn dính mắc (trong kinh Duy Ma Cật), các Ngài chỉ là hàng Thanh Văn, không bằng Bồ tát và Phật, uống công tu hành mà chỉ ở những bậc thấp lẽ tè. **Đối với Đại thừa, thì lời dạy của đức Phật cũng chỉ là ngoại đạo, sao bằng kinh sách Đại thừa “kiến tánh thành Phật”, nhanh chóng như trở bàn tay.**

Đó là quan niệm hết sức sai lầm của chúng tôi, do bị ảnh hưởng kinh sách Đại thừa và thiền Đông Độ. Vì thầy, tổ truyền dạy cho nhau không ngoài kinh sách Đại thừa.

Xướng minh pháp môn Tịnh Độ, tổ Vĩnh Minh Diên Thọ lại còn gạt người hơn nữa bằng những từ ngữ rất kiêu: “Người tu Thiền mà không tu Tịnh Độ, 10 người chưa được một người tu chứng”. “Người tu Thiền mà tu thêm Tịnh Độ như cọp mọc sừng, 10 người đều chứng cả”.

Tịnh Độ còn dùng những lời lẽ cáu gắt và hăm dọa hơn cả những lời lẽ ở trên, để ngăn chặn và lừa đảo tín đồ một cách có thủ đoạn. Tịnh Độ tông cho rằng thời đại chúng ta là thời đại mạt pháp, loài người sắp tận thế, chỉ có pháp môn Tịnh Độ tu hành để chứng và tu chưa chứng đạt cũng được đức Phật A Di Đà rước về cõi Cực Lạc rồi tiếp tục tu hành.

Sau những năm tháng tu hành với hoài bão làm chủ sanh, già, bệnh, chết, chấm dứt sự khổ đau của kiếp người, chúng tôi bị các pháp môn

của Đại thừa và Thiên tông lừa đảo, đã phí hết thời gian của tuổi thanh xuân. Hơn nửa đời người đem hết sức lực tu hành theo các pháp môn Đại thừa và Thiên tông, chúng tôi kiến giải (triệt ngộ) được tất cả các công án và đang sống trong trạng thái tĩnh lặng. Biết bao nhiêu trạng thái tĩnh lặng, biết bao nhiêu trạng thái tưởng xảy ra, như thần thông biết chuyện quá khứ, vị lai, dù biết vậy, nhưng xét kỹ thì chúng tôi cũng chưa làm chủ được sanh, già, bệnh, chết.

Chúng tôi đã trở về với pháp môn Tiểu thừa, may ra, hy vọng còn làm chủ được thân tâm.

Chúng tôi sống độc cư, sống đời sống trầm lặng, sống đúng giới luật không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào, với đời sống thiếu dục tri túc, chỉ xin cơm ngày một bữa mà thôi, chẳng có mong cầu gì khác.

Chúng tôi tu pháp Tứ Chánh Cần, Tứ Niệm Xứ và Tứ Chánh Định, kết quả chúng tôi hướng tâm đến Tam Minh, chỉ trong vòng sáu tháng với một nhiệt tâm nồng cháy, với một nghị lực dũng mãnh, với một ý chí sắt đá kiên cường, chúng tôi thành tựu làm chủ sự sống chết, tâm chẳng hề dao động trước bất cứ một đối tượng nào.

Từ đó chúng tôi biết rất rõ, kinh sách Đại thừa và thiên Đông Độ là của tôn giáo khác hoặc bị thế tục hóa tôn giáo, với dụng tâm của các vị tỳ kheo giáo sĩ Bà La Môn, thâm ý sâu độc muốn diệt trừ Phật giáo, vì Phật giáo tồn tại và phát triển thì các tôn giáo khác không phát triển được.

Tại sao vậy?

Tại vì Phật giáo đập phá thế giới siêu hình, hủy diệt thần quyền sáng tạo, đem lại cho loài người một nền đạo đức giải thoát, không làm khổ mình, khổ người, biến cảnh thế gian thành Thiên Đường, Niết Bàn.

Đạo Phật và các tôn giáo khác không thể đi chung nhau một đường, vì các tôn giáo khác có thế giới siêu hình, có Thần quyền sáng tạo, có cảnh giới mơ hồ, trừu tượng, ảo huyền, có cuộc sống sau khi chết. Ngược lại, Phật giáo thiết thực và cụ thể hơn nhiều, không có thế giới siêu hình, không có Thần quyền sáng tạo, không có thế giới mơ hồ, trừu tượng, ảo huyền và không có cuộc sống sau khi chết. Nếu chánh pháp và đạo đức nhân bản của Phật giáo được phổ biến sâu rộng, khiến mọi người am tường và thực thi sửa đổi thói hư tật xấu, thì xã hội loài người mới sống đúng đời sống công bằng, bác ái, thì các tôn giáo làm sao còn chỗ đất đứng trên hành tinh này được.

Thấy rõ điều lợi hại này, nên bằng mọi giá, các tôn giáo khác đều ước muốn biến dần Phật giáo thành một tôn giáo chấp ngã, có bản thể vạn hữu (Phật tánh, Đại ngã), còn đạo đức của Phật giáo thì biến thành một thứ đạo đức nhân quả mê tín, để Phật giáo cũng giống như các tôn giáo khác trên hành tinh này.

Cho nên câu nói: “Bồ Tát bệnh vì chúng sanh bệnh” trong kinh Duy Ma Cật cũng là một câu nói

lừa đảo, phi đạo đức, nhằm để lường gạt những người chưa hiểu đạo đức nhân quả thiện ác của Phật giáo, chứ không thể lừa đảo, lường gạt những người có giới đức và giới hạnh của Phật giáo được.

Hiện giờ, mọi người chưa ai thông suốt đạo đức nhân quả. Luật nhân quả, kinh sách nhân quả của các kinh sách phát triển thuộc về loại kinh sách mê tín, dị đoan, đó toàn là kinh tưởng. Hiện nay, tín đồ Phật giáo Đại thừa đặt trọn lòng tin vào những vị Bồ tát, vì những vị Bồ tát này thường ban phước lành và cứu khổ cứu nạn, cùng chia sẻ những sự đau khổ của chúng sanh. Không ngờ, sự cứu khổ, cứu nạn và chia sẻ sự đau khổ với chúng sanh là một điều không thể làm được. Không thể làm được vì luật nhân quả rất công bằng và công lý. Cho nên, hành động cứu khổ cứu nạn và chia sẻ khổ nạn là phi đạo đức, làm mất công bằng và công lý trong kiếp sống của loài người.

(Trích ĐVXP tập 5 trang 32-60)



Hỏi: Có nhiều sách viết rằng, khi một người tắt hơi thở rồi, nếu sờ vào mình người đó mà hơi nóng dồn vào chỗ nào đó, trong khi tất cả chỗ khác đều lạnh hết, thì biết được rõ chỗ tái sanh của họ. Ví dụ: ở hai bàn chân nóng là sanh địa ngục, ở trái tim là người, ở mắt là trời... Căn cứ

vào đâu mà họ nói như vậy, hay do tưởng tượng mà thôi? Xin Thầy chỉ dạy!

Đáp: Có thể khi chết đều có sự hoại diệt của cơ thể chỗ nào hoại diệt trước là chỗ đó lạnh trước, chỗ nào hoại diệt sau là chỗ đó lạnh sau. Sự hoại diệt đều do căn bệnh của cơ thể.

Trong thư con ghi những lời giải thích của các nhà học giả đều là sai, không có căn cứ logic khoa học, đó là tưởng giải của các nhà Đại thừa. Còn đạo Phật xác định sáu nẻo luân hồi rất rõ ràng:

1- Cõi Trời bằng một trạng thái tâm Thập thiện, còn tưởng thức dục.

2- Cõi Người bằng trạng thái tâm Năm giới còn ý thức dục.

3- Cõi A Tu La bằng trạng thái tâm sân.

4- Cõi Ngạ Quỷ bằng trạng thái thân tâm đói khát.

5- Cõi Súc Sanh bằng trạng thái thân tâm ích kỷ, nhỏ mọn, hẹp hòi, bản thủ, ăn uống đồ bất tịnh, hôi thối, rượu chè say sưa quậy phá, v.v...

6- Cõi Địa Ngục bằng trạng thái thân tâm đau khổ, ê ẩm nhức nhối, phiền não, bất an, bất toại nguyện, v.v...

Trong trạng thái tâm này khi còn đang sống, cũng như lúc sắp lâm chung đã xác định hướng đi rõ ràng của người này khi tiếp tục tái sanh.

Đó là một điều xác định sáu nẻo luân hồi rất khoa học, thực tế và cụ thể của đạo Phật, mà

không có một tôn giáo nào xác định được như vậy, chỉ vì các tôn giáo đều có thể giới siêu hình. Bởi vì họ cho có thể giới siêu hình, nên hơi ấm ở chân là sanh vào cõi địa ngục, ở tìm sanh làm người, ở mất sanh lên cõi Trời, v.v...

Họ căn cứ vào kinh sách phát triển, là một loại kinh sách tưởng giải của các nhà học giả thiên tượng, tưởng giải ra cho hơi nóng xuất ra ở hai bàn chân là địa ngục, ở tìm là người, ở mất là Trời, v.v... Vì những điều này họ không căn cứ và biết chắc được cõi Trời, cõi Địa Ngục ở đâu? Chỉ nói trong ảo tưởng mà thôi.

Các cư sĩ đừng tin theo luận điệu mê tín lừa đảo người mà hầu hết kinh sách phát triển nào cũng có. Không lừa gạt thế này thì lừa gạt thế khác, không dụ dỗ thế này thì dụ dỗ thế khác. Thường kinh sách này đưa chúng ta vào thế giới siêu hình, mơ hồ ảo tưởng.

Chúng ta nên căn cứ vào việc làm thiện hay ác của con người mà xác định được nỗ luân hồi của họ ở kiếp sau, chứ không phải hơi ấm trên thân người.



Hỏi: Một người học Phật phải nhìn cuộc đời như thế nào để không bị đắm chìm, lôi cuốn theo những lạc thú tầm thường của thế gian, nhưng cũng không bị người đời lên án là tiêu cực, vô cảm, lãnh đạm, v.v...

Đáp: Một người học Phật phải nhìn đời bằng đôi mắt nhân quả, nên không tiêu cực, vô cảm, lãnh đạm.

Người học Phật phải có tri kiến nhân quả, tri kiến Thập Nhị Nhân Duyên, tri kiến kiết sử, tri kiến ngũ uẩn, tri kiến ngũ triền cái, tri kiến về các pháp bất tịnh, tri kiến các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã, tri kiến về lòng từ, bi, hỷ, xả, v.v...

Nếu có những tri kiến như vậy, thì người này sẽ không bị đắm chìm, lôi cuốn theo những lạc thú tầm thường của thế gian. Muốn có những tri kiến này, thì người học Phật nên nghiên cứu kinh sách Nguyên Thủy, vì trong đó dạy rất đầy đủ và dễ hiểu. Không nên nghiên cứu kinh sách phát triển, vì kinh sách này sẽ gieo vào đầu óc của các bạn một thế giới ảo tưởng, mơ hồ, trừu tượng. Một khi các bạn phải chịu ảnh hưởng của nó, thì các bạn giống như người nghiện thuốc phiện, muốn bỏ mà rất khó bỏ.

Người cư sĩ hiểu sao về Phật giáo có tiêu cực, vô cảm, lãnh đạm?

Về Phật giáo là phải có một tinh thần tích cực, tự lực trong sự tu tập các pháp môn; phải tích cực, tự lực chiến đấu với nội tâm của mình khi có ác pháp xâm chiếm, để đem lại sự thanh bình cho tâm hồn; phải tích cực chiến đấu với ngoại pháp, để đem lại cho mọi người một sự an ổn, một xã hội có trật tự. Về Phật giáo có hai giới tu tập:

1- Cư sĩ

2- Tu sĩ

Cư sĩ thì phải tu theo pháp của người cư sĩ. Pháp của người cư sĩ tu tập là một nền đạo đức nhân bản - nhân quả, không làm khổ mình, khổ người, thì làm sao có sự tiêu cực, vô cảm, lãnh đạm... được. Nếu tiêu cực, vô cảm, lãnh đạm là làm khổ mình, khổ người, thì đâu có đúng chánh pháp. Có lẽ cư sĩ đã hiểu sai pháp Phật, không hiểu về pháp tu tập của người cư sĩ.

Người cư sĩ chỉ sống có một ngày Thọ Bát Quan Trai như người tu sĩ mà thôi. Một tháng chỉ sống có một hoặc hai ngày, thì đâu thể nào gọi là tiêu cực, vô cảm, lãnh đạm được.

Phật dạy chúng ta biết ác pháp và thiện pháp, ác pháp thì nên tránh và diệt, để đem lại cho mình, cho người hạnh phúc an vui, chứ đâu phải lãnh đạm, vô cảm.

Ví dụ 1: Trong bữa tiệc mọi người ép chúng ta uống rượu, chúng ta từ chối, không tùy thuận theo các ác pháp này, mà bảo rằng chúng ta lãnh đạm thì không đúng. Chúng ta cương quyết làm được điều này là làm gương tốt đẹp cho người khác, để mọi người tránh thứ độc hại này. Cho nên đạo Phật không phải là đạo yếm thế, tiêu cực, lãnh đạm, vô cảm, v.v... Người hiểu đạo Phật yếm thế, lãnh đạm, vô cảm... là người hiểu sai đạo Phật.

Ví dụ 2: Tình nghĩa vợ chồng là phải gần gũi nhau, chia sẻ nhau những nỗi buồn vui, thế mà xa lánh nhau, nhạt lẻo, lãnh đạm tình chồng nghĩa

vợ, để gọi là tuyệt dục thì đức Phật đâu có dạy bao giờ, mà đức Phật dạy không nên tà dâm, dâm dục phải tiết độ, vì tà dâm là làm hại gia đình mất hạnh phúc, dâm dục không tiết độ sẽ đem đến thân bệnh tật, mà thân bệnh đau thì sự an vui hạnh phúc gia đình mất.

Đạo Phật nói đời khổ là để vượt qua mọi sự đau khổ đó, chứ không có nghĩa là trốn tránh khổ, nói cách khác là để làm cho đời hết khổ. Làm cho đời hết khổ là phải tích cực hết mình. Vì thế mà đạo đức của đạo Phật là đạo đức không làm khổ mình, khổ người.



Hỏi: *Thưa Thầy! Chúng con xét thấy lâu nay, những người cư sĩ tu theo Đại thừa, đa số không biết họ hiểu như thế nào? Khi chưa biết đạo thì còn đỡ, khi biết đạo rồi lánh vợ, xa con, để cho những người trong gia đình phải buồn khổ và thù ghét đạo Phật. Thưa Thầy, theo cái hiểu cạn cợt của chúng con có phải họ hành sai pháp không?*

Đáp: Họ không hành sai pháp, vì kinh sách Đại thừa và các thầy Đại thừa đã dạy chung chung như vậy, không phân biệt rõ ràng: pháp nào tu tập của người cư sĩ và pháp nào tu tập của người tu sĩ, cứ ngồi thiền, niệm Phật, tụng kinh, lạy sám hối, v.v... Tu sĩ cũng tu như vậy và cư sĩ cũng tu như vậy. Cho nên, người cư sĩ tu hành cũng giống như người tu sĩ. Vì thế gia đình đảo lộn, tình nghĩa chồng vợ dường như nhạt lẻo, bỏ

bê con cái và nghề nghiệp như con đã nói ở trên. Thật là vô cùng tai hại. Tu như vậy có bốn điều đáng trách:

1- Thiếu đạo đức làm người, không tròn bổn phận, trách nhiệm đối với bản thân, vợ và con.

2- Tu như vậy đời chẳng ra đời, đạo chẳng ra đạo. (Cư sĩ mà tu pháp của tu sĩ là một điều rất sai)

3- Tu như vậy chẳng đến đâu, mất thì giờ, uống phí công sức, uống phí một đời người.

4- Tu như vậy bản ngã của người cư sĩ càng ngày một to lớn hơn, do đó cư sĩ không tìm thấy sự giải thoát chân thật, chỉ sống giải thoát trong ảo tưởng. Cho nên thích tranh luận hơn thua, dựa theo lý giải của giáo pháp Đại thừa và thiền Đông Độ mà tranh luận hơn thua.

5- Tu như vậy, người cư sĩ chỉ đạt được miệng lưỡi nói pháp rất hay, nhưng kết quả làm chủ sanh tử, chấm dứt luân hồi thì chẳng có gì.

Vì thế, hiện giờ người cư sĩ tu rất nhiều, đi chùa rất đông, nhưng nhìn lại hoàn toàn là số không? Tham, sân, si, mạn, nghi vẫn còn nguyên vẹn, chưa có một vị cư sĩ nào làm chủ được đời sống, làm chủ được sự già yếu, làm chủ được bệnh đau và làm chủ được sự chết (tự tại trong sinh tử).

Để khắc phục tình trạng này, Thầy sẽ soạn thảo ra một bộ sách giáo trình tu tập riêng cho người cư sĩ, đúng theo đường lối tu tập của Phật giáo Nguyên Thủy. Các con hãy chờ đợi bộ sách

Đạo Đức Làm Người ra đời xong thì Giáo trình tu tập cho người cư sĩ sẽ xuất hiện. Đó là câu trả lời cho những câu hỏi của con.



Hỏi: *Có một số người khi mới phát tâm tu, hoặc làm công quả ở chùa, làm chức hướng dẫn cư sĩ và làm từ thiện xã hội, mấy năm đầu thì thấy khuôn mặt rất dễ thương, nhưng khoảng thời gian sau thì nhìn khuôn mặt thấy quây beo, đừng việc người khác làm trái ý mình thì nổi sân đùng đùng. Có phải những người này làm phước mà còn cầu phước, không có phương pháp tu tập để kiểm soát bản ngã của mình? Khi thấy mình có công đôi chút thì tỏ vẻ hơn người, nên khi ai làm trái ý họ thì họ bực tức. Con hiểu như vậy có đúng không? Thưa thầy!*

Đáp: Phần đông người ta tu phước hữu lậu, nên làm có chút ít công đức thì bản ngã to ra, con hiểu như vậy rất đúng.

Người có phước hữu lậu thì bản ngã theo phước đó mà to lớn ra, không những riêng cư sĩ mà cả tu sĩ nữa. Cho nên, các vị tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức tăng, ni hiện giờ hầu hết đều không tu tập đúng pháp ly dục, ly ly ác pháp của Phật giáo Nguyên Thủy. Cứ theo lộ trình Bồ tát đạo của Đại thừa tu phước hữu lậu thì bản ngã sẽ to lớn vĩ đại. Theo lộ trình Bồ tát đạo của Đại thừa tu phước hữu lậu thì bản ngã sẽ to lớn, danh cao, chức trọng, v.v... Vì thế, các

vị này dễ sân, dễ phiền não, đời sống của họ trong đục lặc của thế gian, ăn, ngủ phi thời. Họ chẳng bao giờ nếm được mùi giải thoát chân thật của Phật giáo.

(Trích từ trang Web: nguyenthuychonnhu.net - Giáo Án Tu Tập, tập 5)



ĐỨC PHẬT DI LẶC

Hỏi: Kính bạch Thầy! Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ, đức Phật Di Lặc có thật hay không?

Đáp: đức Phật Di Lặc không có, đó chỉ là một đức Phật tượng tượng của các nhà Đại thừa Bà La Môn. Vì thế, chúng tôi mạnh dạn lật tẩy bộ mặt thâm độc của Bà La Môn giáo để cho phật tử hiểu rõ. **Nếu bảo rằng quá khứ đã có bảy vị Phật, thì đức Phật Thích Ca Mâu Ni đi tu phải có đạo Phật, vậy tại sao lại chỉ có lục sư ngoại đạo mà không có cái tên Phật giáo?** Thật ra, mãi đến khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni tu hành chứng quả, thành lập ra Phật giáo, bấy giờ chúng ta mới có tôn giáo mang tên là Phật giáo. Thế mà dám bảo quá khứ có bảy vị Phật, rồi gán cho đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói, thì rất oan cho đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Trong kinh Tương Ưng, đức Phật nói: “Nếu Ta nói một điều gì mà

chúng sanh hiểu bằng tưởng thì có nói láo trong Ta”.

Rồi về vị lai các nhà Đại thừa sản xuất ra một người có tên là Từ Thị, hiệu là Di Lặc, muốn tranh chức giáo chủ với đức Phật Thích Ca, giống như các nhà vua phong kiến ở thế gian, tranh ngai vàng.

Theo như kinh sách phát triển, đạo Phật có ba vị giáo chủ:

- 1- Bảy vị Phật làm giáo chủ ở quá khứ.
- 2- Một vị Phật giáo chủ ở hiện tại.
- 3- Một vị Phật giáo chủ ở vị lai.

Đức Phật Di Lặc đã được kinh sách phát triển nói đến rất nhiều. Đó là một thâm ý nham hiểm, đưa đức Phật Di Lặc ra để làm một cuộc cách mạng Phật giáo, lật đổ đức Bổn sư Thích Ca Mâu Ni, thay thế bằng vị giáo chủ mới là Phật Di Lặc.

Hội Long Hoa tức là cuộc cách mạng Phật giáo. Khi đức Phật Di Lặc lên nắm quyền giáo chủ Phật giáo, thì toàn bộ kinh sách Nguyên Thủy sẽ bị triệt tiêu, tức là đường lối giáo lý của Phật Thích Ca sẽ bị đốt sạch.

Kinh sách Nguyên Thủy không bao giờ có nói đến đức Phật Di Lặc, và các bậc Thánh tăng đệ tử của đức Phật không có ai tên là Di Lặc. **Đối với kinh sách Nguyên Thủy, Di Lặc là một cái tên xa lạ, vậy mà bây giờ sắp lên nắm quyền giáo chủ Phật giáo!** Xin quý vị phật tử suy ngẫm để khỏi lầm lạc.

Hội Long Hoa được xem như một cuộc trưng cầu dân ý, bầu cử đức giáo chủ mới cho Phật giáo. Các tôn giáo khác không hiểu, dựa vào gốc kinh sách Đại thừa và tưởng ấm của con người thể hiện qua “cơ bút”, cho biết ngày tận thế và hội Long Hoa sắp mở bày.

Phật giáo Nguyên Thủy không chấp nhận điều này. Đức Phật dạy: ***“Quá khứ không truy tìm, vị lai không ước vọng”***. Quá khứ và vị lai không cần biết đến, chỉ làm một việc lành ngay trong hiện tại thì quá khứ và tương lai là hạnh phúc.

Hội Long Hoa là một sự bịa đặt, chờ cơ hội thuận tiện nhất để mở cuộc họp Phật giáo toàn thế giới. Nhưng vì thế lực Phật giáo Nguyên Thủy còn mạnh, cho nên họ không thể làm gì được. Hiện nay, cả Phật giáo thế giới đều chấp nhận Đại thừa Phật giáo là giáo pháp của Phật giáo. Đó là một bước thắng lợi thứ nhất của Đại thừa giáo. Đến khi các sư Nam tông, tức là các sư Phật giáo Nguyên Thủy, dần dần chịu ảnh hưởng giáo pháp của Đại thừa, và lần lượt các sư Nam tông sẽ tu tập theo giáo pháp của Đại thừa¹, thì giáo pháp Nguyên Thủy sẽ bị đốn tận gốc. Lúc bấy giờ người ta bảo rằng Hội Long Hoa ra đời thành lập

¹ Ngày nay, các sư Miến Điện bắt đầu dạy thiền (Nguyên Thủy) giống như thiền Đông Độ. Sau một thời gian dạy (Tứ Niệm Xứ) quán thân, thọ, bây giờ các sư dạy quán tâm giống như thiền sư Trung Hoa.

Phật giáo mới, và đức Giáo chủ là đức Phật Di Lặc.

Đó là một thâm ý sâu sắc của Phật giáo Đại thừa dựng lên đức Phật Di Lặc là có ý diệt trừ Phật giáo tận gốc, mà hầu hết các tu sĩ Phật giáo hiện giờ, Nam tông lẫn Bắc tông đều vô tình không thấy ý đồ thâm độc của Bà La Môn giáo ngày xưa.

Kinh sách nói về Phật Di Lặc và Hội Long Hoa là do các giáo sĩ Bà La Môn viết soạn ra, rồi đưa vào kinh sách Phật giáo, mạo nhận Phật thuyết. **Lợi dụng lúc Phật giáo kết tập kinh sách chưa thành văn bản, người ta đã tùy tiện thêm bớt thật dễ dàng.** Cho nên, người nghiên cứu kinh sách Phật giáo hiện nay gặp phải khó khăn là có nhiều bài kinh mâu thuẫn nhau, khiến chẳng biết đâu là lời Phật dạy chân chánh, đâu là lời kiến giải.



HÌNH ẢNH QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Gia đình con có thờ hình ảnh Quan Thế Âm Bồ tát. Khi nghe Thầy giảng trong băng Bồ tát Quan Thế Âm không có thật, mà chỉ là sự tưởng tượng của con người. Trước kia con chưa được biết, nên được sư ở chùa cho về thờ gần hai năm nay. Bây giờ con rất áy náy trong tâm, không biết nên để thờ hay thay bằng tranh Phật khác? Xin Thầy hoan hỷ dạy cho con được rõ.*

Đáp: Bồ tát Quan Thế Âm là một vị Bồ tát tưởng tượng của Phật giáo phát triển, chứ không có một Bồ tát trong lịch sử loài người. Cũng như Bồ tát Di Lặc cũng chỉ là một Bồ tát tưởng tượng, khi thấy ai cười hề hề cho đó là Bồ tát Di Lặc. Gần đây, có một số nhà học giả dạy người tu hành luôn luôn tập một nụ cười. Vì thế có nhà học giả dạy: “Hít vô tôi mỉm miệng cười, thở ra tôi mỉm miệng cười”.

Cách thức cười như vậy cũng giống như người Hoa Kiều buôn bán ở Chợ Lớn, luôn lúc nào cũng cười hề hề làm vui lòng khách hàng. Nhiều người tập vui cười ngoài mặt, nhưng bên trong thì tham, sân, si còn hơn những người không tu. Đạo Phật chỉ duy nhất có một đức Phật Thích Ca Mâu Ni, người đã tự tìm ra một giáo pháp tu hành, để đi đến giải thoát sự đau khổ của kiếp người.

Là đệ tử của đức Phật, quý vị nên thờ một vị Phật duy nhất để tỏ lòng biết ơn, đó là thờ đức Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Muốn thay đổi hình tượng thờ phụng trong nhà thì hình ảnh Quan Thế Âm Bồ tát con nên đem gửi lại chùa, hoặc đem thiêu đốt.

Nên thỉnh hình ảnh đức Phật Thích Ca đang ngồi thiền tại cội bồ đề, bên dòng sông Ni Liên dưới ánh trăng đêm khuya, về thờ phượng thì mới đúng tư cách là tín đồ Phật giáo.



MẠC NA THỨC VÀ A LẠI DA THỨC

Hỏi: *Thưa Thầy! Theo Đại thừa, Mạc Na thức như người giữ kho, A Lại Da thức ví như cái kho chứa nhóm tất cả chủng tử thiện ác.*

Khi người chết, thân, thọ, tâm, pháp đều hoại diệt, chỉ còn Mạc Na thức và A Lại Da thức đi đầu thai. Có phải vậy không thưa Thầy?

Đáp: Đó là những danh từ trong kinh Duy Thức thuộc tạng kinh Đại thừa, để chỉ cho sự huân tập thành khối nghiệp lực (A Lại Da thức và Mạc Na thức), được xem là người giữ kho và cái kho tích trữ tạo thành nghiệp lực.

Theo kinh Nguyên Thủy, nghiệp lực thì không có thức, tức là không có cái biết. Do sự vô minh tương ứng với nghiệp mới tái sanh luân hồi, chứ không có cái thức đi tái sanh.

Các nhà Duy thức học chỉ tưởng ra mà thôi, nên tưởng ra người giữ kho và cái kho đi tái sanh (Mạc Na thức và A Lại Da thức đi tái sanh).

Sự thật, trong kinh Nguyên Thủy dạy không có thức nào đi tái sanh luân hồi, chỉ có nghiệp thiện, ác đi tái sanh mà thôi. Nghiệp thiện ác tức là nhân quả thiện ác.

Kinh sách phát triển lầm lạc vì bị thế tục hóa, nên biến linh hồn mê tín trong dân gian thành thần thức, và khéo lý luận đặt tên là Mạc Na thức và A Lại Da thức đi tái sanh luân hồi để xây dựng thế giới linh hồn người chết, để sanh ra cái nghề tụng niệm, nếu không có linh hồn thì các thầy đều thất nghiệp.

Cho nên, Mạc Na thức và A Lại Da thức là tưởng tri của các sư Phật giáo phát triển tưởng ra, để chia chẻ tâm thức con người ra nhiều mảnh. Đó là ý đồ làm lệch hướng của Phật giáo chân chánh, để biến Phật giáo thành một tôn giáo mê tín.



THÔNG MINH

Hỏi: *Thưa Thầy! Trong kinh nhân quả dạy mang dầu, nến thắp sáng điện Phật (Tam Bảo), thì kiếp sau sanh ra làm người được thông minh. Lời dạy ấy có đúng không? Xin Thầy dạy bảo.*

Đáp: Người thông minh không phải do cúng dường đèn dầu, nến thắp sáng điện Phật, mà người ấy phải chịu khó học tập những điều mình chưa biết. Hiện giờ chúng ta thấy, có người học tối (lâu nhớ, lâu thuộc bài) có người nhớ lâu, học mau thuộc, ta cho họ thông minh. Sự thật, tiền kiếp họ đã gieo nhân học tập nên thời nay ta nói họ thông minh, chứ họ đã học sẵn rồi.

Muốn thông minh ở kiếp sau thì kiếp này phải học tập. Theo luật nhân quả, học tập là gieo nhân thông minh, chứ không phải cúng dường đèn đuốc mà thông minh, đó là lối lừa đảo không thực tế của kinh sách phát triển. Chúng ta không nên tin như vậy, tin như vậy chỉ có người ngu si mới tin, chúng ta tin cái gì thì cái đó phải cụ thể và thực tế rõ ràng.

Đời nay cố gắng học tập thì đời nay thông minh và đời sau vẫn tiếp tục thông thái hơn người khác, đó là lẽ đương nhiên, không ai nói ta lừa đảo được.

Bây giờ ta u tối thì phải cố gắng học, “có công mài sắt có ngày nên kim”. Còn những người thông minh kiếp trước họ đã học rồi, bây giờ nhớ

trở lại, chứ không có thông minh gì cả. Đức Phật dạy: ***“Cây ngả về hướng nào thì bóng ngả về hướng ấy”***. Đúng vậy, khi ta làm một điều gì thì hậu quả của điều đó sẽ đến với ta, tốt hay xấu là do việc của ta làm ác hay thiện.

Còn cúng đèn, thắp nến làm sáng bàn thờ Phật mà được thông minh là không đúng.

Tôi xin nêu lên một điều để quý vị được rõ. Hàng ngày, quý vị đều thắp hương vò cây, tượng trưng cho năm cây hương giải thoát: *“giới hương, định hương, tuệ hương, tri kiến hương và giải thoát tri kiến hương”*, nhưng quý vị có thấy tâm mình giải thoát chưa? Có hết tham, sân, si chưa?

Tượng trưng là một lẽ và giải thoát là một lẽ, cho nên cúng dầu, thắp nến cho sáng thì đã có ai thắp đèn mà được thông minh chưa?

Nếu thắp đèn mà siêng năng học thì thông minh là lẽ đúng, nếu thắp đèn để sáng bàn thờ Phật, không học mà thông minh, đó là lối lừa đảo của quý sư Phật giáo phát triển để khỏi mua dầu thắp bàn thờ Phật, vì có mấy đứa học sinh tối dạ mua dầu đèn thắp. Nhưng chúng cũng phải học chúi đầu chúi mũi mới có thuộc bài, chứ đâu có thắp đèn mà khỏi học bài bao giờ, hay chư Phật học bài dùm cho. Đó là một lối lừa đảo gian xảo trong các chùa.

Kinh sách Đại thừa nói về nhân quả có rất nhiều cái vô lý, thế mà người đời vẫn tin.

HỦY HOẠI CƠ THỂ HOẶC MỘT PHẦN CƠ THỂ ĐỂ CÚNG DƯỜNG CHƯ PHẬT, CẦU VÔ THƯỢNG PHÁP

Hỏi: Kính bạch Thầy! Trong Thiền tông có câu chuyện Huệ Khả chặt cánh tay dâng lên cúng dường Bồ Đề Đạt Ma để cầu pháp an tâm (Phật tánh). Đức Phật có dạy điều này không? Xin Thầy giải rõ cho chúng con được hiểu.

Gần đây có một số quý Thầy đốt, chặt một ngón tay trở để cúng dường chư Phật.

Chặt đốt, ngón tay cúng dường chư Phật có ích lợi gì cho bản thân? Xin Thầy chỉ rõ cho chúng con được hiểu. Những người chặt, đốt ngón tay cúng dường chư Phật tu hành có chứng quả hay không?

Đáp: Hủy hoại cơ thể hoặc một phần cơ thể để cúng dường chư Phật, mà trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Tựa có những câu dạy:

*“Lại thấy có Bồ tát²
Bố thí cả vợ con
Thêm thịt cùng tay chân
Để cầu vô thượng đạo
Lại thấy có Bồ tát
Đầu mắt và thân thể
Đều ưa vui thí cho*

² Bồ tát là một người cư sĩ đang tu tập

Để cầu trí tuệ Phật”

Qua đoạn kinh này chúng ta quán xét thấy kinh Đại thừa lừa đảo và lường gạt, dạy tín đồ bằng cách bố trí cúng dường của cải, tài sản, vợ con cho đến thân mạng.

Thứ nhất lừa gạt để cướp đoạt tiền bạc, châu báu ngọc ngà. Lấy đạo vô thượng, hay là Phật tánh để trao đổi bằng vàng bạc, ngọc ngà châu báu. Ở đây có nghĩa là cúng dường chư Phật.

“Dùng các món nhân duyên”

“Mà cầu chứng Phật đạo”

Muốn cầu chứng được đạo quả giải thoát thì nên trao đổi bằng:

1- Vàng bạc, ngọc ngà, san hô, trân châu, ngọc như ý, ngọc xà cừ, mã não, kim cương và các trân bảo khác cùng tôi tớ, xe cộ, kiệu cán làm bằng châu báu, vui vẻ đem cúng dường, dùng tiệc rẻ để cầu chứng đạo quả.

2- Cúng dường cả vợ và con cho chư Phật, cho người khác để cầu chứng đạo quả giải thoát.

3- Đoạn thân mạng, tay chân, đầu mắt của thân thể cúng dường cầu đạo vô thượng.

Qua những đoạn kinh trên, trong bộ kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa, mà được mọi người từ thầy, tổ, cho đến ngày nay người ta đã tốn biết bao nhiêu giấy mực, để luận và giảng về bộ kinh nổi tiếng nhất trong kinh sách Đại thừa: “Diệu Pháp Liên Hoa Kinh” Một bộ kinh mà được các thầy, tổ và tất cả phật tử xem là một vật quý

báu, thường ca ngợi và truyền tụng. Do bộ kinh này mà có nhiều người đã thành lập đạo tràng, lấy tên kinh làm tên chùa, tên đạo tràng của mình (chùa Pháp Hoa, đạo tràng Pháp Hoa).

Một bộ kinh dạy người hủy hoại cơ thể để cầu pháp Đại thừa. Xưa, tổ Huệ Khả đã hủy hoại một cánh tay dâng lên tổ Bồ Đề Đạt Ma để cầu pháp Tối Thượng thừa, sư Trùng Quán chặt ngón tay cúng dường chư Phật để cầu chứng Phật tánh.

Gần đây, trong hàng huynh đệ của chúng tôi, khi vào tu viện Chân Không cũng có một sư đệ, lúc bấy giờ Thầy ấy chỉ là một chú sa di mà rất gan dạ, đốt một lóng ngón tay để cầu pháp (thầy P.T.). Khi chúng tôi vào tu viện thì vị Thầy đó vẫn còn băng bó vết thương.

Gần đây, chúng tôi có đọc một tờ báo Công An TP. Hồ Chí Minh năm thứ XXIII bộ mới, số 776 ngày 21 tháng 9 năm 1999 có đăng tin, tựa đề “Sao lại tin những lời tà đạo?” như sau:

“Vào tháng 6 năm 1999, qua nguồn tin quần chúng. Công An huyện Củ Chi phát hiện tại xã Tân Phú Trung có hai người một nam, một nữ tụ họp thêm một vài người dân đến nhà nghe giảng đạo. Đầu là hai người này cùng bị mất một đốt ngón tay trở bên trái. Công An Củ Chi đã khám phá và ngăn chặn kịp thời nhóm tà đạo thuyết pháp những điều nhảm nhí, mê hoặc người nhẹ dạ cả tin, hủy hoại thân thể, bỏ vợ, bỏ chồng để đi tu v.v...”

Bài báo viết tiếp: “Vào đạo phải chặt đứt ngón tay và làm công quả”. Đúng vậy, Phật giáo phát triển thường nhận người làm công quả, là những người chuẩn bị để cho xuất gia sau này. Những người này trong chùa gọi họ là tịnh nhân.

Nếu những tịnh nhân nào tự phát nguyện chặt ngón tay cúng dường chư Phật để cầu pháp vô thượng, thì những tịnh nhân ấy được xem là những pháp khí Đại thừa. Được thầy tổ lưu ý giúp đỡ và đào tạo họ trở thành những bậc lãnh đạo Phật giáo. Trong giới tín đồ Phật giáo cho rằng: “Ít ra những người này cũng là những bậc đại thượng tri thức”.

Qua bài kinh tựa của bộ kinh Pháp Hoa, tuy không ép người khác hủy hoại cơ thể, nhưng cũng có ý đề cao khuyến khích sự hủy hoại cơ thể để cầu pháp Tối Thượng ,hừa.

Những lời dạy trong kinh Pháp Hoa này đi ngược lại lời dạy của đức Phật trong toàn bộ kinh sách Nguyên Thủy.

Đạo Phật chủ trương không làm khổ mình, khổ người, thế mà ở đây chặt, đốt ngón tay, hoặc chặt cánh tay dâng lên cúng dường, thì rõ ràng là đã tự làm khổ mình. Từ cha mẹ sanh ra không tật nguyên, bây giờ theo Phật giáo Đại thừa trở thành người tật nguyên, cụt tay, tàn tật. Vậy mà Thiên tông vô minh, ca ngợi vị tổ thứ hai Huệ Khả là bậc pháp khí Đại thừa. Chỉ có một lời ca ngợi suông trong kinh sách Đại thừa mà đã biến vị tổ thứ hai của

Thiên tông thành một người tàn tật, thật là ngu si chạy theo danh mà tự hại mình.

Trong kinh Phật Báo Ân của Đại thừa giáo, có câu chuyện tiền thân đức Phật: *“Xưa có một nhà vua chạy giặc, gặp lúc đói khát ăn thịt con để sống”*. Người mới đọc qua câu chuyện tiền thân này nghe rất hay. Nhưng suy nghĩ lại chúng ta mới thấy bản chất của loài thú vật hiện lên rất rõ ràng. Người ăn thịt người, cũng chẳng khác nào loài thú vật ăn thịt nhau, thì làm sao gọi là đạo đức làm người được.

Kinh sách Đại thừa nói qua sự tưởng tượng của mình, một ngày cắt ba cân thịt ăn mà đứa con vẫn còn đi đứng được. Thì thử hỏi quý vị nghĩ sao? Người ta bị chùng một vết thương. Thế mà mỗi ngày cắt ba cân thịt mà còn đi được, thì kinh đó có vọng ngữ hay không? Có lừa đảo dối gạt người không?

Chúng ta nên đọc tiếp bài báo: *“Chuyện tưởng như đùa nhưng hoàn toàn có thật, xảy ra ngay tại vùng ngoại thành của thành phố Hồ Chí Minh”*.

Chị N.T.N ở Tân Phú Trung, Củ Chi. Theo chồng về sống ở xã Tân Thới Nhì, Hóc Môn, cuộc sống gia đình rất hạnh phúc với bốn mặt con. Năm 1987, một lần đi chợ Hóc Môn thì N gặp bà Tân, trước đây là một giáo viên dạy N học ở Tân Phú Trung. Bà Tân cho N biết, bà đang tu ở chùa Vạn Đức, hay còn gọi là chùa Ba Mẹ, ở thị trấn Hóc Môn. Từ đó, N thường xuyên lui tới chùa để nghe thuyết pháp. Năm 1988, đứa con

thứ năm chào đời được vài tháng thì N bỗng dương bệnh tâm thần, bỏ chồng con vào chùa ở luôn không về nữa. Một mình anh N.Đ.T, chồng N, phải gồng gánh nuôi năm đứa con thơ hết sức cực nhọc, nhất là bé mới sanh.

N đến làm công quả tại chùa, ban ngày làm mọi việc lật vật, tối nghe thuyết pháp. Ít lâu sau N được đưa lên chánh điện cầu nguyện để quên chồng con, vứt bỏ mọi vướng bận trần thế, ăn chay trường và sống kiếp tu hành. Cầu nguyện xong, N dùng dao chặt đứt một đốt ngón tay trở bên trái, rồi cầm tay đang chảy máu ròng chạy lên chánh điện hiến dâng một đốt ngón tay để tỏ sự thành kính và một lòng theo đạo. N được bà Thiện băng bó vết thương lại.

Nghe tin vợ chặt tay, anh T có mặt ngay chùa để hỏi rõ sự việc, thì được một phụ nữ trong chùa giải thích ngắn gọn “cúng dường”. Anh T kịch liệt phản đối, vì việc làm kỳ cục và hết sức dã man này. Nhiều lần T đến chùa năn nỉ vợ, kể cả la lối, đòi kêu C.A bắt, nhưng N vẫn kiên quyết không về nhà.

Sau đó, bà Thiện đưa N về chùa ở An Phú Đông để sống chung với bà. N phải nhổ cỏ, chăm sóc vườn cây ăn trái của con gái bà Thiện. Có một lần N thèm mận, nên đã lỡ ăn một miếng bánh mì kẹp thịt, khi ăn xong N giựt mình, vì đã vi phạm lời nguyện. Để chuộc lỗi lầm này, N dùng dao phay chặt thêm ngón tay út bên phải. Chính bà Thiện đã băng bó vết thương cho N.

C.A Hốc Môn phát hiện sự việc này, làm việc với N và không cho N ở chùa nữa. Tuy vậy, từ đó đến nay N cũng không sống chung với chồng con.

Đến năm 1998, N.V.V ngụ tại xã Tân Phú Trung, Củ Chi. Bỗng dưng lại bị nhức đầu, thay vì đến vịnh viện thì V lại đến chùa này đến chùa khác ở Củ Chi, Bình Dương, Đồng Nai để trị bệnh, nhưng không có kết quả. Nghe đồn ở thị trấn Hốc Môn có chùa Vạn Đức trị bệnh rất hay, nên V nhanh chân tìm đến nhờ giúp đỡ, hy vọng sẽ nhanh chóng khỏi bệnh.

V kể lại, thuốc chữa bệnh của chùa là chén nước lạnh. Trị bệnh xong, V ở chùa làm công quả, từ Củ Chi đến Hốc Môn khá xa, sáng đi chiều về rất mệt, nhưng V quyết tâm vượt qua để được đóng góp chút ít công sức cho chùa.

Ngày 16/02/1999 (mùng một tết). V đến làm công quả như thường lệ thì được bà Tâm trụ trì chùa khuyên bảo: “Phải về nhà tu tâm, ăn hiền ở lành và chịu khó nghe kinh thuyết pháp của chùa”.

Lúc 11 giờ ngày 03/03/1999, sau khi đi cắt lúa về nhà, V đứng trước tượng Phật Thích Ca được đặt tại nhà, đọc lời nguyện sẽ đi tu, không sống chung với vợ con nữa. Liền sau đó V đã dùng dao chặt đứt hai đốt ngón tay trở bên trái, chặt xong V tự băng bó vết thương. Hiện V đang sống chung với mẹ ruột, bỏ vợ cùng hai đứa con thơ.

Như trên, những bài kinh của Phật giáo phát triển đã tác động rất mạnh vào lòng tin của con người. Họ dám chặt tay, đốt ngón tay, hoặc chặt một lóng ngón tay cúng dường chư Phật để cầu pháp giải thoát.

Giải thoát đâu không thấy, chỉ thấy toàn là sự đau khổ, một sự ngu dại làm khổ mình, làm khổ những người thân và còn làm công không cho người khác, bị lừa đảo mà không biết.

Đối với tà giáo ngoại đạo, nếu chúng ta không đủ trí sáng suốt, minh mẫn, thì sẽ bị những lời đường mật lừa đảo như trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa, câu kinh này:

“Đầu mắt và thân thể”

“Điều ưa vui thích cho”

“Để cầu trí tuệ Phật”

Muốn đạt được trí tuệ giải thoát của đạo Phật, thì phải bố thí hay cúng dường thân thể hoặc một phần của thân thể, thì sẽ được trí tuệ giải thoát.

Do lời dạy này và những câu chuyện tiền thân đức Phật, hay những chuyện cổ tích về đạo Phật như: “Khi đức Phật còn là Bồ tát tu hạnh bố thí, Ngài đã thí thân cho cạp ăn... Thí thân cho cha mẹ ăn như thái tử Tu Xà Đề... Lấy thân làm một ngàn ngọn đèn thắp sáng để cầu pháp như Chuyển Luân Thánh Vương trong kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân... Chuyện cổ Phật giáo như Diệu Thiện (còn gọi là nàng công chúa Ba) bố thí mắt, tay để làm thuốc cho cha, gọi là báo hiếu của Phật giáo phát triển...”.

Những gương bố thí thân mạng để cầu pháp, để báo hiếu, đối với Đại thừa thì rất là tốt đẹp và cao thượng, nhưng lại xa rời thực tế và đạo đức làm người của Phật giáo Nguyên Thủy. **Nhất là Đại thừa không có đôi mắt nhân quả, nên thường tỏ ra những hành động anh hùng cá nhân nhưng vô minh, vô đạo đức với mình (tự làm khổ mình vì người).**

Đạo Phật không chấp nhận những điều này, chủ trương của đạo Phật là không làm khổ mình khổ người. Thế mà tin theo lời dạy của kinh sách phát triển, đã tự chặt tay, khoét mắt, đốt tay để cúng dường cầu pháp giải thoát, giải thoát đâu không thấy, chỉ thấy một sự khổ đau của mình. Đó là tự gieo ác pháp cho mình và còn làm khổ cho những người thân thương của mình.

Ngày xưa, ông Vô Nã nghe một vị Bà La Môn dạy: chặt được một ngàn ngón tay người thì chứng được đạo giải thoát. Tin lời dạy này, ông đã trở thành một hung thần, một ác quỷ giết người không gớm tay. Chặt tay người, xỏ râu thành chuỗi, chờ ngày giết cho đủ một ngàn người để chứng đạo. Đó là pháp môn ác đức, làm khổ người. Mạng sống con người trong kinh sách phát triển được xem như một chiếc áo, muốn ném bỏ lúc nào cũng được (chiếc thân huyễn mộng). Cái nhìn như vậy, tức là Phật giáo bị đồng hóa pháp môn ngoại đạo, nên làm khổ mình mà không biết, còn gọi là cầu chứng trí tuệ giải thoát. Vậy trí tuệ giải thoát sao lại ngu si để

chước lấy sự đau khổ đường này, biến thân thể mình thành người tàn tật?

Trong thời gian tu hành tại tu viện Chân Không, chúng tôi cũng có một vài huynh đệ chặt hoặc đốt ngón tay để cúng dường cầu pháp. **Nhưng đến nay đã 30 năm, chúng tôi nhìn lại những huynh đệ đó, đã không có sự giải thoát mà lại cơ thể nay đau, mai ốm, mà lại ốm những bệnh tật nan y.** Cuộc đời của họ vì tin giáo pháp phát triển và quyết tâm tìm đường giải thoát cho nên không tiếc thân mạng. Dám đốt ngón tay, dám chặt ngón tay như cô NTN, NVV, và còn rất nhiều người nữa, thật là có tâm cầu pháp giải thoát diên đại.

Những pháp môn gì mà đưa con người đến chỗ tật nguyên, cụt tay, cụt chân. Cha mẹ sanh ra không tật nguyên, đến giờ theo Phật giáo phát triển, người có quyết chí tu hành cầu giải thoát thì giải thoát đâu không thấy, chỉ thấy mình bị tàn tật. Thật là đau lòng!

Bởi tin theo lời Phật dạy như vậy, không ngờ đó là những lời của tà sư ngoại đạo, mạo nhận là lời Phật dạy để dễ bề lừa gạt người khác.

Những người không biết về kinh sách Đại thừa như các chú C.A thì cho đó là tà giáo ngoại đạo, còn những người có nghiên cứu kinh sách Đại thừa thì không thể lầm là tà giáo ngoại đạo. Họ biết rất rõ trong kinh sách Đại thừa dạy rất nhiều điều phi đạo đức, lừa đảo, lường gạt người; dạy những điều mê tín và hủy hoại một phần cơ

thể, cúng dường chư Phật để cầu pháp Tối Thượng thừa.

Từ ngày có Phật giáo truyền vào đất nước chúng ta, sự mê tín dân gian không bớt, mà lại có còn thêm những sự mê tín khác và những sự hy sinh vô nhân đạo đối với bản thân mình nữa.

Vô nhân đạo đối với mình là sự hủy hoại cơ thể mình, người vô đạo đức nhân quả là tự làm khổ mình. Xưa kia, tổ Huệ Khả chặt cánh tay, sư Trừng Quán chặt ngón tay, gần đây có các Thầy như P.T, P.D. Và gần đây nhất là báo công an đã đăng tin, có một số người ở chùa Vạn Đức Hóc Môn đã chặt ngón tay.

Hủy hoại cơ thể để được những gì, hay đã tự làm khổ mình. Và sự tu tập như vậy đã đi ngược lại với đạo Phật. Đạo Phật chủ trương: Khi vào đạo là không làm khổ mình, khổ người, tức là giải thoát. Cớ sao đi tu lại làm khổ gia đình, vợ con hay chồng con, mà gọi là đi theo Phật? **Đi theo Phật sao làm khổ mình, khổ người, mà lại chính làm khổ những người thân thương của mình, thì Phật nào chấp nhận cho quý vị tu hành như vậy.**

Chỉ có kinh sách phát triển dạy người tu hành để được phước báo giải thoát, nhưng phước báo giải thoát đâu không thấy, mà chỉ thấy sự đau khổ của mình, như trong bài báo chúng ta đã đọc ở trên.

Hiện giờ trong đất nước chúng ta, thỉnh thoảng nghe báo chí đăng tin vị giáo chủ này đến

vị giáo chủ kia dạy nhiều loại pháp mê hoặc và lừa đảo người khác, như giáo chủ Pháp Hoa, giáo chủ Long Hoa Hội, giáp chủ Chân Không, sư Bán Khoai, sư Bán Chiếu, sư Mỏ Cày, v.v...

Xét lại thì các giáo phái này chịu ảnh hưởng kinh sách phát triển mà sinh ra.

Giáo phái chặt hoặc đốt ngón tay để cúng dường một phần thân thể của mình cầu pháp, thì trong kinh sách phát triển gọi những người dám cúng dường như vậy là bậc đại Bồ tát.

Vì những danh từ ca ngợi rất cảm dỗ của kinh sách phát triển, nên khiến cho người ta dám chịu đau khổ, hy sinh thân mạng và bỏ cả vợ con hoặc chồng con. Họ làm như vậy mà không thấy rằng họ là những người không có đạo đức, không có đạo đức với chính họ và với những người thân. Họ là những người vô minh, mù quáng, đã tự làm khổ mình, khổ người. Người tu hành như vậy không thể gọi là người tu theo Đạo giải thoát được.

Đọc qua các kinh sách Phật giáo phát triển chúng ta thấy rất rõ ràng. Phật giáo phát triển chỉ là một giáo pháp hỗn tạp, góp nhặt và lượm lặt những tướng tri của loài người từ Đông sang Tây làm giáo pháp của mình. Tưởng là hòa đồng hay là tổng hợp giáo pháp của ngoại đạo như vậy là cao siêu, là cao thượng. Nhưng nào ngờ, giáo pháp ấy là một thứ rác bã trong các thùng rác, giáo pháp ấy giống như chiếc áo vá nhiều thứ vải.

Nên khi đức Phật ra đời và truyền đạo, Ngài đã căn dặn chúng ta: ***“Chớ có tin... Chớ có tin... v.v... Mà hãy tin những gì có lợi ích cho mình, cho người, mà hãy tin những gì đừng làm khổ mình, khổ người”.***

(Trích ĐVXP tập 7)



NHỮNG KINH SÁCH ĐẠI THỪA LUẬN VỀ PHẬT TÁNH, GIÁC TÁNH THÌ KHÔNG PHẢI PHẬT THUYẾT

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Thiên tông gọi Phật tánh, Phật tánh có phải là ý thức hay không?*

Công án thiên có câu chuyện thiên ngữ: “Con chó có Phật tánh không?”, nếu có Phật tánh, tại sao lại chui vào cái dĩa da bần thử để làm gì cho khổ? Cầu mong Thầy chỉ dạy cho con được rõ.

Đáp: Câu này có hai câu hỏi, nhưng rất liên hệ với nhau (tuy hai mà một).

Câu hỏi một, trong tất cả kinh sách Đại thừa đã xác nhận ý thức không niệm thiện, niệm ác là “Phật tánh”. Kinh Kim Cang dạy: “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm, Bồ tát độ hết chúng sanh thì

thành thật”, kinh Thủ Lăng Nghiêm dạy: “Tánh thấy, tánh nghe, tánh biết và chủ, khách”, kinh Pháp Bảo Đàn dạy: “Chẳng niệm thiện ác bản lai diện mục hiện tiền”, v.v... Tất cả đó là chỉ cho ý thức chẳng khởi niệm, kinh sách Đại thừa và Thiền tông cho trạng thái đó là “Phật tánh”.

Công án “Con chó có Phật tánh không?” là của thiền sư Triệu Châu. Một hôm, có một thiền tăng đến hỏi Ngài: “Con chó có Phật tánh không?”. Ngài đáp: “Có”. Vị thiền tăng lấy làm lạ hỏi lại: “Có Phật tánh tại sao nó lại chui vào đống phân cho khổ”.

Phật tánh là một “tánh giác”, tánh giác là tánh sáng suốt, không có si mê, thế mà không sáng suốt lại chui vào đống phân uế trước, hôi thúi. Nếu theo ý thức phân biệt thì đây là một điều vô lý hết sức.

Cách thức lập công án của Thiền tông như trên khiến cho người ta bật đường suy nghĩ; bật đường suy nghĩ thì ý thức không hoạt động; ý thức không hoạt động thì niệm thiện, niệm ác không có; niệm thiện ác không có thì Thiền tông và kinh sách Đại thừa cho trạng thái đó là Phật tánh. Mục đích câu công án trên giúp cho người tu thiền không suy tư được, để nhận ra (gọi là “ngộ”) trạng thái này mà thành Phật, “kiến tánh thành Phật”.

Ngược lại, trong kinh sách Nguyên Thủy Phật dạy: Ý thức thanh tịnh (chẳng niệm thiện ác) không liên hệ năm căn (vô phân biệt) thì hành

giả rơi vào Không Vô Biên Xứ định, một loại định tướng vô sắc của ngoại đạo trong bốn loại định tướng. Thời đức Phật, Ngài đã được ngoại đạo dạy và đã thực hiện được các loại định này đến nơi đến chốn, nhưng không tìm thấy có sự giải thoát gì trong đó, và cũng không tìm thấy “Phật tánh” ở đâu, nên Ngài bỏ các pháp môn này, trở lại lộ trình Tứ Thánh Định. Đức Phật đã xác định chỗ không niệm thiện, niệm ác không phải là Phật tánh, mà là Không Vô Biên Xứ định tướng. Các nhà Đại thừa và thiền Đông Độ đã lầm lạc ở trạng thái này, nên đã dựng nó thành “Phật tánh”, “thần thức”. Bồ Đề Đạt Ma gọi là “tâm”, lục tổ Huệ Năng gọi là “bản lai diện mục”.

Khi tu đến đây, các thiền sư Trung Hoa và các thiền sư Trúc Lâm Yên Tử (Việt Nam) sau này không chấp nhận: “Vô tâm còn cách một lớp rào”. Họ lấy tướng thức làm Phật tánh, vượt qua trạng thái Không Vô Biên Xứ định tướng, nhập vào Thức Vô Biên Xứ định tướng. Ở trạng thái này, họ thấy (tướng) các pháp chỉ là “một”, chớ không hai (bất nhị), nên trong Thập Mục Ngưu Đồ gọi là “Phản bốn hoàn nguyên”, hoặc còn gọi là “Bản thể vạn hữu”. Bà La Môn giáo cho đó là “Đại Ngã”, kinh sách Nguyên Thủy Phật giáo cho đó là “Thức Vô Biên Xứ Tướng”.

Như vậy, Phật tánh chỉ là ý thức không niệm thiện, niệm ác. **Nếu Phật tánh có thật đi nữa, mà không làm chủ sanh, già, bệnh, chết, không chấm dứt được sự luân hồi tái sanh,**

thì chúng ta cũng ném bỏ như đức Phật đã ném bỏ các pháp ức chế thân tâm và bốn định Vô Sắc Tưởng của ngoại đạo, như ném bỏ một chiếc giày rách.

Trong thế kỷ thứ hai mươi, Thiên tông đã phát triển cao độ, người tu theo có hàng vạn triệu, nhưng nhìn lại ai là người đã tu tập thiền định này mà đã làm chủ sanh, già, bệnh, chết, chứ chỉ có đạt được trạng thái tĩnh lặng và khinh an cùng một số ngôn ngữ đối đáp lý luận, và trực giác biết chuyện quá khứ, vị lai của người khác, tu được như vậy để làm gì?

Thưa quý vị! Điều này quý vị cần suy ngẫm kỹ, thời gian là thước đo của sự xác chứng nghiêm chỉnh về sự chứng đắc của loại thiền định này. Riêng chúng tôi có nói gì xin quý vị đừng tin, mà hãy tự xét, tự kiểm lại mình trên bước đường tu tập.



Hỏi: *Kính bạch Thầy! Kinh Thủ Lăng Nghiêm dạy: Mỗi chúng sanh đều có Phật tánh, Phật tánh tức là tánh giác, tánh giác ấy ban đầu diệu dụng sáng suốt, không có vật gì sánh bằng, nhưng do niệm vô minh mà theo nghiệp báo luân hồi. Vậy con không hiểu, lý do gì mà sự sáng suốt không còn hạn chế đó lại trở thành vô minh, xin thầy dạy rõ cho chúng hiểu ý sâu mâu này?*

Đáp: Kinh Thủ Lăng Nghiêm là kinh phát triển của Đại thừa, do người sau viết ra mạo nhận

là Phật thuyết, nên lối lý luận thiếu chân thật, không logic, thường mâu thuẫn, v.v...

Kinh này chỉ dạy cho chúng ta thấy Phật tánh thường hằng sáng suốt từ vô thủy cho đến nay. Tất cả chúng sanh từ loài côn trùng, cầm thú đến loài người đều có, nhưng có mà ngu như con bò, nên thường chịu khổ từ kiếp này sang kiếp khác. Thật buồn cười cho loại kinh sách xảo ngôn, nhưng xét cho cùng chúng ta thấy rất nhiều cái sai trong kinh này như:

Tánh nghe, tánh thấy, tánh biết, những tánh này thường hằng bất biến, thường nghe, thường thấy, thường biết, đó là cái sai thứ nhất. Khi một người đang ngủ, cũng như một bệnh nhân đang gây mê để giải phẫu thì tánh nghe, tánh thấy, tánh biết có còn nghe, thấy, biết nữa hay không? Hay nó đã ngủ, đã mê không còn biết như thân tứ đại của nó vậy?

Phật tánh này đã có từ vô thủy diệu dụng sáng suốt không gì bằng, đó là cái sai thứ hai. Tại sao sáng suốt (tánh giác) mà bây giờ lại mê lầm để đến nỗi sanh làm chúng sanh, trôi lăn trong sáu nẻo luân hồi chịu biết bao nhiêu trong sự khổ đau sanh, già, bệnh, chết từ kiếp này đến kiếp khác. Đã nói là “tánh giác” thì có cần gì đến đức Phật Thích Ca giảng dạy kinh Thủ Lăng Nghiêm này, nó cũng vẫn phải biết tánh thấy, tánh nghe, tánh biết của nó, vì nó là tánh giác. Có sao phải đợi đến đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết kinh Thủ Lăng Nghiêm thì chúng sanh

mới biết, thì như vậy làm sao gọi là tánh giác có từ vô thủy cho đến nay. Vả lại, tất cả chúng sanh đều có tánh giác, nhưng sao tánh giác lại ngu si quá vậy, luôn luôn làm khổ mình, khổ người, tạo biết bao nhiêu quả khổ từ đời này sang đời khác. Thế mà họ gọi là tánh giác có từ muôn đời ngàn kiếp, như vậy cái tánh giác này (Phật tánh) có còn giác tánh hay không?

Kinh Thủ Lăng Nghiêm dạy: “Cái thể bản lai thanh tịnh bồ đề niết bàn, thì như hiện nay cái tính bản minh thức tỉnh của ông (A Nan) sinh ra cái duyên mà lại bị bỏ rơi. Do các chúng sanh bỏ rơi cái bản minh ấy nên tuy cả ngày sống trong tính bản minh mà không tự giác, oan uổng vào trong lục đạo”.

Đọc đoạn kinh này ta thấy hết sức vô lý và mâu thuẫn, dù cho lời này là Phật Thích Ca Mâu Ni nói thì chúng ta cũng không chấp nhận mà tin được, huống hồ là Tổ nói. Người ta cứ nghĩ rằng cái gì của Phật, Tổ, Tiên, Thánh nói ra là đúng cả.

Đâu phải vậy, đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã dạy chúng ta: ***“Cái gì ta nói cũng đừng nên tin, mà hãy suy ngẫm cho kỹ, cái đó có mang đến sự an vui chân thật cho mình, cho người hay không rồi mới tin”***. Đó không phải là đức Phật đã xác quyết lòng tin của chúng ta phải được ở nơi trí tuệ sáng suốt của mình, khi hành động của chúng ta tiếp xúc với các pháp mà kết quả đúng với đạo đức không làm khổ mình, khổ

người thì mới chấp nhận, còn ngược lại thì không chấp nhận.

Người tu sĩ đạo Phật nhờ tri kiến giải thoát tức là Chánh Niệm Tỉnh Giác, chứ không phải là tri kiến giải thoát là tánh giác như trong kinh Đại thừa đã dạy.

Tri kiến cái gì ở đây để được giải thoát? Và giải thoát cái gì? Tri kiến giải thoát có hai cách:

- Thứ nhất là tri kiến duyên “sinh”, sinh tức là các pháp, tri kiến tức là biết rõ, nghĩa là biết rõ các pháp “Vô thường, khổ, không, vô ngã”, biết rõ các pháp như vậy, đồng thời dùng sức tỉnh thức để không bị lôi cuốn, chìm đắm, dính mắc trong các pháp. Do đó mới gọi là vô lậu, giải thoát, mới gọi là làm chủ được sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi.

- Thứ hai là tri kiến “luật nhân quả thiện ác” để ngăn ác, diệt ác pháp, khởi thiện, tăng trưởng thiện pháp. Nên tâm ly, dục ly ác pháp nhập Sơ Thiền. Tâm ly dục ly ác pháp nhập Sơ Thiền là tâm đã thanh tịnh, tức là tâm không phóng dật. Tâm không phóng dật tức là tâm đã nhập Bất Động Tâm định. Tâm nhập Bất Động Tâm định là tâm vô lậu, người mà tâm vô lậu là người có tri kiến giải thoát hoàn toàn.

Cho nên, tri kiến giải thoát của đạo Phật là Chánh Niệm tỉnh thức trong Bất Động Tâm định, do sự tu tập tỉnh thức và huân tập pháp như lý tác ý để khắc phục tâm tham ưu mà có, chứ

không phải là tánh giác như trong kinh sách phát triển dạy.

Trong kinh phát triển dạy tánh giác đã có sẵn từ vô thủy mà bây giờ lại mê lầm, vô minh, u mê tạo nhiều nhân ác, thọ nhiều sự khổ đau, chịu tái sanh luân hồi muôn kiếp, thì có vô lý hay không? Quý vị hãy suy ngẫm về kinh này, có đáng tin thì quý vị tin, còn bằng không thì quý vị đem đốt sạch, đừng để những loại kinh này chẳng ích lợi gì.

Ví dụ: có một người đã thi đỗ Tiến sĩ và ông cũng không bị một bệnh thần kinh, nhưng bỗng dưng bây giờ ông ta quên hết, giống như một người chưa từng đi học, việc này như vậy có thể xảy ra hay không? Chắc hẳn không bao giờ có, phải không quý vị?

Như chúng tôi đã từng tu tập và học hỏi giáo pháp của đức Phật. Ngài đã dạy: từ vô minh sanh hành, hành sanh thức và tiếp tục sanh khởi các duyên, do các duyên hành thức tạo ra các pháp, từ các pháp sanh, diệt, vô thường đưa đến những sự đau khổ, ưu bi, phiền não, sanh, già, bệnh, chết và tiếp tục tái sanh luân hồi.

Muốn chấm dứt sự khổ đau của kiếp làm người thì phải đoạn diệt vô minh, mà vô minh được đoạn diệt tức là phải có “minh”. **Minh ở đây tức là trí tuệ tri kiến giải thoát, trí tuệ tri kiến giải thoát là một sự tu tập mà có, chứ không phải tánh giác có sẵn.**

Ngược lại, trong kinh Đại thừa cho tánh giác là có sẵn, tánh giác đã có sẵn mà lại còn đi tìm tánh giác thì có vô lý hay không?

Một nhà bác học đã học và thông suốt mọi điều, bây giờ ông ta còn cấp sách đến học những điều ông ta đã thông suốt đó, thì đó có phải là một việc làm vô ích và vô lý hay không? Xin quý vị vui lòng suy ngẫm, đừng vội nghe chúng tôi nói mà tin.

Kinh Thập Nhị Thập Duyên dạy rất rõ ràng: ***“Con người sinh ra từ vô minh, nên lầm chấp dính mắc các pháp tạo ra một thế giới đau khổ” (mười hai nhân duyên hợp lại thành thế giới đau khổ)***, chớ không có một Phật tánh, một tánh giác, một Bản lai diện mục nào ngu si đến mức độ không tưởng tượng được, nhằm chỗ bất tịnh, ô trược, bẩn thỉu, hôi thúi mà lại chui vào để tái sanh luân hồi. Như vậy mà kinh phát triển gọi tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, tánh giác từ vô thủy thì chúng ta có tin được không?

Đạo Phật rất thực tế, không xây dựng thế giới siêu hình. Con người chết là mất hết không có linh hồn, thần thức; không có Bản lai diện mục, Phật tánh nào cả, chỉ còn lại những hành động nhân quả thiện ác đã huân tập nhiều năm, tháng, nên đã trở thành nghiệp lực, nghiệp lực ấy là vô minh hoàn toàn. Cho nên mọi người sanh ra trên trái đất này, ngay kể cả đức Phật cũng đều là vô minh.

Xưa, đức Phật đã làm khổ mình, khổ những người thân của mình. Một bằng chứng hiển nhiên khi Ngài bỏ ngai vàng, cha già, vợ trẻ, con thơ, đã khiến cho những người này khổ đau vô cùng, sáu năm khổ hạnh không phải là Ngài đã tự làm khổ mình sao?

Từ vô minh sanh khởi các hành, các hành mới sanh ra thức, chứ không phải có cái này từ đâu mà đến đây được, cũng không phải nó có sẵn. Trong kinh A Hàm đức Phật đã dạy: *“Nếu còn một chút xíu thức như đất trong móng tay ta thì con người không giải thoát và đạo Ta không ra đời”*.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm đã lừa đảo mọi người: tánh biết, tánh thấy, tánh nghe, những tánh này là thường, lạc, ngã, tịnh, nó luôn luôn có trí tuệ diệu dụng, hằng giác, sáng suốt vô hạn, thế mà lại chui vào dẫy da hôi thúi. Thiền sư Triệu Châu trả lời cho một thiền tăng hỏi đạo: “Biết mà cố phạm”. Xưa, đức Phật cho những luận thuyết này là những loại luận thuyết trườn uốn như con lươn.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm dạy câu này thật là vô lý: *“Do các chúng sanh bỏ rơi cái bản mình ấy, nên tuy cả ngày sống trong tánh bản mình mà không tự giác”*. **Xin hỏi cái tánh bản mình của chúng sanh với chúng sanh là một hay là hai?** Nếu bảo rằng một thì làm sao gọi là bỏ rơi? Nếu bảo rằng là hai tức là có cái mình và cái vô mình, nhưng cái mình đã có từ vô thủy thì làm

sao cái vô minh lại xen vào được. Đó là một điều hết sức vô lý của kinh sách phát triển.

Theo đạo Phật, cái vô minh đã có sẵn từ vô thủy vì nó là nghiệp lực, do sự tu tập của chúng ta đúng chánh pháp mới lần lần vén sạch màn vô minh, tức là đập phá và diệt sạch nghiệp lực, nên gọi là minh.

Trong Thập Nhị Nhân Duyên, chúng ta không thấy đức Phật dạy có duyên minh bao giờ, minh mà có được là do sự tu tập. Vì vậy, tánh giác không thể có từ vô thủy được.

Vô minh và minh như đêm và ngày, cái này có thì cái kia không, cái này không thì cái kia có. Do đó nói có sẵn là không đúng, cũng như người có học thì mới biết chữ, không học thì không biết.

Trong câu kinh Thủ Lăng Nghiêm này cũng cho chúng ta thấy chúng sanh và Phật tánh là hai chứ không phải là một, do Phật tánh mê nên mới thành chúng sanh, nhưng Phật tánh sao lại mê được? đó là một sự mâu thuẫn rõ ràng. Kinh này dạy Phật tánh hằng giác, hằng sáng suốt từ vô thủy, lẽ đâu lại mê muội mà thành chúng sanh?

Kinh Đại thừa còn dạy: “Mê là chúng sanh, giác là Phật”. Câu này đã xác định “chúng sanh tánh có trước Phật tánh” rất rõ ràng, vì chúng sanh mê muội nên phải tu tập mới lần lần giác ngộ thành Phật, cho nên Phật có sau chúng sanh. Câu kinh này đúng theo lời dạy của đức Phật đã

dạy. Như vậy, kinh sách phát triển lập luận không nhất quán. Vì vậy, xét ra chúng ta không thể hoàn toàn tin rằng kinh sách Đại thừa là Phật thuyết.

Vả lại, chúng ta chưa từng chứng kiến một vị Tổ nào tu theo Đại thừa mà thành tựu sự giải thoát sanh, già, bệnh, chết, chỉ có những câu chuyện huyền thoại tự tại sanh tử trong kinh sách phát triển mà thôi.

Đức Phật đã từng dạy: “Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành”, từ chúng sanh tu tập thành Phật, chứ không phải Phật đã có sẵn trong chúng sanh thì chúng sanh đâu cần gì phải tu. Nếu vị Phật đó đã có sẵn trong chúng sanh thì vị Phật đó quá vô minh, sao gọi là tánh giác được? Nếu vị Phật đó đã sẵn trong chúng sanh thì Thầy tổ và chúng ta hôm nay đâu cần gì ngồi thiền, niệm chú, bất ấn, niệm Phật, tụng kinh, bái sám, v.v... Nếu vị Phật đó đã có sẵn trong chúng sanh thì chắc thế gian này không có con người sanh ra đời, vì kinh Phật đã dạy: “Cảnh giới Ta Bà khổ! Ta Bà khổ!”.

Tánh giác này hay là Phật tánh thì không bao giờ có trong đạo Phật, đó chỉ là một sự tưởng tượng của các nhà Đại thừa, khi họ tu tập lạc vào tưởng định, phát triển tưởng tuệ, nên tưởng giải ra Phật tánh, tánh giác, tánh thấy, tánh nghe, tánh biết, v.v... Từ đó mới có những loại kinh sách tưởng. Trước khi đức Phật ra đời cũng đã có những loại kinh sách này, nhưng không giúp gì

cho loài người mà còn làm cho loài người khổ thêm. Khi đức Phật ra đời mới bài bác sáu mươi hai luận thuyết của ngoại đạo, và đập phá tan tành thế giới siêu hình để giúp cho con người thoát ra khỏi những tà đạo, bàng môn lừa đảo này.



Hỏi: *Kính bạch Thầy! Sau khi đọc kinh Viên Giác, thấy có một đoạn kinh nghi ngờ, con xin nghi chép ra đây để Thầy dạy cho chúng con hiểu: “Này thiện nam! Đây là 25 pháp tu của Bồ tát. Vậy các Bồ tát phải y theo đây mà tu hành.*

Nếu các Bồ tát hiện tại và chúng sanh đời sau, muốn y theo 25 pháp môn này mà tu hành, thì phải giữ giới thanh tịnh, tâm suy nghĩ vắng lặng và phải trải qua 21 ngày thành tâm sám hối, rồi viết 25 pháp môn này vào mỗi miếng giấy, niêm lại kỹ, để trên bàn thờ Phật và chí tâm cầu khẩn, rồi tùy tay hành giả rút một miếng giấy, khi mở ra xem thì hành giả sẽ biết trình độ của mình tu pháp Đốn hay Tiệm. Song nếu hành giả một niệm nghi ngờ, thì chẳng thành tựu”.

Kính thưa Thầy, thấy trong kinh dạy làm như vậy chẳng khác nào như bói toán, làm một việc cầu may. Đây có phải kinh Viên Giác dạy làm một việc mê tín không thưa Thầy? Thấy kinh dạy như vậy tâm chúng con sinh ra nghi ngờ, mong Thầy giải nghi cho chúng con.

Đáp: Đến với câu hỏi này thì đã có một cư sĩ ở miền Bắc nhận ra kinh này là đã dạy điều mê tín, kinh mà dạy điều mê tín là tà kinh chứ không thể là chân kinh.

Kinh Viên Giác không phải kinh sách Phật thuyết mà do các Tổ thuyết, nhưng các Tổ khôn khéo gán cho Phật thuyết để dễ lừa đảo tín đồ Phật giáo. Còn tín đồ Phật giáo cũng dễ tin tưởng là tất cả kinh đều do Phật thuyết, vì kinh sách Đại thừa tập kinh nào cũng bắt đầu bằng câu: “Như thị ngã văn nhất thời Phật tại Xá Vệ Quốc, kỳ thọ Cấp Cô độc viên dũ...”, chỉ nội câu này cũng đủ lừa đảo người khác rồi.

Kinh sách Đại thừa nào cũng có hai phần:

1- Dụ dỗ.

2- Hăm dọa.

Đầu kinh thì dụ dỗ như kinh Pháp Hoa dạy:

“Dù cho tội hơn núi cả

Diệu Pháp Liên Hoa tụng mấy dòng”

Cuối kinh thì hăm dọa: “*Ai chê kinh Pháp Hoa và làm náo loạn người nói pháp thì đầu sẽ bể làm bảy mảnh như quả A lê*”.

Lần lượt quý vị đọc kỹ lại kinh sách phát triển sẽ thấy rõ bộ mặt dụ dỗ, hù dọa, trêu tượng, lừa đảo, lường gạt, mê tín, phi đạo đức, v.v...

Kinh Viên Giác là một loại sách của các Tổ đã lấy ý Chân Không của ngài Long Thọ rồi dùng danh từ Viên Giác để che mắt tín đồ.

Những điều con hỏi là đúng sự thật, kinh này dạy bói khoa là một điều mê tín. Những kinh sách phát triển mê tín, lừa đảo này không đáng cho người phật tử tin cậy. Từ lâu quý vị đã lầm lạc không hiểu, hôm nay đã hiểu thì quý vị hãy từ bỏ, xa lìa nó như từ bỏ, xa lìa một bệnh truyền nhiễm.

(Trích ĐVXP -4-58-62 Tập 8, 326-320 và 9-23)



**NGƯỜI TU THEO PHẬT
PHẢI TU ĐÚNG PHÁP,
ĐÚNG CÁCH, ĐÚNG CĂN CỐ,
ĐẶC TƯỚNG, VÀ PHẢI BIẾT
NHỮNG LOẠI KINH SÁCH NÀO
MÊ TÍN, KHÔNG PHẢI
CỦA ĐỨC PHẬT THUYẾT**

***Hỏi:** Kính bạch Thầy! Đạo Phật chủ trương phải tự cứu mình, tức là phải dùng sức tự lực của bản thân để ly dục, ly ác pháp, không làm khổ mình, khổ người và khổ muôn loài chúng sanh, giải thoát sanh tử khổ đau luân hồi của kiếp người. Vậy thì tại sao lại có các loại kinh Thủy Sám, Lương Hoàng Sám, Pháp Hoa, A Di Đà, Địa*

Tạng, Vu Lan Bồn... dạy toàn tha lực, tức là lo tụng niệm van xin chư Phật, chư vị Bồ tát, Thiên long bát bộ, Hộ pháp già lam, chư vị thiện thần gia hộ cho tai qua nạn khỏi, bệnh tật tiêu trừ hoặc tiếp dẫn hương linh về cõi Cực Lạc Tây Phương của đức Phật A Di Đà. Như vậy có quá mâu thuẫn không thưa Thầy, xin Thầy vạch rõ chỗ đúng sai để chúng con được biết.

Đáp: Kinh sách Đại thừa phát triển là kinh sách chịu ảnh hưởng của Bà La Môn giáo, nhất là chịu ảnh hưởng của kinh sách Vệ Đà thuộc về tư tưởng văn minh Ấn Độ, nhưng khi truyền sang qua các nước lân cận thì nó lại tiếp thu những sự mê tín và lạc hậu của dân tộc các nước khác, nên kinh sách Đại thừa là một loại kinh sách tập hợp nhiều tư tưởng và những phong tục tập quán của con người. **Có thể gọi kinh sách này là kinh sách bị thế tục hóa, có nghĩa là khi nó truyền vào một thời kỳ nào của xã hội thì nó bị đồng hóa với xã hội đó.**

Ví dụ: Kinh sách này truyền vào gặp thời phong kiến thì nó bị đồng hóa với thời phong kiến. Với tư bản thì nó bị đồng hóa với tư bản; với khoa học thì nó bị đồng hóa với khoa học.

Kinh sách Đại thừa không có một đường lối riêng biệt, mà chỉ là một sự vay mượn, một chiếc áo chấp vá nhiều miếng vải. Cho nên nó chẳng có gì đặc biệt cả, chỉ nhai lại đờm dãi của kẻ khác, nhưng muốn nuốt cho trôi đờm dãi đó, nó đã khéo dùng những danh từ để làm cho người khác khó

nhận ra, tưởng đó là một giáo lý mới mẻ. Nhưng không ngờ, những người hiểu biết đã thấy rõ nó đi giẫm lại lối mòn của người xưa.

Vì thế, những danh từ Lương Hoàng Sám, Thủy Sám, Pháp Hoa, Viên Giác, Thủ Lăng Nghiêm, A Di Đà, Địa Tạng, Vu Lan Bồn, Bát Dương, Thập Vương, Lăng Già, Hoa Nghiêm... Tất cả những loại kinh sách này là tư tưởng của ngoại đạo chứ không phải của Phật giáo, mà đã không phải của Phật giáo thì làm sao chúng ta cho Phật giáo có mâu thuẫn với Phật giáo được.

Chúng ta chỉ cần biết kinh sách này không làm lợi ích cho con người, nó chỉ là một mảnh khước lừa đảo con người làm những điều phi đạo đức và rất tai hại cho con người.



Hỏi: *Kính thưa Thầy! Thầy dạy chúng con hằng ngày phải tu cho đúng pháp, đúng cách, đúng căn cơ đặc tướng của mình, song chúng con chưa thấu triệt lắm, kính mong Thầy chỉ dạy cho chúng con để được thâm hành Phật pháp, và giải thoát thân tâm.*

Đáp: Muốn tu tập đúng pháp, đúng cách, đúng căn cơ đặc tướng, thì phải như thế nào?

Chúng ta nên chia vấn đề này làm ba phần:

- 1- Đúng pháp.
- 2- Đúng cách.
- 3- Đúng căn cơ đặc tướng.

I/ ĐÚNG PHÁP:

Sau khi nghiên cứu tường tận biết rõ pháp môn nào là của Phật, pháp môn nào không phải của Phật.

Ví dụ:

1- Pháp môn của Phật là pháp xả tâm, chứ không phải là pháp môn ức chế tâm.

2- Pháp môn của Phật là pháp môn vô ngã ác pháp, hữu ngã thiện pháp.

3- Pháp môn của Phật là pháp môn ngăn ác, diệt ác pháp, sanh thiện, tăng trưởng thiện pháp.

4- Pháp môn của Phật là pháp môn toàn thiện.

5- Pháp môn của Phật là một pháp môn đạo đức nhân bản, không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh.

6- Pháp môn của Phật là một pháp môn huấn luyện tâm, rèn luyện tâm, như lý tác ý.

7- Pháp môn của Phật là một pháp môn dùng để dẫn tâm vào đạo đức làm người.

Nếu các con biết rõ đúng pháp thì sẽ tu tập đúng pháp. Ngoài bảy sự hiểu biết trên đây là đúng về Phật pháp, còn lại là sự hiểu sai, hiểu sai Phật pháp tức là tu sai, tu sai thì phí công vô ích mà còn tạo thêm gánh nặng cho phật tử (tín đồ) cúng dường.

Cho nên, trước khi tu thì phải nghiên cứu cho tường tận lời dạy của đức Phật rồi mới tu.

II/ ĐÚNG CÁCH:

Tu tập đúng cách tức là tu tập xả tâm, xả tâm đúng cách tức là khéo léo thiện xảo, tu tập đúng cách là không bao giờ ức chế tâm.

Tu tập đúng cách là phải biết pháp nào tu trước, pháp nào tu sau...

Ví dụ:

Như pháp Tam Vô Lậu Học thì giới luật phải tu trước. Sau khi tu Giới Luật xong, nghĩa là sống đúng giới luật không có vi phạm một lỗi nhỏ nhất nào thì mới tu tập thiền định, còn vi phạm giới luật dù là một giới rất nhỏ thì cũng còn phải tu giới luật trở lại, chứ không được tu thiền định, chừng nào giới luật thanh tịnh thì mới bắt đầu tập tu Thiền Định. Sau khi nhập xong Tứ Thiền thì mới bắt đầu tu Trí Tuệ, thiền định chưa xong mà vội tu trí tuệ là tu sai, tu như vậy trở thành tướng tuệ chứ không phải là trí tuệ.

Cũng như tu tập Tứ Thánh Định thì phải tu tập Sơ Thiền trước tiên, sau khi Sơ Thiền được sung mãn thì mới tu tập Nhị Thiền, sau khi Nhị Thiền được sung mãn thì mới tu tập Tam Thiền, sau khi Tam Thiền được sung mãn thì mới tu tập Tứ Thiền.

Nếu chúng ta tu tập không đúng cách thì cũng giống như con bò, chân trước chưa bước mà chân sau đã bước thì con bò không thể nào đi được. Cũng giống như vậy, người tu sĩ đạo Phật giới luật chưa nghiêm trì mà tu thiền định thì chẳng bao giờ có thiền định được, thiền định của những

người tu sĩ phạm giới là thiên định tướng. Đó là những người tu không đúng cách.

III/ TU TẬP ĐÚNG CĂN CƠ ĐẶC TƯỚNG:

Nếu tu tập không đúng căn cơ của mình thì cũng giống như người nhạc sĩ lên dây đàn, căng quá thì đứt dây, chùng quá thì không thành tiếng. Do đó, khi tu hành chúng ta phải biết căn cơ của mình. Vậy muốn biết căn cơ của mình thì phải biết như thế nào?

Căn cơ của chúng ta thể hiện qua nhân tướng và hành tướng. Vì thế, khi tu tập chúng ta nên tu tập theo nhân tướng và hành tướng tự nhiên của mình.

- Ví dụ:

Hành tướng ngoại tự nhiên của mình đi chậm, khi tu tập thì phải theo hành tướng đi chậm mà tu, không được đi nhanh, cũng không đi quá chậm. Khi hành tướng tự nhiên của mình đi nhanh thì tu tập không được đi chậm, hoặc quá chậm hoặc quá nhanh, phải đi với tướng tự nhiên của mình.

Hành tướng nội tự nhiên của mình khi hơi thở chậm thì nên tu tập theo hơi thở chậm, hơi thở nhanh thì nên tu tập theo hơi thở nhanh, không nên hơi thở chậm mà khi tu tập thì lại thở nhanh, cũng như hởi thở nhanh mà khi tu tập thì lại thở chậm, tu như vậy không tự nhiên. Không tự nhiên thì có sự ức chế, mà có sự ức chế thì có chướng ngại pháp, có chướng ngại pháp thì không

có giải thoát ngay liền, không có sự giải thoát ngay liền là tu sai pháp Phật, tu sai pháp Phật tức là tu theo pháp môn của ngoại đạo.

Nhân tướng là hình dáng cơ thể, có người có nhân tướng cao, nhưng cũng có người có nhân tướng thấp, người đẹp, người xấu, người trắng, người đen, người mập, người ốm, người mặt dài, mặt ngắn, mặt vuông, mặt chữ điền, mặt bầu, mặt tròn... Tất cả mọi hình tướng khác nhau đều gọi là nhân tướng.

Người tu theo đạo Phật không nên vì nhân tướng mà tu tập hay ước mơ có một nhân tướng đẹp như Phật, 32 tướng tốt tám mươi vẻ đẹp. Ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp có còn đâu, khi đức Phật nhập Niết bàn chỉ còn lại một nắm xương vụn bất tịnh thiêu chưa cháy hết.

Mục đích của đạo Phật là tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ chứ không phải là tướng tốt. Dưới đôi mắt của Phật thì nhân tướng của con người chỉ là tứ đại duyên hợp, bất tịnh, uế trước, không có đáng cho chúng ta quan tâm. Nhưng trong khi tu tập chúng ta phải biết sử dụng nó như một con ngựa để đi đường xa vạn dặm. Vì thế, chúng ta phải biết cách khi thì dụ dỗ khi thì ra lệnh, chứ không bắt ép nó tu tập nhiều thì cũng không tốt, mà tu tập ít thì cũng không có lợi, không được khổ hạnh ép xác, mà cũng không được lợi dưỡng phá giới luật.

Ngày nay tu tập phải tùy theo đặc tướng của mình mà thực hiện cho đúng pháp, thì có kết quả lợi ích rất lớn.



SANH ĐÃ TẬN, PHẠM HẠNH MỚI XONG

Trong kinh Thập Nhị Nhân Duyên đức Phật đã dạy: Người mới vào tu, phải tu tập đoạn dứt duyên “sanh”.

Kinh Thập Nhị Nhân Duyên có mười hai duyên như mắt xích sắt, duyên này có thì duyên kia có, duyên này diệt thì duyên kia diệt. Kinh này bắt đầu từ duyên “vô minh” như sau:

1- Vì vô minh không thấu rõ các pháp thế gian, lầm chấp chúng là thật có nên hành động chạy theo tâm ham muốn, sanh ra các ác pháp, tạo biết bao nhiêu nghiệp khổ đau, do thế kinh dạy: “Vô minh sanh hành”.

2- Hành động theo lòng ham muốn dục lạc chạy theo ái dục sanh ra thức, nên kinh dạy: “Hành sanh thức”.

3- Thức kết hợp noãn châu và tinh trùng sanh ra danh sắc, nên kinh dạy: “Thức sanh danh sắc”.

4- Danh sắc là thân và tướng của con người, lần lần phát triển đầy đủ: mắt, tai, mũi, miệng, thân và ý. Mắt, tai, mũi, miệng, thân và ý tiếp xúc với sáu trần bên ngoài, nên kinh dạy: “Danh sắc sanh lục nhập”.

5- Lục nhập có nghĩa là sáu căn và sáu trần. Sáu căn gồm có: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Sáu trần gồm có: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Sáu trần tiếp xúc sáu căn, nên kinh dạy: “Lục nhập sanh ra xúc”.

6- Xúc tạo ra sự va chạm êm ấm, ngọt bùi, khả hỷ, khả lạc, nên kinh dạy: “Xúc sanh ra thọ”.

7- Thọ sanh ra cảm giác thích thú, cảm mến, giận hờn, thương ghét, nên kinh dạy: “Thọ sanh ra ái”.

8- Ái là yêu mến, thương mến, ưa thích nên cố giữ lại, bảo thủ không muốn xa lìa, nên kinh dạy: “Ái sanh ra thủ”.

9- Thủ là giữ lại, không để cho mất mát, gọi là bảo thủ, nên kinh dạy: “Thủ sanh ra hữu”.

10- Hữu là có, có vật này, vật kia như: thân tứ đại, thân ngũ uẩn, nhà cửa, của cải tài sản, tiền bạc, cha, mẹ, anh em, chị em, bà con quyến thuộc, thân bằng, v.v... nên kinh dạy: “Hữu sanh ra sanh”.

11- Sanh, phải nói đủ là “SANH Y”, sanh là của cải, tài sản, vật chất, sự nghiệp, cha mẹ, vợ con, anh em, chị em, thân bằng quyến thuộc, bạn bè, v.v... như trên đã nói. Do thế, khi tài sản của

cải bị mất thì sanh ra buồn rầu, bịnh khổ mà chết, cha mẹ vợ con chết cũng sanh ra buồn rầu, đau khổ phiền lòng, nên kinh dạy: “Sanh sanh ra ưu bi, sầu khổ, bệnh, chết”.

12- Ưu bi, sầu khổ, bệnh chết là duyên cuối cùng của mười hai duyên này, hợp lại thành thế giới khổ đau của kiếp người.

Sau khi quán xét Mười Hai Nhân Duyên, cái này có thì cái kia có, cái này diệt thì cái kia diệt.

Như đã nói ở trên, Mười Hai Nhân Duyên này hợp lại là thế giới đau khổ của con người thành hình, Mười Hai Nhân Duyên này rã tan là thế giới hết khổ đau, hoại diệt.

Muốn thoát khổ thì Mười Hai Nhân Duyên này phải rã tan. Vậy, rã tan như thế nào và duyên nào rã trước?

Muốn triển khai “Minh” trí tuệ, các nhà Đại thừa và thiền Đông Độ nhắm vào duyên vô minh phải phá trước bằng “Minh”, minh tức là trí tuệ.

Muốn triển khai “Minh” trí tuệ, các nhà Đại thừa và thiền Đông Độ dùng pháp hành ức chế niệm thiện niệm ác, cho tâm không niệm thiện niệm ác là định, và do tâm định thì phát tuệ (chẳng niệm thiện niệm ác bản lai diện mục hiện tiền), bản lai diện mục hiện tiền là Phật tánh, mà Phật tánh là tánh giác, tánh giác tức là trí tuệ. Do những pháp hành tu tập để triển khai trí tuệ như vậy.

Họ đã lầm, không ngờ đường lối tu tập ấy lại khai mở tướng tuệ. Khi tướng tuệ được khai mở thì lý luận của các nhà sư Phật giáo phát triển siêu việt tướng, nên không tôn giáo nào tranh luận hơn được, nhất là lý Bát Nhã. Do lý luận siêu việt tướng Bát Nhã nên nó đã phá luôn Phật giáo chính gốc (vô khổ, tập, diệt, đạo).

Còn Phật giáo Nguyên Thủy chính gốc không có lý luận tranh hơn thua, không có lý luận siêu việt tướng như vậy, chỉ dạy thẳng đời người rất là khổ, nguyên nhân sinh ra đau khổ, trạng thái tâm hết khổ đau và tám cách thức tu tập để diệt nguyên nhân sinh khổ. Những pháp hành này cụ thể để mọi người ai cũng tu được, cũng thực hiện được sự giải thoát hết khổ như nhau.

Vì thế, kinh điển Nguyên Thủy nhắm vào duyên “sanh” để đoạn dứt nó, đoạn dứt nó thì ưu bi, sầu khổ, bệnh chết cũng đoạn dứt, nên kinh thường nhắc đi nhắc lại: “Sanh đã tận Phạm hạnh mới xong”.

Nếu một người tu tập quyết tìm đường giải thoát ra khỏi cuộc sống trần lao này, thì phải buông xả như đức Phật và các bậc Thánh tăng: Không trang điểm làm đẹp, của cải tài sản bỏ sạch, cha mẹ, anh em, chị em, vợ con đều bỏ xuống hết, như trong bài “Vượt thoát” đã dạy.

Đó là bứt tất cả những sợi dây xiềng xích đang trói rất chặt mọi người. Chỉ có những bậc chân tu thấy được nhân quả, nên họ đã mạnh dạn dứt bỏ sạch để vượt thoát cảnh đời thế tục.

Sự dứt bỏ vượt thoát này không phải ai cũng làm được, tuy nói rất dễ nhưng làm rất khó. Người tầm thường không thể làm được, trong kinh dạy rất đơn giản: *“Sanh đã tận phạm hạnh mới xong”*, hoặc: *“Duyên sanh dứt thì bệnh tử, sầu khổ, ưu bi dứt”*. Những danh từ nghe thì dễ dàng, nhưng đương đầu trước của cải, tài sản châu báu, ngọc ngà cùng cha mẹ, anh em, chị em, vợ con, xả bỏ hay đoạn tận là một việc không phải dễ làm.

Nếu không đoạn tận sanh y, thì không thể thực hiện được con đường giải thoát của đạo Phật.

Tại sao vậy?

Tại vì đạo Phật gọi là đạo giải thoát, mà không bứt được những sợi dây xiềng xích vô hình đó đang trói buộc thì làm sao gọi là giải thoát được?

Hiện giờ, những người đang tu theo đạo Phật *“đời chẳng muốn bỏ mà đạo lại muốn làm thêm”*, hai tay đều nắm hết. Do thế, cuộc sống tu hành đời chẳng ra đời, đạo chẳng ra đạo.

Hiện giờ, quý Thầy và các tu sĩ tu hành chẳng đến đâu, chỉ vì tu theo kiểu đời chẳng ra đời, đạo chẳng ra đạo, rất uổng công cho một đời tu hành. Tu mãi để chỉ còn lấy Phật giáo làm danh làm lợi cho cuộc sống thế tục.

Tu theo Phật giáo, người tu hành phải đoạn dứt “sanh y”, có đoạn sanh y thì tâm mới có thanh tịnh; tâm có thanh tịnh thì tâm mới nhập thiền định; tâm nhập được thiền định thì tâm mới làm chủ được sự sống chết.

Người không đoạn dứt “sinh y” không thể nào ly dục, ly ác pháp và nhập Tứ Thánh Định được, do không ly dục, ly ác pháp và nhập Tứ Thánh Định được thì không còn pháp nào tu tập làm chủ sanh tử và chấm dứt luân hồi.

Đường về xứ Phật không khó, nhưng khó cho những ai không muốn dứt bỏ đời sống dục lạc và tình cảm thương mến ở thế gian.

Pháp môn tu hành của đạo Phật không có gì huyền bí và vĩ đại, **chỉ cần hiểu rõ đời sống thế gian là khổ vô vàn và khổ muôn kiếp, đời sống xuất thế gian là dứt khổ, hết khổ**, thì chỉ còn một đời sống thế này nữa mà thôi, một đời sống tu theo đạo Phật hoàn toàn sẽ chấm dứt khổ.



CHÂN LÝ TẬP ĐẾ

Định Vô Lậu câu hữu với Tập Đế, tức là chúng ta quán xét nguyên nhân sanh khởi sự khổ đau của con người để thấu rõ nó, có thấu rõ nó chúng ta mới cố gắng ngăn chặn diệt trừ và đoạn dứt.

Vậy Tập Đế là gì?

Chữ Tập có nghĩa là nơi tập hợp mọi sự đau khổ, phiền não của con người, Tập còn có nghĩa

là nơi chứa nhóm, dồn thêm mỗi ngày một nhiều hơn.

Chữ Đế có nghĩa là sự thật, đúng đắn không sai. Tập Đế là một nguyên nhân của mọi sự khổ đau đã chứa nhóm và tích trữ lâu đời nhiều kiếp trong mỗi chúng sanh. Nói một cách khác hơn, đó là cội gốc sanh tử luân hồi của loài người.

Cội nguồn sanh ra mọi đau khổ phiền não của con người gồm có 10 phiền não gốc là:

1/ THAM: có nghĩa là lòng tham lam.

Hòa thượng Thiện Hoa dạy: “Tánh tham có động lực bắt ra phải dòm ngó, theo dõi những cái gì nó ưa thích, như tiền tài, danh vọng, miếng ăn, chỗ ở, v.v... rồi xúi ta lập mưu nây, chước nọ để tầm kiếm cho được những thứ ấy. Điều tai hại nhất là lòng tham không đáy, thâu góp bao nhiêu cũng không vừa; được một muốn có mười, được mười muốn có trăm. Tham cho mình chưa đủ, và còn tham cho bà con quyến thuộc và xứ sở của mình. Cũng vì tham mà ăn không ngon, ngủ không yên; cũng vì tham mà cha mẹ vợ con xung đột; cũng vì tham mà bè bạn chia lìa; cũng vì tham mà đồng bào trở lại xung đột, xấu xí nhau; cũng vì tham mà chiến tranh tiếp diễn, giết hại không biết bao sanh linh. Tóm lại, cũng vì tham mà nhân loại và chúng sanh chịu không biết bao nhiêu điều thống khổ”.

Lòng tham đã mang đến không riêng cho chúng ta khổ mà còn cả mọi người, không những

trong quá khứ, hiện tại mà còn có thể kéo dài trong tương lai nữa.

2/ SÂN: có nghĩa là nóng giận.

Hòa thượng Thiện Hoa dạy: “Khi gặp những cảnh trái ý nghịch lòng, như lòng tham không được toại nguyện, thì sân nổi lên, như một ngọn lửa dữ đốt cháy lòng ta. Thế là mặt mày đỏ tía hay tái xanh, bộ dạng thô bỉ, nói năng hung dữ, có khi dùng đến võ lực hay vũ khí để hạ kẻ làm trái ý, phật lòng mình. Vì nóng giận mà cha mẹ, vợ con, anh em xa lìa, bạn bè ly tán; vì nóng giận mà mọi người trở nên thù địch, nhân loại đua nhau ra chiến trường; vì nóng giận mà kẻ bị tàn tật, người vào khám đường, kẻ mất địa vị, người tan sự nghiệp.

Kinh dạy: “Nhất niệm tâm sân khởi, bách vạn chướng môn khai”, có nghĩa là một niệm nóng giận nổi lên thì trăm ngàn cửa nghiệp chướng đều mở ra. Sách xưa dạy: “Nhất tinh chi hỏa, năng thiêu vạn khoảnh công đức chi sơn”, có nghĩa là một đóm lửa giận có thể thiêu đốt sạch muôn mẫu rừng công đức. Thật vậy, lửa sân hận đã bùng cháy lên giữa lòng nhân loại và đã đốt thiêu không biết bao nhiêu công lao, sự nghiệp mà con người đã tốn biết bao nhiêu mồ hôi nước mắt mới tạo ra được”.

3/ SI: có nghĩa là si mê, mờ ám, biết không rõ, không chính xác, không đúng.

Hòa thượng Thiện Hoa dạy: “Si như là một tấm màn dày đặc, đen tối trùm lên trí tuệ của ta, làm cho ta không thể nhìn thấy được sự thật, phán đoán được cái hay cái dở, cái tốt, cái xấu. Do đó, ta gây ra không biết bao nhiêu tội lỗi, cái xấu làm hại mình, hại người mà không hay, Vì si mà lòng tham trở thành không đáy, bởi vì nếu người sáng suốt thấy cái tai hại của lòng tham, thì người ta đã kềm hãm được một phần nào tánh tham. Vì ngu si mà lửa giận bùng cháy; nếu người sáng suốt biết cái tai hại của lửa sân thì không để cho nó hoành hành như thế.

Người xưa dạy: “Bất úy thâm sân khởi, duy khùng tự giác tri”, có nghĩa là không sợ tâm tham và sân, mà chỉ sợ tâm si mê. Nếu tâm tham sân nổi lên mà có trí tuệ sáng suốt ngăn chặn lại, thì lòng tham sân phải bị dập tắt, không còn làm gì được cả. Cho nên đạo Phật lấy trí tuệ làm đầu, nếu đã có trí tuệ sáng suốt thì lòng tham sân không thể tồn tại được, cũng như khi đã có ánh sáng mặt trời lên thì bóng tối tất nhiên phải tan biến.

Đức Phật thường gọi là tham sân si là ba độc, nó thường làm đau khổ chúng sanh và phải chịu nhiều kiếp sanh tử luân hồi,堕 vào ba cõi: địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh”.

4/ MẠN: có nghĩa là ngã mạn, kiêu căng, tự đắc.

Hòa thượng Thiện Hoa dạy: “Là nâng cao mình lên và hạ người khác xuống; tự thấy mình là quan trọng mà khinh rẻ mọi người; ỷ mình có tiền của tài trí, có học thức, có bằng cấp cao như thạc sĩ, tiến sĩ hay có quyền thế mà sanh âm sanh dương với người đức hạnh, chà đạp kẻ dưới, lấn lướt người trên.

Vì lòng ngã mạn tự kiêu tự đại cho mình là hơn hết, nên chẳng chịu học hỏi thêm những điều hay lẽ phải. Do đó làm nhiều điều lầm lẫn sai quấy, gây ra bao nhiêu tội ác, phước lành tổn giảm, tội lỗi càng tăng, cho nên phải chịu sanh tử luân hồi muôn đời ngàn kiếp”.

MẠN CÓ BẢY THỨ

1- Mạn: Nghĩ mình hơn người.

2- Ngã mạn: Ỡ mình hay giỏi mà lấn lướt người.

3- Quá mạn: Mình bằng người mà cho là hơn người, người hơn mình mà cho là bằng.

4- Mạn quá mạn: Người hơn mình nhiều mà cho mình hơn người.

5- Tăng thượng mạn: Chưa chứng Thánh quả mà cho mình đã chứng

6- Ty liệt mạn: Mình thua người nhiều mà nói mình thua ít.

7- Tà mạn: Người tu về tà mạn được chút ít thần thông, hoặc hiểu biết đôi chút việc quá khứ,

vị lai, rồi khinh lớt người khác, xem trời đất không còn ai.

5/ NGHI: có nghĩa là lòng nghi ngờ, ngờ vực, không tin.

Hòa thượng Thiện Hoa dạy: “Người nghi ngờ không làm được việc gì hết. Đối với người thân trong gia đình, họ không tin cậy giao phó công việc; đối với bạn bè, họ nghi ngờ tất cả mọi thiện chí. Ngay đối với họ, họ cũng không tự tin, họ còn gây hoang mang cho người chung quanh, làm cho người ta ngã lòng thối chí”.

Đối với đạo lý chân chánh như đạo Phật, có một nền đạo đức nhân bản giải thoát tuyệt vời mà họ cũng không tin, nhưng họ lại tin theo tà giáo và những pháp môn mê tín, trừu tượng của kinh sách phát triển.

NGHI NGỜ CÓ BA

1- Tự nghi: Có nghĩa là nghi mình. Chẳng hạn như đọc kinh sách đức Phật dạy: “Tu hành sẽ được giải thoát”, nhưng lại tự nghĩ rằng: “Chẳng biết mình tu có được không?” Vì lòng do dự nghi ngờ ấy, nên không chịu tu hành.

2- Nghi pháp: Có nghĩa là nghi phương pháp mình đang tu. Chẳng hạn như nghe kinh Tứ Chánh Cần dạy: “Ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp” thì sẽ được giải thoát ngay liền, hay như trong kinh Pháp Cú dạy: “Chư ác mạn tác, chúng thiện phụng hành, tự

tịnh kỳ ý, thị chư Phật giáo”. Do sự nghi ngờ lời dạy này không biết kết quả có đúng hay không, nên không tu tập.

3- Nghi nhân: Có nghĩa là nghi người dạy mình, không tin ông thầy dạy mình, nghi pháp mình đang tu không đúng chánh pháp của Phật. Khi chánh pháp của Phật dạy mà mình nghi là không giải pháp của Phật thì đó là mình đã mất pháp chân chánh. Còn thầy dạy mình tu học mà mình nghi thầy là mình đã bị đứt đầu không còn cách cứu chữa được.

Ở tại tu viện Chơn Như chúng tôi có một số đệ tử ham mê thần thông, nhưng chúng tôi không thể hiện thần thông, nên họ mất niềm tin và không theo tu tập với chúng tôi nữa. Mục đích tu viện của chúng tôi hướng dẫn tu tập xả tâm, ly tham, đoạn diệt các ác pháp, để đạt được tâm giải thoát không còn phiền não, khổ đau, không còn tham, sân, si, mạn, nghi nữa, giúp cho con người có một đời sống đạo đức không làm khổ mình, khổ người. Đây là hạnh phúc giải thoát chứ không phải ngồi thiền nhập định năm bảy ngày, hoặc kiến tánh thành Phật, hoặc tụng kinh niệm chú cho có thần thông phép lạ, hoặc niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc Tây Phương, v.v...

Ở đây chúng tôi dạy đúng theo đường lối tu tập của đạo Phật, là hằng ngày không có tụng niệm, lần chuỗi, ngồi thiền ức chế tâm, mà chỉ có sống đúng giới luật và theo như những lời dạy trong kinh Tăng Chi tập 3 trang 30: “Ở đây, này

các Hiền giả, Tỳ kheo ưa công việc, thích thú nói chuyện; ưa ngủ nghỉ; ưa hội chúng, thích thú hội chúng, chuyên tâm ưa thích hội chúng, ưa liên lạc giao thiệp, thích thú liên lạc giao thiệp, chuyên tâm ưa thích liên lạc giao thiệp; ưa hý luận, thích thú hý luận, chuyên tâm thích hý luận. Như vậy, này các Hiền giả, Tỳ kheo sống nếp sống như vậy, khi lâm chung không được hiền thiện. Này các Hiền giả, đây gọi là Tỳ kheo ái lạc có thân, không từ bỏ có thân để chân chánh chấm dứt khổ đau". Đây là lời dạy chân chánh của đức Phật, muốn tu theo đạo Phật thì phải tu đúng pháp, sống đúng pháp như lời dạy thì mới có giải thoát. Còn tổ chức gia đình phật tử này, đạo tràng nọ thì chỉ là một hình thức Phật giáo Đại thừa, chứ tu tập chẳng có kết quả gì, chỉ là một trò giải trí lành mạnh như bao nhiêu trò giải trí lành mạnh khác của xã hội. Đó là những người đi tìm ái lạc của thân, vì họ là những người dư thừa thời gian, không biết làm gì cho hết tuổi đời. Nếu không từ bỏ những trò giải trí này thì không bao giờ chân chánh chấm dứt sự khổ đau.

Nếu quý vị không tin lời chúng tôi nói thì nên đọc lại đoạn kinh trên rồi suy ngẫm, và xét lại từ xưa đến nay biết bao nhiêu đạo tràng và gia đình phật tử, họ đã được giải thoát những gì với con đường giải thoát này. Đối với đạo Phật, thời gian sinh hoạt của quý vị như vậy rất là uổng phí, vì "được thân người là khó", nên đức Phật đã nhắc nhở:

*“Tắc bóng thời gian một tắc vàng
Tắc vàng tìm được không gì khó,
Tắc bóng thời gian khó hỏi han”.*

Thế mà quý vị sinh hoạt như vậy gọi là tu, tu như vậy phỏng có giải thoát được những gì? Quý vị cứ nhìn lại bản thân của quý vị sẽ thấy, nếu chúng tôi nói thẳng thừng thì quý vị không ưa chúng tôi, chứ quý vị chỉ là một con cờ cho người khác sử dụng nước cờ tôn giáo, chứ quý vị tu như vậy dù tu một triệu năm nữa cũng chưa thấy và hiểu biết giải thoát như thế nào?

Chúng tôi dạy đúng như Phật dạy, cấm không cho tu sĩ tập hợp nói chuyện thì họ không thích, họ muốn tu tập theo kiểu Đại thừa, tụ tập sinh hoạt như các đạo tràng và các gia đình phật tử, họ khoái hội họp, thích vui chơi, nói chuyện.

Chỗ tu hành của chúng tôi là chỗ tu tìm sự giải thoát, làm chủ bốn sự đau khổ của kiếp người: sanh, già, bệnh, chết, và chủ động đi vào con đường hóa sanh, chứ không chấp nhận chịu bó tay sanh nơi dâm dục bất tịnh, ô trược bẩn thỉu, hôi thúi và khổ đau. Vì thế, ai muốn tu được thì hãy sống đúng như lời đức Phật đã dạy, như chúng tôi đã dạy, nếu không sống được thì đừng nên theo đạo Phật tu hành, chẳng có lợi ích gì mà còn làm cho kẻ khác phỉ báng Phật giáo.

Đạo Phật không cầu mong có nhiều người tu mà phá giới, phạm giới, bẻ vụn giới, vô đạo đức làm Ngươi, làm Thánh. Thà chỉ cần ít người, hay

một người tu đúng pháp, có giới đức hẵn hoi, có một đời sống phạm hạnh của bậc Thánh tăng, thì Phật giáo mới còn rực rỡ trên thế gian này. Dù chỉ có một người, còn hơn đi đâu cũng gặp tăng sĩ mà đời chẳng đời, đạo chẳng đạo, họ sống với những nghề nghiệp lừa đảo thiên hạ. Thật là đau lòng cho Phật giáo ngày nay, giữa ban ngày thấp đức lên đi tìm một bậc giới đức khắp thế gian này không bao giờ có, toàn là những tu sĩ phá giới, phạm giới, bẻ vụn giới v.v...

Nếu quý vị thấy sống không kham nổi trong giới luật của Phật thì quý vị đi tu làm gì, để phạm giới, phá giới như vậy thì có ích lợi gì cho quý vị và cho người khác. Nếu quý vị sống không kham nổi thì quý vị ra đời mà sống, sống trong chùa mà bày ra những trò mê tín, dị đoan, cúng bái, tế lễ, xin xăm, bói quẻ, v.v... đó là đi ngược lại Phật giáo. Cũng như quý vị thuyết giảng, hý luận trừu tượng mơ hồ, bằng lối chơi chữ để lừa đảo những người nhẹ dạ dễ tin, để cầu được sự cúng dường.

Tóm lại, quý vị muốn tu theo đạo Phật thì quý vị phải nghiên cứu Phật giáo cho kỹ, nếu thấy chúng tôi dạy đúng thì xin vào tu, còn nếu thấy chúng tôi dạy không đúng thì quý vị phí thì giờ vô ích, mà còn sanh tâm nghi ngờ chánh pháp của Phật, tạo thêm tội lỗi như quý thầy: thầy Chơn Đức, thầy Từ Minh, thầy Minh Tông, thầy Thiện Thiên, v.v... họ đã trở thành những người đệ tử bất nghĩa muôn đời, ngàn đời, để lại tiếng đời không tốt cho mai sau.

Tánh nghi ngờ làm cản trở sự tiến triển tu hành cũng như những sự việc khác, làm ngăn ngại mọi công tác hữu ích cho mình, cho xã hội, và cũng vì tâm nghi ngờ khiến cho cuộc đời không vượt khỏi cảnh tối tăm khổ sở.

6/ THÂN KIẾN: có nghĩa là vì không rõ nên lầm chấp thân ngũ uẩn tứ đại giả hợp này cho là Ta, là của Ta, là bản ngã của Ta.

Hòa thượng Thiện Hoa dạy về thân kiến: “Vì cái chấp sai lầm ấy, nên thấy có một cái Ta riêng biệt, chắc thật không biến đổi, thấy cái Ta ấy là riêng của Ta, không dính dấp đến người khác, và xem nó là một thứ rất quý báu. Vì tưởng lầm như vậy, nên kiếm món ngon vật lạ cho Ta ăn, may sắm quần áo tốt đẹp cho Ta mặc, lo xây dựng nhà cao cửa lớn cho Ta ở, thâu góp thật nhiều của cải, đất ruộng để dành cho Ta dùng, kiếm công danh chức tước, địa vị cho Ta hãnh diện với mọi người. Do sự quý chuộng cung phụng cho cái Ta ấy, mà tạo ra lắm điều tội lỗi, chà đạp lên bao nhiêu cái Ta khác, làm cho họ đau khổ vì Ta. Và thế giới trở thành một bãi chiến trường cũng vì cái Ta”.

Chúng ta hằng ngày chịu nhiều đau khổ cũng chính vì Thân kiến, tức là cái kiến chấp về thân. Nó là một trong bảy kiết sử trói buộc và sai sử chúng ta như một tên nô lệ rất khó mà dứt bỏ, nếu không có pháp như tác ý của đức Phật dạy thì khó có pháp nào diệt thân kiến kiết sử này được.

Nếu hằng ngày chúng ta không siêng tu pháp như lý tác ý thì chẳng bao giờ chúng ta dứt sợi dây thân kiến kiết sử này được. Cho nên, đức Phật thường nhắc đi nhắc lại câu pháp hướng này: ***“Thân này không phải là Ta, không phải của Ta, không phải bản ngã của Ta”***.

Câu này quý vị nên nhớ mà hướng tâm hằng ngày, đừng nên biếng trễ và xem thường, đó là lời tâm huyết mà đức Phật đã dạy cho chúng ta, vì thương tưởng chúng ta vô minh mà lầm chấp thân kiến, chịu khổ muôn đời.

7/ BIÊN KIẾN: có nghĩa là chấp một bên, nghiêng về một phía, đó là những thành kiến rất cực đoan. Biên kiến có nhiều lối chấp sai lầm, trong đó, lớn nhất là 3 kiến chấp:

1- Thường kiến: Là một loại luận thuyết mơ hồ trừu tượng, cho rằng người chết còn linh hồn cho rằng có thế giới siêu hình, có bản thể vũ trụ, có tiểu ngã, đại ngã, có thần thức, có Phật tánh, có Thiên Đàng, có Địa Ngục, có Ngọc Hoàng Thượng Đế, có Chúa trời, có thần, quỷ, ma, v.v...

Những người chấp thường kiến là những người thường sống trong mê tín, lạc hậu, sống trong mộng tưởng, xây dựng cảnh giới siêu hình, thường cầu cúng, tế, lễ bái và ước vọng làm những điều thiện để khi chết được sanh lên Cực Lạc Thiên Đàng của cõi Trời, cõi Niết Bàn hay cảnh giới chư Phật. Thiên tông, Mật tông đều thuộc về thường kiến.

2- *Đoạn kiến*: Là một loại luận thuyết chết cứng, khô cằn, cho chết là hết, không còn gì cả. Loại luận thuyết này khiến cho con người mất hết niềm hy vọng về tương lai. Cho nên người ta đặt ra câu hỏi: “Tương lai không có thì hiện giờ để làm gì? Ngày mai chết là hết”. Vì vậy, con người chấp đoạn kiến thì làm bao nhiêu ăn bấy nhiêu, chẳng còn biết nghĩ đến ai cả, sống chỉ quay cuồng trong dục lạc, sống theo kiểu hiện sinh không có ngày mai.

Hòa thượng Thiện Hoa dạy: “Đối với hạng người chấp đoạn kiến, thì hễ tất thử là không còn gì tồn tại nữa; tội cũng không mà phước lại cũng chẳng có. Họ không tin nhân quả luân hồi, nên mặc tình làm các điều tội lỗi. Họ tự bảo: “Tu nhân tích đức già đời cũng chết; hung hăng bạo ngược tất thử cũng không còn”.

Vì chấp đoạn kiến, có người đứng trước cảnh thất tình, thất vọng, hoặc gặp cảnh buồn lòng nghịch ý, tưởng rằng chết là hết đau khổ, là giải thoát tất cả khổ, nên họ không ngần ngại mượn chén thuốc độc, hay dòng sông sâu, hoặc sợi dây oan trái để kết liễu đời mình. Họ đâu ngờ rằng chết rồi vẫn chưa hết! Họ đâu biết rằng luật nhân quả nghiệp báo là một vật thường hằng bất biến của môi trường sống.

Ngoài những hành động ác thiện của loài động vật ra, khi chết không còn lại gì cả. Chính vì những hành động của loài động vật là một tác nhân tạo ra nghiệp, cho nên đức Phật dạy:

“Nghệp là cha đẻ ra con người, con người là thừa tự nghiệp”.

Như thế làm sao gọi là đoạn kiến. Khi chết trong ác nghiệp khổ đau thì nghiệp khổ đau ấy vẫn phải tiếp tục tái sinh trong nghiệp nhân quả đau khổ kế tiếp.

Người chấp đoạn kiến là những người không thông suốt môi trường sống hợp duyên của các pháp. Trong môi trường sống này, không có một vật gì sanh ra mà đơn điệu, toàn là các pháp hợp lại tạo thành.

- Ví dụ 1: Không thể có một người đàn ông cũng như một người đàn bà đơn điệu tự một mình sanh ra con được, mà phải có hai người nam nữ lấy nhau, tạo duyên ngũ uẩn hòa hợp mới thành ra con người.

- Ví dụ 2: Không thể lấy một cây cột, lấy một tấm tôn, một miếng vách mà bảo rằng vật đó là cái nhà được, một cái nhà phải có các vật hợp lại như: cột, kèo, vách, tôn, cửa cái, cửa sổ, rồi tạo dựng ra cái nhà.

Đó là các pháp trong môi trường sống này đều do duyên hợp mà thành, nhưng bảo rằng khi hoại diệt thì không còn gì hết là sai (đoạn kiến), mà bảo rằng còn thì cũng sai (thường kiến), đó là hai cái sai của những lý luận này.

3- *Vừa thường vừa đoạn kiến*: Có một luận thuyết cho rằng các pháp trong thế gian này vừa có vừa không như ngài Long Thọ: “Sắc tức thị không, không tức thị sắc”. Đó là lối lý luận trườn

uốn như con lươn, để rồi Ngài để ra trí tuệ Bát Nhã chơn không, thành ra thường kiến. Cuối cùng, Ngài cũng như các nhà thường kiến khác, nhưng giỏi khéo lý luận để che mắt thiên hạ, chứ kỳ thực Chơn Không của Ngài đâu có khác gì thần thức, linh hồn, đại ngã, Phật tánh, bản thể vạn hữu, chỉ có khác là danh từ mà thôi.

Do những lý luận này, đã biến những tu sĩ Phật giáo thành những nạn nhân, bỏ biết bao nhiêu công lao sức lực tu hành, rốt cùng cũng chẳng ra gì, khổ đau vẫn hoàn khổ đau, chẳng có ai làm chủ sanh, già, bệnh, chết cả.

8/ KIẾN THỦ: Có nghĩa là chấp chặt sự hiểu biết sai lầm của mình, có ba trường hợp:

1- Kiến thủ vì ảnh hưởng tư tưởng của người khác: Khi học hiểu một điều gì do lý luận của các nhà tư tưởng, như tư tưởng chơn không, Phật tánh, v.v... Cũng như thấy những hiện tượng nhập đồng, nhập cốt do cô, cậu hoặc linh hồn người chết oan nhập vào, nói đâu trúng đó, rồi cho đó có linh hồn người chết, có thể giới siêu hình, rồi chấp chặt, ai nói gì cũng không tin. Không ngờ thế giới siêu hình là do tưởng uẩn tạo thành, chứ không có thế giới siêu hình thật sự. Do sự chấp chặt này, họ phải chịu thiệt thòi nhiều mặt về sự tu hành cũng như về đời sống.

2- Kiến thủ vì không ý thức được sự sai lầm của mình: Hòa thượng Thiện Hoa dạy: “Hành vi của mình sai quấy, ý kiến của mình sai lầm,

nhưng vì không đủ sáng suốt để nhận thấy, nên cứ bảo thủ hành vi, ý kiến của mình, tự cho mình là hay, là giỏi, ai nói gì cũng chẳng nghe.

3- *Kiến thủ vì tự ái, hay vì ngoan cố cứng đầu*: Biết mình làm như thế là sai, nói như vậy là không đúng, lỡ lời, nhưng vì tự ái, cứ bảo thủ cái sai cái không đúng của mình, không chịu thay đổi, không chịu sám hối, xin lỗi, không chịu từ bỏ, xa lìa.

- Ví dụ: Như trước kia ông bà đã lỡ theo tà giáo ngoại đạo, nay con cháu đã biết đó là tà giáo, nhưng cứ theo mãi không dám bỏ, cho đó là tôn giáo truyền thống của tổ tiên, ông bà để lại không được bỏ, mặc tôn giáo đó dạy những điều phi đạo đức, phi nhân quả, thường dạy những điều cầu cúng, mê tín, lạc hậu, v.v... Có người còn nói một cách liêu lĩnh, ngu si: “Xưa sao nay vậy”, hay: “Xưa bày nay làm”. Cũng như cha mẹ trước là nghề nghiệp ác như chài lưới, săn bắn hoặc làm nghề đồ tể, bán thịt sống, thịt chín, mãi dâm, bán rượu, thuốc phiện, xì ke ma túy, v.v... đó là những nghề ác độc tội lỗi, đến con cháu vẫn cứ bảo thủ nghề ấy, không chịu thay đổi nghề khác.

Nhìn rộng ra xã hội bên ngoài, có một số đông người, mặc dù thời đại của chúng ta hiện giờ con người đã có nhiều tiến bộ về khoa học kỹ thuật, hiện đại hóa đời sống, thế mà người ta cứ vẫn giữ lại những lề lối cổ tục hủ bại, hễ trong nhà có người chết là giết heo bò để cúng kiến, rước thầy

chùa tụng kinh để cầu siêu linh hồn. Trong khi ông thầy tụng chưa độ được ông siêu, mà ông đi lại cầu siêu cho kẻ khác, thì việc làm đó là một điều ngu si. Khi đưa đám tang thì rải giấy tiền vàng mã; mỗi khi tuần tự hay giỗ kỵ thì lại đốt giấy tiền vàng mã và quần áo kho đun nữa. Hằng năm cứ vào ngày rằm tháng ba âm lịch, thì Ban Tế Tự tập hợp dân chúng làm lễ cầu an, cúng tế tà thần, ác quỷ, v.v... Làng xã chấp chặt những hủ tục mê tín lạc hậu như thế, mà còn cho đó là “văn hóa truyền thống của dân tộc” không được bỏ. Những việc làm đó đều thuộc về kiến thủ.

9/ GIỚI CẤM THỦ: Có nghĩa là làm theo, sống theo giới cấm của ngoại đạo, tà giáo. Những giới cấm của tà giáo ngoại đạo này phần nhiều vô lý, phi đạo đức, mê muội, dã man, v.v... Những giới cấm này khiến cho con người bất hiếu và tự làm khổ mình.

Hòa thượng Thiện Hoa dạy: “Các giáo phái ngoại đạo ở Ấn Độ lấy đá dẫn bụng, đứng một chân giữa trời nắng, nằm trên chỗ bắn thủ, leo lên cao nhảy xuống, gieo mình vào lửa, nhảy xuống sông trầm mình chịu lạnh lẽo để được phước, chặt hoặc đốt một lóng tay, có người chặt nguyên một cánh tay để cầu pháp.

Những thứ cuồng tín như thế, không làm cho cuộc đời sáng sủa, mà còn là cho đen tối và khổ đau thêm”.

Giới cấm thủ này chúng ta thấy trong kinh Pháp Hoa, phẩm Tựa dạy cúng dường thân mạng hoặc một phần thân mạng để cầu pháp giải thoát, khiến cho những người cuồng tín chặt hoặc đốt ngón tay, hủy hoại cơ thể của mình, từ không tật nguyên mà thành tật nguyên, không khổ mà làm thêm khổ, đó là giới cấm thủ, hay còn gọi là những giáo điều của ngoại đạo.

10/ TÀ KIẾN: Có nghĩa là chấp chặt theo lối không chân chánh, trái với sự thật, trái với luật nhân quả, phi đạo đức, như trong kinh Pháp Hoa phẩm Phổ Môn, Bồ tát Quan Thế Âm cứu khổ cứu nạn chúng sanh, đó là tà kiến phi đạo đức, phi nhân quả, mê tín.

Hòa thượng Thiện Hoa dạy: “Tà kiến nghĩa là mê tín, dị đoan, như thờ đầu trâu, đầu cọp, bình vôi, ông táo, xin xăm, bói quẻ, buộc tôn đeo niệt, coi sao, cúng hạn, v.v... Nói rộng ra, những kiến chấp trên đều thuộc về tà kiến cả”.

Nghĩa là trên đời này, cái gì ý thức không hiểu được, mà phải dùng tưởng thức để hiểu, hiểu như vậy là hiểu một cách mơ hồ, trừu tượng, không rõ, không thực tế, không cụ thể, thì đều gọi là tà kiến.

Khi tu Định Vô Lậu câu hữu với Tập Đế là chúng ta sống trong thực tế, cái gì ý thức hiểu biết cụ thể, thực tế hoàn toàn thì mới tin, còn ngoài ra không tin một cái gì cả. Phần

nhiều người ta thường hay sống trong tưởng thức nên người ta phải chịu khổ.

- Ví dụ: Người ta chửi mình đồ chó, đồ trâu, mình tưởng ra mình là chó, trâu, nên mình sanh tức giận chửi mắng lại họ. Cũng như người ta chửi mình: “Tao đào mồ mả cha mày lên”, mình tưởng rằng họ đào mồ mả cha mình, chứ sự thật họ đâu có đào, thế mà mình sống trong tưởng, rồi sanh ra tức giận chửi mắng, đánh nhau. Thật là tà kiến điên đảo và sống không thực tế, tạo cảnh khổ mình, khổ người khác, chẳng có ích lợi gì cả.

- Ví dụ: Người ta chửi mình là đồ ăn cắp, ăn trộm, mình tự ái, sợ người khác không hiểu mình, sanh ra nghi ngờ mình ăn cắp, ăn trộm thì xấu hổ. Cái tự ái, sợ hãi người ta nghi ngờ mình, nên mình tức giận và buồn khổ trong lòng mãi, đó là mình sống trong tưởng, chứ sự thật mình có ăn trộm, ăn cắp đâu mà sợ.

Con người ở đời sống trong tà kiến, nên luôn luôn chịu khổ đau, tức giận, sanh ra thù hận không nguôi, tạo ra nhiều điều ác đức tội lỗi, rồi lại còn tiếp tục bằng cách trả thù, trả oán cho đã cơn giận.

Cho nên, khi chúng ta biết áp dụng Định Vô Lậu kết hợp với Tập Đế, thì chúng ta không còn sống trong tưởng, nói cách khác là chúng ta không còn sống trong tà kiến.

(Trích ĐVXP Tập 6 Trg 197-206 Tập 1 trg 143-50-81-205)

TU LÀ SỬA, CHỨ KHÔNG PHẢI TỤNG KINH, NIỆM CHÚ, NIỆM PHẬT, CÚNG BÁL, NGÔI THIÊN

Hỏi: Con nghe những người tu Tịnh Độ nói: “Niệm Phật cũng là phương pháp xả tâm”. Có phải như vậy không thưa Thầy? Những người tu Tịnh Độ dẫn chứng rằng, khi đang giận, buồn, tức một điều gì đó, thì cứ nhớ niệm Phật là con tức giận buồn lo sẽ biến mất. Những người tu Tịnh Độ còn cho biết:

“Cứ niệm Phật mãi, niệm mãi” đến một ngày nào đó nó sẽ “vỡ ra” thì sẽ được tâm rộng rang sáng suốt.

Đáp: Niệm Phật là một phương pháp ức chế tâm, chứ không phải niệm Phật là phương pháp xả tâm. Nhưng mọi người đã hiểu lầm ức chế và xả tâm. Chính ngay những vị Thầy dạy về pháp môn Tịnh Độ họ cũng chẳng biết pháp môn đó là pháp môn ức chế tâm hướng là những tín đồ. Vậy ức chế tâm như thế nào? Và xả tâm như thế nào?

Ức chế tâm có nghĩa là nén tâm, chịu đựng, ép buộc, hay bắt buộc làm cho tâm không khởi niệm (vọng tưởng), v.v...

Pháp ức chế tâm gồm có: Niệm Phật A Di Đà, niệm thần chú, biết vọng liền buông, chẳng niệm thiện niệm ác, chặn trâu, ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm, Lục Diệu pháp môn, thiền Minh Sát tuệ,

tham thoại đầu, tham công án, v.v... Những người tu Tịnh Độ hiểu lầm nên cho ví dụ: Khi đang giận, buồn, tức một điều gì đó thì cứ nhớ niệm Phật là cơn tức giận, buồn, lo sẽ biến mất. Đó là cách thức ức chế tâm bằng câu niệm Phật mà người tu Tịnh Độ không biết, cho rằng xả tâm. Tu theo Tịnh Độ như vậy dù một ngàn kiếp cũng chẳng bao giờ hết tham, sân, si, chỉ vì ức chế tâm.

Xả tâm có nghĩa là trước khi xả một niệm nào trong tâm, phải có sự tư duy suy nghĩ cho thấu đáo nghĩa lý của niệm đó, và còn phải biết áp dụng đức hạnh của giới luật vào niệm đó để chuyển hoá niệm. **Sự chuyển hoá niệm gọi là xả tâm, cho nên đức Phật bảo:** *“Tri kiến ở đâu thì đức hạnh giới luật ở đó, đức hạnh giới luật làm thanh tịnh tri kiến, tri kiến làm thanh tịnh đức hạnh giới luật”*.

Lời dạy trên đây là cách thức xả tâm rất tuyệt vời của kinh sách Nguyên Thủy, còn toàn bộ kinh sách phát triển đều dạy ức chế tâm, nên chẳng cần tư duy theo niệm, chỉ cố ức chế tâm vượt qua những lúc tâm giận hờn, phiền não mà thôi. Khi ức chế tâm, thấy tâm sân không còn tưởng là xả tâm, vì vậy tâm sân không bao giờ hết. **Nếu bảo rằng niệm Phật xả tâm phiền não được, thì niệm Phật cũng xả được các cảm thọ,** như khi bị bệnh đau nhức nơi thân thì niệm Phật phải hết đau. Hết đau sao người niệm Phật lại đi bác sĩ nằm nhà thương nhiều như vậy?

Các cảm thọ nơi thân là do bị bệnh đau nhức, đó là niệm thọ khổ của thân. Vậy niệm Phật có xả niệm thọ khổ của thân đó không? Hay lại phải đi bác sĩ, vào bệnh viện như trên đã nói.

Trong thân chúng ta có bốn chỗ để xả: 1- Thân; 2- Thọ; 3- Tâm; 4- Pháp. Nếu niệm Phật xả tâm được thì xả thân được; xả thân được thì xả thọ được; xả thọ được thì xả pháp được. Như vậy các bạn có làm được chưa? Nếu chưa làm được như vậy thì các bạn chỉ ức chế tâm mà thôi.

Trên đời ai nói gì cũng được, nhưng làm cho được thì không phải dễ, nhất là hiểu sai chữ nghĩa thì làm sao tu hành đúng được. Phải không các bạn?

Từ xưa đến nay người ta đã hiểu sai Phật pháp, nên chẳng có ai tu chứng làm chủ bốn sự đau khổ. Đến giờ này các Phật tử cũng còn hiểu sai là do các Thầy tổ khéo léo bưng bít che dậy, hướng dẫn một cách sai lầm.

Người ta không biết pháp môn Tịnh Độ là một pháp môn ảo tưởng, nên bị các thầy lừa đảo như câu nói này: “Cứ niệm Phật mãi, niệm mãi, đến một ngày nào đó nó sẽ “vỡ ra” thì sẽ được tâm rộng rang sáng suốt”. Theo lời dạy này thật là mơ hồ, trừu tượng, thiếu thực tế, không khoa học. Tôi xin hỏi các bạn, các bạn cứ thành thật trả lời. Vậy “vỡ ra” là vỡ ra cái gì? Tâm rộng rang sáng suốt để làm gì?

Những danh từ “vỡ ra” và “tâm rộng rang sáng suốt”, là những danh từ của Thiền tông, mà

Tịnh Độ tông đã chịu ảnh hưởng rồi vay mượn, chứ Tịnh Độ tông có biết vỡ ra là vỡ ra cái gì không? Như trên đã nói. Còn tâm rỗng rang là tâm như thế nào? Trong khi pháp môn Tịnh Độ dạy: *“Thất nhật nhất tâm bất loạn chuyên trì danh hiệu A Di Đà Phật”*. Vậy thì làm sao mà rỗng rang được, thật là phi lý, bất chước mà không hiểu nghĩa, cũng giống như người mù sờ voi, cũng giống như người ăn bánh mà không biết mùi vị.

Tu hành với mục đích là phải làm chủ bốn sự khổ đau của kiếp người: sanh, già, bệnh, chết, chứ tu hành đâu phải mục đích để tâm rỗng rang sáng suốt. Tâm rỗng rang sáng suốt để làm gì?

Pháp môn Tịnh Độ là pháp môn ảo tưởng, nên tu hành không làm chủ sanh, già, bệnh, chết, nên các tổ Tịnh Độ chỉ còn biết cầu nguyện:

*“Cầu cho tôi chết biết ngày,
Biết giờ, biết khắc, biết rày tánh linh
Cầu cho bệnh khổ khỏi mình”*

Đấy, các bạn có thấy những câu sám trên đây là một sự cầu nguyện và hy vọng, chứ không đủ niềm tin vào pháp niệm Phật của mình. Vậy mà bảo: “Niệm mãi, niệm mãi nó sẽ “vỡ ra” thì sẽ được tâm rỗng rang sáng suốt”. Bất chước Thiền tông nói một cách mơ hồ không thực tế.

Ngược lại, pháp môn Tứ Niệm Xứ của Phật giáo Nguyên Thủy rất thực tế, đẩy lui các sự khổ đau trên bốn chỗ: thân, thọ, tâm, pháp: *“Này các Tỳ kheo, ở đây này các Tỳ kheo,*

trú quán thân trên thân, nhiệt tâm tỉnh giác chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; trú quán thọ trên các thọ, nhiệt tâm tỉnh giác chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; trú quán tâm trên tâm, nhiệt tâm tỉnh giác chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; trú quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm tỉnh giác chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Như vậy, này các Tỳ kheo, là Tỳ kheo chánh niệm”.

Đoạn kinh trên đây, chứng tỏ đạo Phật có những phương pháp để khắc phục những sự khổ đau của đời người, chứ không phải cầu nguyện.

So sánh giữa hai pháp môn Tịnh Độ và Tứ Niệm Xứ, chúng ta thấy pháp môn niệm Phật của Đại thừa giống như một người mù dẫn một số người mù đi, thật là nguy hiểm, tốn công sức, tốn của cải tài sản một cách vô ích. Chỉ sống trong ảo tưởng, mộng mơ, làm gì có sự làm chủ sự sống chết và chấm dứt luân hồi.

Tóm lại, pháp môn Tịnh Độ là một pháp môn ảo tưởng, pháp môn mê tín, pháp môn lừa đảo.



CHẤN CHỈNH PHẬT GIÁO

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Trong tập hai Đường Về Xứ Phật, bìa xanh, mục nhân quả trang 160, Thầy viết khi đức Phật nhập Niết Bàn, Ngài bị đau lưng nên bảo ông Anan trải tọa cụ để nằm nghỉ.*

Đạo Phật là đạo làm chủ sanh, già, bệnh, chết, có sao đức Phật lại bị đau lưng như vậy?

Khi nhập diệt đức Phật phải nhập định ba lần xuôi ngược rồi mới nhập diệt, như vậy là ý nghĩa gì?

Nếu kinh sách phát triển nói đức Phật đau lưng thì không thể nào được ghi vào sách của Thầy, mong Thầy chỉ cho con hiểu.

Đáp: Trong câu này gồm có ba câu hỏi:

1- Làm chủ bệnh sao đức Phật lại bệnh đau lưng?

2- Làm chủ chết sao đức Phật không tự tại nhập diệt mà phải nhập định ba lần?

3- Tạo sao đoạn kinh này lại được ghi vào sách của Thầy?

Như con đã biết trong kinh sách Nguyên Thủy, đức Phật dạy phương cách làm chủ bệnh là pháp môn Tứ Niệm Xứ. Pháp môn Tứ Niệm Xứ là pháp môn khắc phục những sự đau khổ của thân và tâm (Trên thân quán thân để khắc phục tham ưu...), tức là làm chủ sanh, già, bệnh, chết. Người cha sinh pháp môn ấy là đức Phật. Thế sao đức

Phật lại còn bị bệnh đau lưng? Một điều vô lý hết sức. Giáo lý đạo Phật có mâu thuẫn nhau không? có lường gạt người ta không? Mà lại viết những điều này.

Ai đã viết điều này trong kinh sách Nguyên Thủy? (Đức Phật đau lưng). Ai đã phỉ báng đức Phật như thế này? (Nói láo). Nếu không có Thầy thực hiện và không có các đệ tử của Thầy tu tập pháp Tứ Niệm Xứ đẩy lui các bệnh khổ, thì ai là người minh oan cho đức Phật và xác định Tứ Niệm Xứ là pháp môn làm chủ sanh, già, bệnh chết thật sự. Trong khi đó, kinh sách Nguyên Thủy ghi chép đức Phật đau lưng rõ ràng bằng giấy trắng mực đen.

Chúng tôi chứng nghiệm được pháp môn Tứ Niệm Xứ đẩy lui các chương ngại pháp trên thân tâm, nên mạnh dạn tuyên bố với các bạn: ***“Đoạn kinh kết tập này là sai, do người sau thêm vào để che đậy pháp môn Đại thừa tu hành không làm chủ bệnh”.***

Hơn 25 thế kỷ trôi qua, ai cũng nghĩ rằng đức Phật chưa có làm chủ bệnh khổ. Người tu xong đọc đến đoạn kinh này rất đau lòng và thương cho Phật giáo. Vì thương mình, thương người, đức Phật phải bỏ hết sự giàu sang, quyền thế, dục lạc thế gian, phải hy sinh cả thân mạng để mưu cầu hạnh phúc, an vui cho mọi người. Ngài là người cha sinh ra Phật giáo, vậy ai nỡ nhẫn tâm viết những đoạn kinh ghép vào trong kinh sách nguyên Thủy để đánh lừa mọi người khác, để phỉ

báng đức Phật thật là đau lòng, những kẻ ấy sẽ bị đoạ xứ ác, chịu khổ đau vô lượng.

Đức Phật nhập Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền và Tứ Thiền, nhập xuôi nhập ngược ba lần rồi nhập vào Tứ Thiền xả bỏ báo thân. Đó là *“thân hành di chúc” lần cuối cùng để nhắc người đời sau: “Tứ Thánh Định mới là chánh định, mới là thiền của Phật giáo”*.

Nhập Tứ Thánh Định, xả bỏ báo thân cũng là xác định cho người đời sau biết: Chỉ có bốn thiền này mới làm chủ sanh, già, bệnh, chết, ngoài bốn thiền này không có thiền nào làm chủ trọn vẹn bốn sự đau khổ của kiếp người được. Các bạn nên lưu ý: Những thiền của ngoại đạo làm chủ được cái này thì không làm chủ được cái kia.

Đoạn kinh này rút ra từ trong kinh tạng Nguyên Thủy, được ghi vào sách Đường Về Xứ Phật, để xác định cho mọi người thấy cái sai của những người kết tập kinh sách, thường thêm vào và bớt ra làm kinh sách nguyên gốc của Phật giáo mất giá trị như đoạn kinh trên đây. **Trong sách Đường Về Xứ Phật, người biên tập đã cắt bỏ đoạn kết luận của bài Nhân Quả, nên làm mất ý nghĩa.** Xin cáo lỗi cùng các bạn.



Hỏi: Những Lời Phật Dạy được Thầy triển khai minh bạch, logic và khoa học, làm sao gửi đến giáo hội cao cấp để cùng nghiên cứu lại, cùng nhìn nhận sự thật, để kịp thời chấn chỉnh

lại Phật giáo. Con hằng mong ước: Ngày Đại hội Phật giáo sẽ là ngày thanh lọc lại những gì đạo Phật nên duy trì và những gì cần loại bỏ (mê tín), thì may ra mới còn giữ đúng nghĩa chữ “tu”. Vì tu là sửa. Mà giáo pháp không sửa đúng, cứ cố chấp bảo thủ mãi những giáo pháp không đúng của Phật giáo, thì làm sao thực hành theo giáo pháp ấy mà thành tựu đạo quả.

Đáp: Phải tùy duyên con ạ! Phước chúng sanh chưa đủ thì dù chúng ta có muốn cũng không làm được.

Không phải thời mạt pháp, mà chỉ vì con người sống trong ác pháp, phóng xuất vô lượng từ trường ác trong bầu khí quyển, làm cho môi trường sống xấu đi, từ đó chánh pháp của Phật bị chôn vùi dưới lớp bụi kiến giải của những nhà học giả và của ngoại đạo.

Một Phật giáo truyền thừa đã sai lệch từ mấy ngàn năm qua, đã ăn sâu vào tâm tư của mọi người; một truyền thống văn hoá mê tín lạc hậu cầu Tịnh Độ tông, của Mật tông; một trạng thái ảo tưởng mơ hồ lầm lạc của Thiền tông. Muốn gội rửa những tu tướng này không thể một thời gian ngắn mà được, phải có thời gian con ạ! Vậy chúng ta phải kiên gan, bền chí, lần lượt từng giờ, từng phút, từng giây để chấn chỉnh lại những kinh sách, những giới luật, những đạo đức làm Người, làm Thánh của Phật giáo. Và còn mạnh dạn thẳng thắn chỉ rõ những chỗ sai lầm, những kiến giải không đúng, những giáo pháp của ngoại đạo

đang trộn lẫn vào chánh pháp của Phật, khiến cho tín đồ Phật giáo không biết pháp môn nào là của Phật, pháp môn nào là của ngoài đạo. Ngơ ngác trước một rừng pháp môn của kinh sách phát triển.

Trên đường chấn chỉnh lại Phật giáo là một sự cam go và đầy gian nan thử thách. Nhưng con người có ý chí thì dời núi và lấp biển cũng không phải là khó khăn. Khó là vì chúng ta không đoàn kết, chỉ biết sống cho cá nhân của mình, chỉ vì danh lợi hão của riêng mình, chỉ vì ham mê tiền tài, vật chất vô thường, muốn cho mình có nhiều, không thấy sự lợi ích chung cho mọi người, không thấy nền văn hoá tôn giáo mê tín, lạc hậu đã làm suy yếu đạo đức nhân bản của loài người.

Phải chờ đợi con ạ! Mọi người chúng ta đều phải ý thức được sự đời là một cuộc sống vô thường, một cuộc sống không có ý nghĩa gì cả, sự an vui đâu là bao, toàn là sự khổ đau nhiều. Phải không con?

*“Các pháp thế gian
Là pháp vô thường
Các pháp vô thường
Là pháp khổ đau”*

Do ý thức được điều này, nên mỗi người trong chúng ta phải nỗ lực tu tập xả tâm cho thật rốt ráo; nhờ có xả tâm rốt ráo chúng ta mới sống đúng đời sống đạo đức không làm khổ mình, khổ người. Đó là chúng ta đã chấn chỉnh lại Phật giáo bằng thân giáo sống của chúng ta, bằng đạo đức

nhân bản - nhân quả, bằng một tâm hồn thanh thản, an vui trước các ác pháp và các cảm thọ.

Đừng mong đợi vào ai, và cũng đừng mong đợi vào tập thể nào cả, mà hãy mong đợi nơi chính mình. Mong đợi nơi chính mình thì phải cố gắng xả tâm, làm mọi điều thiện, đó là con đã chán chảnh lại Phật giáo rồi đấy con ạ!



Hỏi: *Con kính bạch Thầy! Sao trong thực tế: tu là sửa, mà người đi tu là cả một sự nghiệp chuyển biến của tư tưởng từ nhận thức đến sự quyết tâm. Thế mà khi đã đi tu rồi còn có đòi hỏi cả một nghị lực và sự bền chí, gan dạ mới thắng được từng tâm niệm tham, sân, si... của mình. Có người tự bỏ cuộc, có người lại chết khi chưa toại nguyện. Và rồi người chứng đạo lại càng hiếm có hơn. Đó là con muốn nói cả một đời tu với bao tâm huyết. Thế nhưng đại đa số mọi người cứ tin vào sự cầu siêu cho hương linh được về Cực Lạc, thì điều này con thấy lạ quá. Làm sao giúp mọi người tin đồ hiểu được điều này thưa Thầy? Vì khi còn sống khuyên đừng sát sanh - không làm được; khuyên đừng uống rượu - không nghe; khuyên sống hòa thuận - không làm; khuyên xem sách đạo đức - lại làm ngơ. Thế mà cứ chết là cầu siêu?? Làm sao siêu được!*

Kính bạch Thầy! Hay là trong Giáo hội hay pháp môn Tịnh Độ có cái nhìn, cái lý luận đúng như thế nào mà con không được biết. Thậm chí

các thầy tụng kinh, niệm Phật cũng ăn thịt chúng sanh, cũng uống rượu thì còn độ ai vào cõi siêu nào nữa?!

Con thật không biết đến bao giờ mới có được những ngày huy hoàng là Mặt trận Tổ quốc cấp cao (cơ quan nối liền các ngành), Giáo hội Phật giáo cấp cao (cơ quan đại diện cho tiếng nói đúng đắn của Phật giáo), cùng vì tương lai của thế hệ mai sau, mà cùng bàn bạc với Thầy về việc xây dựng nền đạo đức nhân bản - nhân quả trong toàn dân. Từ đấy mới bắt đầu dựng lại cuộc sống quốc thái dân an, ngày ấy toàn dân được học và hành đạo đức nhân bản - nhân quả không làm khổ mình, khổ người. Ngày ấy không còn cảnh bận rộn cầu siêu, cầu khẩn xin điểm lên lớp, v.v...

Nếu bản thân mọi người lo học tập và hành đạo đức, thì ngày ấy giảm đi số người liều mạng phạm pháp, và ngày ấy ngành công an được nâng cao tâm trí, được rèn luyện chuyên môn để cùng nhẹ nhàng hỗ trợ nền đạo đức, hỗ trợ cuộc sống toàn dân nâng cao hơn nữa, để quân bình sự tiến bộ của khoa học và đạo đức. Thầy ơi! Sao con thấy điều này quá cần thiết và cấp bách, nhưng biết bao giờ mới được thực hiện? Hay là nói như bao người là thời mạt pháp phải chịu nền đạo đức tồi tệ như thế, để loài người đi đến diệt vong?

Lâu lắm rồi con mới viết thư trình thầy. Con kính mong Thầy chỉ dạy thêm cho con.

Đáp: Đúng vậy, tu theo đạo Phật là cả một đời tu với bao tâm huyết mới diệt được lòng tham, sân, si, cho nên nhiều người không ý chí, không nghị lực, không gan dạ, kiên cường bền chí nên bỏ cuộc tu hành. Vì thế, Đại thừa biết rõ tâm lý của những người này, nên sinh ra pháp môn Tịnh Độ để lôi họ vào mê hồn trận ảo tưởng của thế giới siêu hình tưởng tri. Những người không ý chí, không nghị lực, không gan dạ, không kiên cường không bền chí, lười biếng nên thích tu theo pháp môn này. Do đó Phật giáo trở thành Thần giáo mê tín, lạc hậu, làm mất chánh pháp của Phật giáo.

Trước cái sai của Phật giáo quá nhiều, ai đã từng đọc sách đạo đức nhân bản làm người đều có sự mong ước như con, nhưng làm sao được hồi con!

Tôn giáo là lãnh đạo tinh thần của mọi người, là truyền thống văn hoá đạo đức cho con người, thế mà tôn giáo lại dạy người mê tín, phi đạo đức nhân bản - nhân quả như kinh sách Đại thừa thì chúng tôi hết ý kiến. Pháp môn Tịnh Độ là một pháp môn phi đạo đức. **Tại sao pháp môn Tịnh Độ lại là pháp môn phi đạo đức?**

Con hãy lắng nghe lời đức Phật A Di Đà dạy:

“Thiện nam tín nữ các người

Chỉ thành tưởng Phật niệm mười tiếng ra

Ta không rước ở nước ta

Thệ không làm Phật chắc là không sai”

Trên đây là một lời nguyện trong bốn mươi tám lời nguyện của đức Phật Di Đà, khi Ngài phát tâm độ chúng sanh.

Chỉ niệm 10 tiếng A Di Đà Phật là được Ngài rước về nước Cực Lạc, mà không có một điều kiện gì cả. Lời dạy này có đúng không? Nếu có một người gian ác cướp của, giết người, hiếp dâm, phạm vào tội tử hình, lúc bấy giờ người này chỉ cần niệm Phật A Di Đà thì đức Phật liền rước người này về cõi Cực Lạc. Ý nghĩa về cõi Cực Lạc này thì con nghĩ sao?

Nếu đức Phật A Di Đà mà rước người ác này về nước của mình như vậy, thì đất nước này sẽ là một đất nước trộm cướp. **Một người còn tham, sân, si mà tụng kinh Di Đà sẽ được siêu sanh Tịnh Độ. Thật là lừa đảo vô đạo đức, làm sao niệm Phật mà hết tham sân, si được!** Cho nên, pháp môn Tịnh Độ là pháp môn phi đạo đức, lừa đảo người khác.

Khi nào những pháp môn mê tín này được quét sạch ra khỏi Phật giáo, thì nền đạo đức nhân bản - nhân quả mới được phổ biến rộng khắp nơi. Nhưng tất cả đều do phước duyên của chúng sanh, con ạ! Chúng ta hãy chờ đợi, và trong khi chờ đợi thì chúng ta hãy sống đạo đức không làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai, thì đó là đem nền đạo đức nhân bản - nhân quả vào đời.

CHÙA TO, PHẬT LỚN

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Trong nhiều sách Thầy nói về chùa to, Phật lớn và có ví dụ như nước Campuchia có chùa Đế Thiên, Đế Thích và tháp Anko. Về phần này có hai cách hiểu khác nhau:*

Thưa Thầy, Thầy dạy những bậc tu Phạm hạnh của đạo Phật là ba y một bát, nay đây mai đó. Chùa càng to, Phật càng lớn thì càng bận tâm. Có đúng như vậy không thưa Thầy?

Hiện nay về phương diện lịch sử, kinh tế, du lịch, mỹ quan, thì người ta cho đó là những kỳ quan cả thế giới công nhận. Tuy nhiên, khi làm ra nó thì vất vả tốn kém. Song, hiện nay người ta thu lợi rất lớn về du lịch, và người họ tự hào vì đã được Unesco công nhận là di tích lịch sử văn hoá hàng đầu của thế giới trong tám kỳ quan. Vậy, Thầy có thể dạy trong sách việc xây chùa bằng hai cách:

- Một là đối với tu sĩ chuyên tu thì nên sống đơn giản.

- Hai là đối với tu sĩ đã tu xong thì có thể đến nơi đó để thuyết pháp, vì những người này chùa nào họ cũng không động tâm. Nhờ nơi đó, người dân dễ tập trung nghe pháp, nó sẽ làm tăng giá trị lịch sử của Phật giáo. Các thế hệ sau này cũng tự hào về tôn giáo của họ. Xin Thầy giảng cho con tường tận về vấn đề này, được không ạ?

Đáp: Ai đọc kinh sách Phật giáo Nguyên Thủy đều phải công nhận giáo lý của đạo Phật là chân lý của loài người. Nói chân lý loài người là nói đến một sự thật, không hề có một chút xiu nào không đúng. Chính vì vậy, nó là đạo đức nhân bản - nhân quả, nên đức Phật đã xác định:

“Thiên thượng thiên hạ

Duy ngã độc tôn”.

Đạo Phật chủ trương nhân bản, lấy con người làm trụ cột, biến cõi sống thế gian thành cảnh Cực Lạc, Thiên Đàng, chứ không có hình thức mơ mộng, ảo tưởng Thiên Đàng, Cực Lạc hoặc Thần, Thánh, Tiên Phật, Ngọc Hoàng, Thượng Đế, Chúa Trời, v.v...

Do chủ trương nhân bản - nhân quả, nên Phật giáo lấy đức hạnh (Giới luật) làm chỗ nương tựa, làm thầy hướng dẫn, làm cuộc sống cho mình. Vì thế, xây chùa to, Phật lớn là sai. Gương hạnh đức Phật ngày xưa còn đó. Thành đạo dưới cội cây Bồ Đề. Chết dưới cội Sa La song thọ. Thế mà ngày nay chùa to, Phật lớn khắp nơi, lại còn có những ngôi chùa, tháp được mọi người công nhận là kỳ quan đệ nhất thế giới, thì thử hỏi những việc làm này đi ngược lại tinh thần *“xả phú cầu bần”* của Phật giáo, thì còn gì là Phật giáo nữa. Phải không các bạn?

Vì lấy con người làm gốc, nên Phật giáo phải xây dựng con người. Xây dựng con người để trở thành những kỳ quan thế giới bằng chất liệu đức hạnh không làm khổ mình, khổ người và khổ tất

cả chúng sanh. Theo chúng tôi thiết nghĩ, đó là một kỳ quan thế giới tuyệt vời. Xứng đáng để con người tự hào, hãnh diện về con người thì mới đúng nghĩa. Còn xây chùa to, Phật lớn, lấy chất liệu đất đá mô phỏng theo hình thức vạn vật vũ trụ thiên nhiên tạo ra, rồi tự hào bảo nhau đó là kỳ quan thế giới. Thực tế trên hành tinh này, vũ trụ đã xây dựng biết bao nhiêu kỳ quan đẹp để gấp trăm ngàn lần những kỳ quan của loài người, như Vịnh Hạ Long, Phong Nha, v.v... So với những cảnh này, con người có làm được như vậy không?

Những kỳ quan thế giới hiện giờ chỉ là những sự mô phỏng bắt chước thiên nhiên vũ trụ, vẻ hùng vĩ đẹp đẽ của nó còn thua xa vũ trụ gấp trăm ngàn lần như trên đã nói, thì có gì mà chúng ta tự hào?

Những vật chất này đều vô thường, không bền chắc, không giữ gìn được lâu dài, chỉ một trận động đất thì những kỳ quan này còn bảo tồn được nữa không?

Một kỳ quan của loài người, lấy chất liệu đạo đức xây dựng thì động đất không làm hư hoại, lũ lụt không trôi, bão tố không làm sụp đổ, hỏa hoạn không thiêu đốt được, đi khắp bốn phương, ngược gió cũng không trở ngại. **Phật giáo chủ chương như vậy, vì lấy con người làm gốc, nên người nào đi ngược lại, xây dựng chùa to, Phật lớn thì không phải Phật giáo, mà là**

Thần đạo, là đạo mê tín, là đạo lường gạt con người.

Tôn giáo có thể giới siêu hình là tôn giáo phi khoa học, phi nhân bản, vô đạo đức nhân bản - nhân quả, v.v... Phần đông những tôn giáo này đều có chùa to, Phật lớn.

Đệ tử của đức Phật ngày xưa được sự chỉ đạo của Ngài, nên không cất chùa to, Phật lớn, chỉ am tranh vách lá cúng dường Phật và chư Tăng để tránh mưa, ẩn nấp tu hành, chứ không có thờ phượng như ngày nay. Những nơi ở ấy được gọi là “Tịnh xá”. Tịnh xá có nghĩa là ngôi nhà ở thanh tịnh. Trong kinh sách Nguyên Thủy thường nhắc những tịnh xá như: Tịnh xá Kỳ Hoàn, tịnh xá Trúc Lâm, v.v...

Hòa thượng Huệ Quang, Hòa thượng Khánh Anh đã tổ chức những chuyến hành hương về thăm xứ Phật. Trước mắt các Ngài, tịnh xá Kỳ Hoàn và tịnh xá Trúc Lâm chỉ còn là một khu rừng hoang vu, không tìm ra một cục đá, một viên gạch, chứng tỏ ngày xưa đức Phật và chúng Thánh Tăng sống dưới bóng cây, dưới túp lều tranh lá, hay trong hang, hốc... Những nơi Thánh địa ấy chứng tỏ Phạm hạnh của tu sĩ thời bấy giờ rất cao.

Tất cả các tôn giáo trên hành tinh này đều nhắm vào sự xây dựng cơ sở đồ sộ, vĩ đại, để lại dấu tích như Tòa thánh La Mã (Thiên Chúa), Đền Thiên, Đền Thích, đền Ankor (Phật giáo Nam tông), toà thánh Tây Ninh (Cao Đài Giáo), v.v...

Còn cơ sở Phật giáo Nguyên Thủy chỉ còn là một khu rừng hoang vu. **Chính khu rừng hoang vu ấy mới nói lên ý nghĩa đạo đức nhân bản - nhân quả không làm khổ mình, khổ người, khổ tất cả chúng sanh.** Đó là tòa thánh của Phật giáo, là một kỳ quan thế giới đẹp nhất của mọi người.

Mục đích Phật giáo là giải thoát mọi sự đau khổ, vì thế phải dứt bỏ sanh y, tức là xả bỏ sạch, chỉ còn ba y một bát, sống không nhà cửa, không gia đình. Đó là một giới hạnh của người tu sĩ, thế mà có chùa to, Phật lớn thì giới hạnh của tu sĩ còn gì? Như vậy, tu sĩ nào sống trong chùa to Phật lớn là tu sĩ phạm giới. Tu sĩ phạm giới là Ma Ba Tuần trong Phật giáo, là trùng trong lòng sư tử đang diệt Phật giáo. Xin các bạn lưu ý.

Còn bảo rằng tu sĩ đã tu xong, ở trong chùa to Phật lớn, đâu sợ gì dính mắc; vả lại, dùng cơ sở đó làm nơi giảng đạo thì mọi người tập trung về nghe pháp rất tiện lợi.

Thuyết giáo đầu bằng thân giáo, người sống phạm giới, phá giới mà thuyết giảng cho mọi người nghe cũng giống như đào kép hát múa, diễn tuồng trên sân khấu. Chùa to Phật lớn là sân khấu cho những giảng sư tu hành chưa tới đâu, **còn người tu chứng đạo, vì ích lợi mọi người, nên giữ đúng Phạm hạnh “xả phước cầu bản”, lấy thân giáo dạy người,** làm gương sáng đạo đức cho mọi người soi, nên từ già những nơi cung vàng điện ngọc, chùa to Phật lớn.

NHỤC THÂN

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Trong sách Đường Về Xứ Phật, Thầy có đề cập đến những vị tu thiền để lại nhục thân. Theo Phật giáo, người tu sĩ để lại nhục thân là không đúng với chủ trương của đạo Phật. Người tu thiền để lại nhục thân không từ trường, chỉ khi nào nhập định mới có từ trường. Vậy con có những giả thuyết như sau:*

- Thứ nhất: *Uớp xác bằng các hình thức, nhưng khi chết cơ thể rất đau đớn, không thể ngồi trong tư thế kiết già.*

- Thứ hai: *Dùng thuốc tự tử trong tư thế ngồi kiết già, thì phải lấy dây bó thật chặt, nếu không trước khi chết mà cơ thể gãy dựa, ngã nghiêng thì không thể ngồi ngay thẳng.*

- Thứ ba: *Phải có một pháp môn nào đó, họ tự tại ra đi trong tư thế kiết già. Và như vậy họ cũng làm chủ được sự chết. Con vô minh cúi mong Thầy chỉ dạy.*

Đáp: Đức Phật nhìn thân người là một chất bất tịnh hôi thối, do các duyên hợp lại, thường thay đổi tạo nhiều khổ đau, nên thân người không có gì quý báu.

Nhiều người tu hành không hiểu mục đích của đạo Phật, nên thường nghĩ ra những điều kỳ lạ để bảo chứng sự tu hành của mình là đã chứng đạo.

Thưa các bạn! Mục đích của đạo Phật là chỗ bất động tâm trước pháp ác và các cảm thọ, chứ không phải để lại nhục thân, xá lợi, v.v... hoặc ngồi thiền năm bảy ngày, tịnh chỉ hơi thở hoặc thị hiện thần thông biến hoá, tàng hình, v.v...

Trong kinh sách Phật không có dạy cách thức tu tập để lại nhục thân và xá lợi, chỉ có các vị Tổ bày đặt ra để lừa đảo người khác, khiến cho tín đồ mê tín hiệu kỳ cúng dường nhiều tiền bạc, để thụ hưởng ngồi trong mát ăn bát vàng và xây cất chùa to, Phật lớn làm nơi du lịch tham quan, để thu lợi nhiều hơn nữa.

Nghệ thuật ướp xác để lại nhục thân hoặc xá lợi bằng mọi hình thức khác nhau, đó không phải mục đích của đạo Phật như trên đã nói. Để lại nhục thân và xá lợi là hình thức của ngoại đạo, là trò lừa đảo bằng con đường thiền ức chế tâm như: thiền Yoga, thiền ông Tư, ông Tám, Thiền tông Trung Hoa, Mật tông Tây Tạng, v.v...

Thấy cái lạ và cái kỳ đặc mà cho người đó tu chứng đạo là sai. Người làm trò ảo thuật có tu chứng đạo không? Người chui qua vạn lý trường thành, người chôn trong đất, chìm trong nước không chết, người đi trên lửa không cháy, những người ấy có chứng đạo không? Chứng đạo sao còn háo danh biểu diễn những trò ảo thuật như vậy?

Chứng đạo là làm chủ sanh, già, bệnh, chết, sống đúng giới hạnh nên chuyển hoá nhân quả ác, biến thế gian thành cõi Cực Lạc, Thiên Đàng.

Phật giáo có mục đích tu chứng rõ ràng, cụ thể, không có mơ hồ trừu tượng, không có thần thông ảo thuật, nên không chấp nhận những trò lừa đảo này. Xin các bạn lưu ý, đừng để ngoại đạo lường gạt.



VĂN THÙ SƯ LỢI

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Trong sách Hành Thập Thiện (trang 57), Thầy có ví dụ về Ngài Văn Thù Sư Lợi tại núi Nga Mi Trung Quốc. Vậy Ngài Văn Thù có hay không? Kinh sách Đại thừa thường nói về Văn Thù Sư Lợi, nhưng kinh sách Nguyên thủy thì không có. Vậy mong Thầy dạy cho.*

Đáp: Ngài Văn Thù Sư Lợi ở núi Nga Mi là người Trung Quốc tu theo Lão Tử (Tiên đạo). Đọc lại đoạn kinh Hành Thập Thiện thì chúng ta thấy lời nói của Ngài Văn Thù giống như lời nói của các vị thiên sư Trung Hoa.

Kinh sách Đại thừa chịu ảnh hưởng Tiên đạo nên sinh ra Thiên tông. Thiên tông chính là con của Lão Tử.

Văn Thù Sư Lợi trong kinh Đại thừa là một vị Thần của Bà La Môn, chứ không phải Văn Thù Sư Lợi của Trung Hoa ở núi Nga Mi.

Tiểu thuyết gia Trung Quốc, tác giả bộ truyện Phong Thần đã biến hai vị Văn Thù Sư Lợi thành một vị, bằng cách cho Ngài Văn Thù Sư Lợi trước tu Tiên rồi sau tu theo Phật. Đó là những nhân vật tiểu thuyết, chứ không có thật, chỉ có những người thiếu tri kiến nhận xét mới tin những nhân vật huyền thoại hư cấu của tiểu thuyết.

Đây là những nhân vật hư cấu, không có lịch sử chân thật. Khi đưa ra nhân vật này trong kinh Hành Thập Thiện, là chúng tôi có mục đích dung hòa Đại thừa, Thiền tông và Nguyên thủy, vì thời điểm đó nói thẳng bất lợi.

Kinh sách phát triển Đại thừa có từ bên Ấn Độ, nên ngài Văn Thù Sư Lợi phải là người Ấn Độ. Vì vậy, có hai vị Văn Thù Sư Lợi, một Trung Hoa, một Ấn Độ. Từ xưa đến nay người ta đã lầm, tưởng là có một vị mà thôi.



KINH THẬP VƯƠNG KHÔNG PHẢI PHẬT THUYẾT

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Chúng con tâm còn hoảng loạn, trong lúc có người thân quyến ra đi, thật là lưu luyến kẻ ở người đi, lòng sầu bi, ử dột. Lúc còn sống phải chuẩn bị mua sắm áo chết để mặc, “áo lục thù, áo hải hội” để khi chết đi xuống địa ngục, quỷ sứ nhìn thấy, biết đó là đệ tử của nhà Phật, mà không hành án nặng, giảm khinh tội. Thưa thầy, con chưa hiểu, xin thầy chỉ dạy.*

Đáp: Đạo Phật cả quyết và xác định không có thế giới siêu hình, thì làm sao có linh hồn mặc áo hải hội, áo lục thù đi xuống địa ngục.

Đạo Phật chỉ có một thế giới con người đang sống, là thế giới tướng tri, con người đang lầm chấp cho đó là thế giới có thật sự, nên tạo biết bao nhiêu nhân quả bất thiện, để rồi cũng phải chịu sống với bao nhiêu quả khổ đau, vui ít, khổ nhiều. Còn kẻ nào tạo ra những điều cực ác, thì phải thọ lấy cảnh sống toàn khổ, đó là Địa Ngục trần gian, chứ không có địa ngục nào khác nữa. Còn kẻ nào làm toàn thiện, không làm khổ mình, khổ người, thì kẻ ấy có một cuộc sống an vui, hạnh phúc, đó là cảnh giới của chư Thiên. Còn kẻ nào cũng sống toàn thiện như trên, mà biết xa lìa tâm ham muốn (dục), không làm khổ mình, khổ

người, thì tâm hồn thường thanh thản, yên vui, an lạc và vô sự, đó là Niết Bàn tại thế gian.

Đối với đạo Phật, cảnh Thiên Đàng, Địa Ngục và Niết Bàn đều ở tại thế gian, không phải đi tìm nơi đâu xa cả. Tất cả những cảnh giới đó đều là những trạng thái của tâm.

1- Làm ác chịu quả khổ, đó là Địa Ngục tại thế gian, tại tâm.

2- Làm thiện hưởng phước báo an vui, hạnh phúc, tai qua, nạn khỏi, sống cuộc đời đầy đủ, không thiếu hụt, muốn chi có nấy, đó là cảnh Thiên Đàng tại thế gian, cũng tại tâm.

3- Sống ly dục, ly ác pháp, diệt ngã, xả tâm, tâm hồn vô sự, thanh thản, trầm lặng, an lạc, đó là cảnh giới Niết Bàn tại thế gian, cũng tại tâm.

Áo lục thù và áo hải hội là của các thầy cúng và các thầy phù thủy, bày đặt chuyện ra lừa đảo, lường gạt những người không hiểu giáo lý đạo Phật chơn chánh. Họ dựa theo một số kinh sách mê tín của Phật, mà bảo với tín đồ đó là lời Phật dạy: “Làm như vậy, cúng bái như vậy sẽ có lợi ích và phước báo lớn”.

Làm gì có quỷ sứ, ngưu đầu, mã diện. Trong kinh sách Nguyên Thủy của đạo Phật có nói đến quỷ vô thường, quỷ la sát; nói quỷ vô thường là nói đến sự vô thường của thân tứ đại, và nói quỷ la sát là nói đến các pháp ác, chứ không phải có con quỷ vô thường và con quỷ la sát thật sự. Nhưng người đời không hiểu, cho đó là có quỷ thật sự, có cõi địa ngục Diêm La thật sự.

Trong kinh Thập Vương của Đại thừa diễn tả mười cảnh địa ngục, có mười vị vua Diêm La Vương, có quỷ sứ, có ngu hầu, có mã diện, có phán quan, v.v...

Đó là một thế giới tưởng của Phật giáo phát triển vẽ ra để lừa đảo tín đồ, khiến cho tín đồ quá sợ hãi. **Do sự sợ hãi đó mà quý thầy Phật giáo phát triển bảo làm sao thì tín đồ làm vậy, không dám suy nghĩ đúng, sai những điều đã được dạy bảo**, nên phải chịu hao tài tốn của rất nhiều về vấn đề cầu siêu, cúng vong, tiền linh, trừ linh, trừ thần, v.v...

Nếu ai không tin, chống lại thì sẽ bị dọa vào Địa Ngục, bị cắt lưỡi, bị cưa hay nấu dầu, bị đốt hoặc bị đói khát, v.v... Những người kém hiểu biết nghe những lời hù dọa này ai mà không sợ.

Tóm lại, Kinh Thập Vương là loại kinh sách của Phật giáo phát triển, tức là của Bà La Môn giáo, chứ không phải kinh đức Phật thuyết! Đây là một lối lừa đảo mê tín, phi đạo đức của các nhà sư phát triển, để dụ dỗ, hù dọa mọi người theo giáo phái của mình, chứ đó không phải là Phật giáo Nguyên Thủy.

(Trích ĐVXP tập 4 trang 16-119)



MỤC LỤC

Lời nói đầu	4
Sự sai biệt giữa giáo pháp của Phật với Đại thừa (Thiền, Tịnh, Mật) và Bà La Môn	9
Kinh sách Đại thừa không phải Phật thuyết	14
Tượng Phật quá nhiều	16
Tệ nạn mê tín, cầu cúng, lễ hội và những kinh sách lừa đảo, mạo danh Phật thuyết	20
Kinh Tứ Thập Nhị Chương	39
Phật và A La Hán	42
Ngũ nhân còn quá ít	43
Bố thí của cải	44
Khi tu thiền của Phật, nghĩ gì về lý Bát Nhã ...	56
Bát Nhã Tâm Kinh	74
Vô khổ, tập, diệt, đạo	76
Đạo Phật là một tôn giáo tự lực	89
Cái hay của Đại thừa là cái tưởng của Bồ tát Long Thọ	94
Đức Phật dạy thế giới siêu hình không có	99
Đại thừa có ý đồ diệt Phật giáo	100
Đức Phật và chúng Thánh tăng đều ăn ngày một bữa mà đã chứng đạo	105
Thầy Chơn Quang giẫm lại kiến tưởng Đại thừa	108
Phước chúng sanh chưa đủ, tìm một vị A La Hán rất khó.....	112

Pháp sai chứ người không sai.....	113
Kinh Duy Ma Cật là một trong những bộ kinh phi đạo đức, không phải của Phật thuyết; Nam tông, Bắc tông và đạo đức Phật giáo	115
Đức Phật Di Lặc	146
Hình ảnh Quan Thế Âm Bồ Tát	150
Mạc na thức và A lại da thức	151
Thông minh	153
Hủy hoại cơ thể hoặc một phần cơ thể để cúng dường chư Phật, cầu Vô thượng pháp	155
Những kinh sách Đại thừa luận về Phật tánh, giác tánh thì không phải Phật thuyết	167
Người tu theo Phật phải tu đúng pháp, đúng cách, đúng căn cơ, đặc tướng, và phải biết những loại kinh sách nào mê tín, không phải của đức Phật thuyết	181
Sanh đã tận, Phạm hạnh mới xong.....	188
Chân lý Tập đế.....	193
Tu là sửa, chứ không phải tụng kinh, niệm chú, niệm Phật, cúng bái, ngồi thiền	212
Chấn chỉnh Phật giáo	217
Chùa to, Phật lớn	226
Nhục thân	231
Văn Thù Sư Lợi	233
Kinh Thập Vương không phải Phật thuyết	235

GIỚI THIỆU SÁCH

Sách của Trưởng lão Thích Thông Lạc chỉ tặng, không bán. Xin các bạn tìm đọc:

- 1- Sống Mười Điều Lành (2011)
- 2- Đường Về Xứ Phật (10 tập - 2011)
- 3- Những Lời Gốc Phật Dạy (4 tập - 2011)
- 4- Văn Hóa Phật Giáo Truyền Thống
(2 tập - 2011)
- 5- Lòng Yêu Thương - tập II (2011)
- 6- Thanh Quy Tu Viện Chơn Như (2010)
- 7- Sống Một Mình Như Con Tê Ngưu (2010)
- 8- Linh Hồn Không Có (2010 - Quý IV)
- 9- Lịch Sử Chùa Am (2010)
- 10- Giới Đức Làm Người (2 tập - 2010)
- 11- Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo (2010)
- 12- Muốn Chứng Đạo Phải Tu
Pháp Môn Nào (2010)
- 13- Mười Hai Cửa Vào Đạo (2009)
- 14- Lòng Yêu Thương (2009, 2011)
- 15- Đạo Đức Làm Người (tập I, II - 2011)
- 16- Những Chặng Đường Tu Học
Của Người Cư Sĩ (2011)
- 17- Hỏi Đáp Oai Nghi Chánh Hạnh (2011)
- 18- Tạo Duyên Giáo Hóa Chúng Sinh (2011)
- 19- Thiền Căn Bản - tập I

- 20- Thời Khóa Tu Tập Trong Thời Đức Phật
- 21- Giáo Án Rèn Nhân Cách Lớp Ngũ Giới:
Đức Hiếu Sinh (tập I, II, II)
- 22- Giáo Án Rèn Nhân Cách Lớp Ngũ Giới:
Đức Ly Tham (tập I)
- 23- Giáo Án Rèn Nhân Cách Lớp Ngũ Giới:
Đạo Đức Gia Đình (tập I)
- 24- Mười Giới Thánh Đức Sa Di (tập I, II)
- 25- Giới Đức Thánh Tăng, Thánh Ni
- 26- Phật Giáo Có Đường Lối Riêng Biệt
- 27- Định Niệm Hơi Thở
- 28- Những Lời Tâm Huyết (tập I, II)
- 29- Pháp Môn Niệm Phật Tứ Bất Hoại Tịnh
- 30- Nghi Thức Thọ Trai

.....

Phật tử đã đưa hầu hết kinh sách của Tu viện
Chơn Như lên mạng ở địa chỉ:

<http://chonnhu.net>

<http://chonlac.org>



Sách này do Phật tử nhiều nơi, cả trong nước
và nước ngoài phát tâm ấn tống.

Ước mong mọi người sẽ cùng nhau sống không
làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng
sinh.

NGƯỜI PHẬT TỬ CẦN BIẾT - TẬP II

Trưởng lão THÍCH THÔNG LẠC

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Phường Yên Hòa - Q. Cầu Giấy - Hà Nội

ĐT: (04) 37822845 - Fax: (04) 37822841

Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN CÔNG OÁNH

Biên tập: Lê Hồng Sơn

Bìa: Thiện Thành

Trình bày: Thiện Thành

Sửa bản in: Ngọc Phúc

Đối tác liên kết:

TU VIỆN CHƠN NHƯ

Điện thoại: (066) 389.2911 - 098.809.4445

Email: chonnhu.info@gmail.com

Số lượng in: 2.000 bản, khổ: 13 x 20,5 cm
In tại **CÔNG TY CP IN KHUYẾN HỌC PHÍA NAM**
TP.HCM - ĐT: (08) 38164415

Số xuất bản: 811-2011/CXB/36-104/TG
In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2011